

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số: 06 /2022/CBIT-CMC

(Về chào bán trái phiếu ra công chúng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 05 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CMC
2. Mã chứng khoán: CVT
3. Trụ sở chính: Lô B10 - KCN Thụy Vân - Xã Thụy Vân - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
4. Điện thoại: 02103 991706
5. Người thực hiện công bố thông tin
- Họ và tên: Ngô Đức Vũ - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật.
- Địa chỉ: Lô B10-B11 KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường
 Định kỳ

6. Nội dung thông tin công bố

Công bố thông tin: Về việc chào bán trái phiếu ra công chúng.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/01/2022 tại đường link: <http://www.cmcfile.com.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Ngô Đức Vũ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬT TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬT TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-46
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2019</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2019</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019</i>	14-43
Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	44 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và thông tin chi nhánh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần hay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 366.908.870.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ
Điện thoại : 0210.3 991 706
Fax : 0210.3 991 800
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 5 2 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003

Đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 46).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Nguyễn Quang Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Tạ Quang Vững	Ủy viên	
Ông Kiều Thế Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Chung	Ủy viên	
Ông Không Phan Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019 (**)
Bà Vũ Thị Loan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019 (**)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quốc Chính	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Ngô Kim Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019 (**)
Ông Bùi Nhân Chương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019 (**)

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Bình Minh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)

(*) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2020/NQ-HDQT ngày 26 tháng 02 năm 2020.

(**) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 03/2019- NQ- ĐHCĐTN ngày 20 tháng 4 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập và trình bày BCTC tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán,

Phủ Thọ, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2706.01.02/2019/BCTC-NVT2
Ngày : 18 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần CMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020 từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần CMC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNDKHNKT số: 0053-2018-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		619.828.714.883	629.802.391.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	78.804.143.927	62.430.398.333
1. Tiền	111		53.804.143.927	62.430.398.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.308.307.614	86.089.704.232
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.190.875.842	73.105.853.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	32.640.426.171	12.651.442.257
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.225.466.993	2.484.132.085
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(748.461.392)	(2.151.723.508)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	496.002.597.616	476.670.200.721
1. Hàng tồn kho	141		499.560.139.466	476.670.200.721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.557.541.850)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.713.665.726	4.612.088.644
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	21.821.015	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.691.736.941	4.612.088.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		107.770	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		613.187.217.863	705.238.466.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		587.900.866.846	671.307.110.364
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	587.900.866.846	671.307.110.364
<i>Nguyên giá</i>	222		1.342.580.130.727	1.308.941.640.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(754.679.263.881)	(637.634.529.654)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.104.436.651	21.068.180.418
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	17.104.436.651	21.068.180.418
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.181.914.366	12.863.175.541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.181.914.366	12.863.175.541
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.233.015.932.746	1.335.040.858.253

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		533.954.430.121	700.812.985.137
I. Nợ ngắn hạn	310		524.123.680.121	671.625.301.608
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	151.399.026.193	215.899.423.819
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	29.645.146.209	5.179.425.342
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.801.378.530	5.899.056.441
4. Phải trả người lao động	314		29.580.235.304	8.432.171.815
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	7.648.537.663	7.180.503.748
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	47.960.989.941	46.338.556.214
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	247.465.608.070	373.200.930.968
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.622.758.211	9.495.233.261
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.830.750.000	29.187.683.529
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	9.830.750.000	29.187.683.529
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		699.061.502.625	634.227.873.116
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	693.245.502.625	628.411.873.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.876.824.710	14.876.824.710
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.927.911.286	48.828.586.336
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		254.531.896.629	197.797.592.070
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		89.871.724.670	35.811.093.032
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		164.660.171.959	161.986.499.038
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.816.000.000	5.816.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	5.816.000.000	5.816.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.233.015.932.746	1.335.040.858.253

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Thị Thủy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.581.181.750.693	1.558.264.433.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	113.120.784.163	102.129.020.506
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.468.060.966.530	1.456.135.412.496
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	1.182.579.973.817	1.164.516.263.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		285.480.992.713	291.619.149.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	972.783.373	900.280.080
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	29.224.728.348	37.507.939.932
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.343.321.708	34.797.390.518
8. Chi phí bán hàng	25	VL.5	12.548.260.033	11.137.446.496
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	40.961.937.378	39.112.183.055
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		203.718.850.327	204.761.859.982
11. Thu nhập khác	31	VL.7	2.381.424.914	719.753.713
12. Chi phí khác	32	VL.8	54.393.627	2.308.804.407
13. Lợi nhuận khác	40		2.327.031.287	(1.589.050.694)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		206.045.881.614	203.172.809.288
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL.9	41.385.709.655	41.186.310.250
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>164.660.171.959</u>	<u>161.986.499.038</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	<u>4.263,38</u>	<u>4.194,15</u>

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	206.045.881.614	203.172.809.288
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	123.664.598.866	110.664.642.521
- Các khoản dự phòng	03	2.154.279.734	206.458.653
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	72.138.877	225.119.838
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.430.562.917)	(1.041.938.090)
- Chi phí lãi vay	06	28.343.321.708	34.797.390.518
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	357.849.657.882	348.024.482.728
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	47.049.266.413	(33.606.224.093)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.889.938.745)	(126.842.971.137)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(22.512.030.598)	(5.622.357.733)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.659.440.160	(1.726.755.046)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.140.471.943)	(34.627.071.664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.931.095.777)	(48.693.178.485)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.971.800.000)	(5.750.071.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	282.113.027.391	91.155.853.482
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.407.819.142)	(80.734.558.366)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.709.065.800	429.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	905.722.888	770.981.341

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.203.656.101.958	1.255.112.114.445
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.349.117.689.985)	(1.255.178.188.485)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(91.466.137.550)	(43.138.796.745)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(236.927.725.577)	(43.204.870.785)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	16.392.271.360	(11.583.503.413)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	62.430.398.333	74.014.016.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.525.766)	(115.184)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	78.804.143.927	62.430.398.333

Người lập biểu

Vũ Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác..
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp:** Không có.
6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC tổng hợp năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2018.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỷ kế toán năm**
Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**
Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR,...v....

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 23.110 VND/USD và 25.826 VND/EUR.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra bình quân của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 23.230 VND/USD và 26.601 VND/EUR.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 03/2019-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%	8.099.324.950
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	8.099.324.950

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 03/2019-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 20 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% tương ứng số tiền 91.727.217.500 VND

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

17. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi số ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bao lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	846.799.445	1.659.101.394
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.957.344.482	60.771.296.939
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	25.000.000.000	-
Cộng	<u>78.804.143.927</u>	<u>62.430.398.333</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hương Tài	454.344.548	14.434.419.708
Công ty TNHH TM Tuấn Hồng Phú Thọ	261.586.248	1.951.520.001
Công ty cổ phần Công nghiệp Gốm Sứ TAICERA	-	2.212.130.041
Công ty cổ phần ITACA Việt Nam	-	27.230.290.437
Công ty cổ phần Zetta Việt Nam	1.143.732.928	2.081.716.652
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Vinh Phú	745.794.845	698.006.100
Các đối tượng khác	3.585.417.273	24.497.770.459
Cộng	<u>6.190.875.842</u>	<u>73.105.853.398</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tập đoàn Vinatop (thiết bị)	22.352.168.483	1.587.711.983
Công ty Cổ phần truyền thông Sun Rise	-	1.076.730.000
Công ty CPTM dầu khí An Dương	6.522.212.316	7.720.579.452
Công ty Cổ phần TV và XD Liên Việt Phú Thọ	-	759.093.746
Winlong trading co.,LTD	1.340.487.150	-
Các đối tượng khác	2.425.558.222	1.507.327.076
Cộng	<u>32.640.426.171</u>	<u>12.651.442.257</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	191.389.488	-	207.029.488	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.000.000	-	38.000.000	-
Tổng công ty cổ phần Sông Hồng	563.577.538	(563.577.538)	563.577.538	(563.577.538)
Trường đào tạo Tổng sông hồng	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Điện lực Việt Trì	-	-	1.500.000.000	-
Lãi dự thu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	98.252.688	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	284.247.279	-	125.525.059	-
Cộng	1.225.466.993	(613.577.538)	2.484.132.085	(613.577.538)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay
Số đầu năm	2.151.723.508
Trích lập dự phòng trong năm	1.031.673.905
Xóa nợ trong năm	(2.434.936.021)
Số cuối năm	748.461.392

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	232.817.875.747	(2.233.219.343)	286.217.346.667	-
Công cụ, dụng cụ	1.311.948.054	-	1.100.154.908	-
Thành phẩm	264.383.174.410	(1.288.983.263)	188.512.074.962	-
Hàng hóa	281.607.458	(35.339.244)	840.624.184	-
Hàng gửi đi bán	765.533.797	-	-	-
Cộng	499.560.139.466	(3.557.541.850)	476.670.200.721	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	-	73.416.500	(51.595.485)	21.821.015
Cộng	-	73.416.500	(51.595.485)	21.821.015

b) Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa cải tạo CMC1	1.534.945.007	276.206.364	(1.337.564.452)	473.586.919
Chi phí sửa chữa cải tạo CMC2	3.071.761.448	894.545.388	(1.933.168.364)	2.033.138.472
Phí hạ tầng khu công nghiệp	-	291.307.776	(5.409.702)	285.898.074
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.256.469.086	4.885.733.940	(7.752.912.125)	5.389.290.901
Cộng	12.863.175.541	6.347.793.468	(11.029.054.643)	8.181.914.366

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

ĐỀ CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	274.912.837.348	993.752.781.105	38.703.993.768	1.572.027.797	1.308.941.640.018
Tăng trong năm do mua sắm mới	11.074.533.819	12.594.862.314	5.085.316.364	108.400.000	28.863.112.497
Tăng trong năm do đầu tư XD/CB hoàn thành	1.983.589.231	9.540.243.136	-	-	11.523.832.367
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(2.626.379.713)	(3.683.007.996)	-	(6.309.387.709)
Giảm khác (Giảm do phá dỡ)	(439.066.446)	-	-	-	(439.066.446)
Số cuối năm	287.531.893.952	1.013.261.506.842	40.106.302.136	1.680.427.797	1.342.580.130.727

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 48.657.692.814 221.870.002.381 5.951.677.030 1.474.936.886 277.954.309.111

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	126.319.432.464	490.358.772.779	19.435.539.039	1.520.785.372	637.634.529.654
Khấu hao trong năm	27.797.481.352	90.790.518.337	5.037.279.675	39.319.502	123.664.598.866
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.626.379.713)	(3.554.418.480)	-	(6.180.798.193)
Giảm khác (Giảm do phá dỡ)	(439.066.446)	-	-	-	(439.066.446)
Phân loại lại	(265.056.136)	248.641.998	16.414.138	-	-
Số cuối năm	153.412.791.234	578.771.553.401	20.934.814.372	1.560.104.874	754.679.263.881

Giá trị còn lại

Số đầu năm	148.593.404.884	503.394.008.326	19.268.454.729	51.242.425	671.307.110.364
Số cuối năm	134.119.102.718	434.489.953.441	19.171.487.764	120.322.923	587.900.866.846

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 1.003.191.105.899 VND và 513.785.234.597 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy CMC mở rộng.

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	21.068.180.418
Tăng trong năm	7.560.088.600
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(11.523.832.367)
Cộng	<u>17.104.436.651</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Lan	23.166.233.049	29.132.905.561
Cty TNHH Hoàn Cường	8.171.920.542	16.433.406.320
Công ty cổ phần thương mại và vận chuyển Bình Minh	2.764.257.156	10.852.926.911
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Trường Giang	-	10.794.785.959
Công ty TNHH Nam Giang Phú Thọ	7.892.530.480	14.882.191.680
Hãng Panson Ceramics (hongkong)	5.940.816.970	20.847.263.500
Công ty cổ phần tập đoàn Vinatop	16.727.800.618	20.231.638.936
Các đối tượng khác	86.735.467.378	92.724.304.952
Cộng	<u>151.399.026.193</u>	<u>215.899.423.819</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Bình Minh	-	730.178.564
Công ty cổ phần TM Hòa Bình Minh	9.119.167.189	-
Công ty cổ phần ITACA Việt Nam	4.770.973.147	-
Công ty TNHH Đại Long	2.596.592.801	-
Công ty cổ phần phát triển Hòa Bình	2.143.180.650	-
Công ty Cổ Phần Gạch Men MILAN HOME	1.615.829.923	-
Công ty TNHH Hải Vinh	3.133.067.000	2.304.996.160
Công ty trách nhiệm hữu hạn VINAMEN	564.067.625	828.399.307
Các đối tượng khác	5.702.267.874	1.315.851.311
Cộng	<u>29.645.146.209</u>	<u>5.179.425.342</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

được kiểm toán và ký kết theo ngày 31 tháng 12 năm 2019

theo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.957.245	-	47.332.886.167	(47.332.886.167)	56.957.245	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	15.863.295.216	(15.863.295.216)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	111.392.376	-	581.358.692	(692.858.838)	-	107.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.637.396.590	-	41.385.709.655	(38.931.095.777)	7.092.010.468	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.093.310.230	-	5.272.613.005	(5.713.512.418)	652.410.817	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	410.947.250	(410.947.250)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	5.899.056.441	-	110.850.809.985	(108.948.595.666)	7.801.378.530	107.770

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT như sau:

- + Sản phẩm tiêu thụ trong nước : 10%
- + Sản phẩm xuất khẩu : 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	315.953.791	482.435.626
Tiền thuê đất phải nộp bổ sung	7.332.583.872	6.698.068.122
Cộng	<u>7.648.537.663</u>	<u>7.180.503.748</u>

14. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.081.971.565	1.054.945.565
Bảo hiểm xã hội	620.698.183	-
Có tức phải trả	952.488.395	691.408.445
Phải trả đại lý tiền chiết khấu	37.392.502.370	36.761.795.071
Thương kế hoạch	6.082.950.000	6.082.950.000
Tiền ủng hộ của CBNV	1.083.260.279	893.975.410
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	747.119.149	853.481.723
Cộng	<u>47.960.989.941</u>	<u>46.338.556.214</u>

15. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	213.330.045.790	213.330.045.790	266.876.231.749	266.876.231.749
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)</i>	<i>47.295.537.806</i>	<i>47.295.537.806</i>	<i>77.354.428.516</i>	<i>77.354.428.516</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)</i>	<i>84.855.577.565</i>	<i>84.855.577.565</i>	<i>18.183.312.622</i>	<i>18.183.312.622</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)</i>	<i>81.178.930.419</i>	<i>81.178.930.419</i>	<i>141.711.667.720</i>	<i>141.711.667.720</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>29.626.822.891</i>	<i>29.626.822.891</i>
Vay ngắn hạn cá nhân khác	9.279.867.034	9.279.867.034	2.410.535.434	2.410.535.434
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	24.855.695.246	24.855.695.246	103.914.163.785	103.914.163.785
Cộng	<u>247.465.608.070</u>	<u>247.465.608.070</u>	<u>373.200.930.968</u>	<u>373.200.930.968</u>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7190810/HĐTD ngày 14/8/2019, hạn mức cấp tín dụng là 200.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn và mở L/C từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/399109/HĐTD ngày 25 tháng 6 năm 2018 chuyển sang; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp sau:

- + Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐBĐ ngày 12/4/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 19/DN-DB/NHHM390 ngày 11 tháng 11 năm 2019, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích sử dụng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thủy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BDS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thủy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTDHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTDHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23 tháng 05 năm 2017

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 181219/2018-HĐCVHM/NHCT244 - Công ty cổ phần CMC ngày 19 tháng 12 năm 2018, hạn mức cho vay là 180.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay từ hợp đồng tín dụng số 17086/2017-HĐCVHM/NHCT24-CTCPCMC ngày 07 tháng 11 năm 2017; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2019. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng vay Số 181219/2018-HĐCV-SĐBS01/NHCT244- Công ty Cổ phần CMC ngày 18 tháng 12 năm 2019 theo đó sửa đổi "Thời hạn duy trì hạn mức của Hợp đồng cho vay hạn mức số 181219/2018-HĐCVHM/NHCT244 - Công ty cổ phần CMC đến hết ngày 15 tháng 2 năm 2020

NG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ
 6 CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	266.876.231.749	1.183.069.101.958	-	-	(1.236.615.287.917)	213.330.045.790
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)	77.354.428.516	489.469.471.359	-	-	(519.328.362.069)	47.295.537.806
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)	18.183.312.622	143.056.692.946	-	-	(76.384.428.003)	84.855.377.565
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (3)	141.711.667.720	520.752.236.683	-	-	(581.284.973.984)	81.178.930.419
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì	29.626.822.891	29.790.700.970	-	-	(59.417.523.861)	-
- Ngân hàng cá nhân	2.410.535.434	6.500.000.000	-	369.331.600	(100.511.951.760)	9.279.867.034
- Vay dài hạn đến hạn trả	103.914.163.785	-	21.453.483.221	-	-	24.855.695.246
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (4)	-	-	3.256.250.000	-	-	3.256.250.000
- Hợp vốn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5)	103.914.163.785	18.197.233.221	18.197.233.221	-	(100.511.951.760)	21.599.445.246
Tổng cộng	373.200.930.968	1.189.569.101.958	21.453.483.221	369.331.600	(1.337.127.239.677)	247.465.608.070

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (4)	9.830.750.000	9.830.750.000	-	-
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5)	-	-	29.187.683.529	29.187.683.529
Cộng	9.830.750.000	9.830.750.000	29.187.683.529	29.187.683.529

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/399109/HĐTD ngày 03 tháng 12 năm 2018, mục đích vay đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm cho dây chuyền sản xuất - Nhà máy gạch CMC số 1, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 9,8%/năm, tài sản đảm bảo căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/399109/HĐBĐ.

+ Hợp đồng tín dụng số 04/2019/399109/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2019, hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND, mục đích vay đầu tư TSCĐ gián tiếp để thanh toán chi phí liên quan phương án đầu tư thay thế trạm sấy phun, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các Hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo Hợp đồng tín dụng này

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐBĐ ngày 12/4/2019
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/2019/399109/HĐBĐ ngày 24/12/2019

(5) Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5):

+ Hợp đồng tín dụng số 14251005/2014-HDDTDDDDA/NHCT244-CTCPCMC ngày 08 tháng 11 năm 2014, số tiền vay không vượt quá 194.000.000.000 VND, mục đích đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 - giai đoạn 2, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là nhà xưởng, các công trình, máy móc thiết bị của nhà máy CMC số 2 - giai đoạn 2.

+ Hợp đồng cho vay hợp vốn số 17/VCB-VTB-CMC/ĐTDA266 ngày 23 tháng 5 năm 2017, phương thức cho vay hợp vốn, tổng số tiền vay là 160.000.000.000 VND, trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ cam kết cho mỗi bên cho vay với tỷ lệ 50%, tương ứng 80.000.000.000 VND, mục đích đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy gạch Granite thấm muối tan công suất thiết kế 3.000.000 m² sản phẩm/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 17/TSTDHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 và máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 17/TSTDHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 thuộc dự án đầu tư mở rộng xây dựng Nhà máy gạch Granite thấm muối tan công suất 3.000.000 m² sản phẩm/năm".

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (4)</i>		14.087.000.000	(1.000.000.000)	(3.256.250.000)	9.830.750.000
<i>Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ</i>	29.187.683.529		(10.990.450.308)	(18.197.233.221)	-
Cộng	<u>29.187.683.529</u>	<u>14.087.000.000</u>	<u>(11.990.450.308)</u>	<u>(21.453.483.221)</u>	<u>9.830.750.000</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.495.233.261	8.099.324.950	(14.971.800.000)	2.622.758.211
Cộng	<u>9.495.233.261</u>	<u>8.099.324.950</u>	<u>(14.971.800.000)</u>	<u>2.622.758.211</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Văn, TP. Việt Trì, Phú Thọ
CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

được trình bày kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

quyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	282.239.030.000	14.876.824.710	40.139.649.947	197.421.219.292	534.676.723.949
Tăng vốn từ lợi nhuận	84.669.840.000	-	-	(84.669.840.000)	-
Trừ cổ tức bằng tiền	-	-	-	(42.335.854.500)	(42.335.854.500)
Trích quỹ thưởng đạt và vượt KHSX	-	-	-	(17.238.000.000)	(17.238.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.688.936.389	161.986.499.038	161.986.499.038
Trích lập các quỹ	-	-	-	(17.377.872.778)	(17.377.872.778)
Tăng khác (*)	-	-	-	11.441.018	11.441.018
Số cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	48.828.586.336	197.797.592.070	628.411.873.116
Số dư đầu năm nay	366.908.870.000	14.876.824.710	48.828.586.336	197.797.592.070	628.411.873.116
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(91.727.217.500)	(91.727.217.500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	164.660.171.959	164.660.171.959
Trích lập các quỹ	-	-	8.099.324.950	(16.198.649.900)	(8.099.324.950)
Số cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	693.245.502.625

(*) Khoản lỗ lũy kế của chi nhánh Hà Nội đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế không chuyển lỗ về Văn phòng Công ty Cổ phần CMC năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 03/2019- NQ- DHDCĐTN ngày 20 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện trích lập các quỹ và chi cổ tức như sau:

Nội dung	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	8.099.324.950
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.099.324.950
Chi trả cổ tức bằng tiền	91.727.217.500

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.690.887	36.690.887
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Nguồn kinh phí

Là Khoản kinh phí được cấp theo Quyết định số 18/QĐ-NATIF-HĐQL năm 2017 của Quý đối mới công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học Công nghệ về việc phê duyệt cấp kinh phí thực hiện dự án "Nghiên cứu lâm chủ, ứng dụng công nghệ sản xuất gạch Granite thẩm muối tan công suất 3.000.000 m²/năm". Theo đó tổng số kinh phí được tài trợ từ quỹ là 15.757.000.000 đồng. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Quý đã giải ngân về cho Công ty số tiền là 5.816.000.000 đồng.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	9.265,61	1.279,82
Euro (EUR)	2.755,0	1.956,6

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2017	584.352.672	584.352.672
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2018	539.031.714	539.031.714
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2019	2.434.936.021	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1,581.181.750.693	1.558.264.433.002
+ Doanh thu bán hàng hóa	788.852.500	2.895.996.960
+ Doanh thu bán thành phẩm	1.572.008.569.087	1.550.133.410.408
+ Doanh thu khác	8.384.329.106	5.235.025.634
Các khoản giảm trừ doanh thu	(113.120.784.163)	(102.129.020.506)
+ Chiết khấu thương mại	(113.120.784.163)	(100.315.532.989)
+ Hàng bán trả lại	-	(1.483.703.517)
+ Giảm giá hàng bán	-	(329.784.000)
Doanh thu thuần	<u>1.468.060.966.530</u>	<u>1.456.135.412.496</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	560.272.375	2.067.849.629
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.179.022.431.967	1.162.448.413.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.557.541.850	-
Cộng	<u>1.182.579.973.817</u>	<u>1.164.516.263.111</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	905.722.888	770.981.347
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.060.485	129.298.733
Cộng	<u>972.783.373</u>	<u>900.280.080</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	28.343.321.708	34.797.390.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	770.363.218	2.439.724.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.138.877	225.119.838
Chi phí tài chính khác	38.904.545	45.705.000
Cộng	<u>29.224.728.348</u>	<u>37.507.939.932</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.554.710.680	4.160.222.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.235.394	365.652.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.810.605.992	5.400.079.593
Chi phí bằng tiền khác	1.664.219.697	1.147.248.500
Cộng	12.548.260.033	11.137.446.496

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	21.267.206.969	20.066.876.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.277.903.184	2.107.467.751
Thuế, phí và lệ phí	3.643.420	3.871.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.031.673.905	206.458.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.265.898.462	8.818.971.606
Chi phí bằng tiền khác	7.115.611.438	7.908.537.592
Cộng	40.961.937.378	39.112.183.055

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không phải thanh toán	158.455.193	37.667.070
Thu bồi thường từ Trung tâm phát triển Quỹ đất	1.097.067.000	-
Lãi thanh lý nhượng bán TSCĐ	427.773.029	270.956.743
Giảm trừ 10% theo Chính sách thanh toán của Foshan Skyplanet Import and Export	437.293.136	-
Thu nhập khác	260.836.556	411.129.900
Cộng	2.381.424.914	719.753.713

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ phải thu	50.393.627	539.031.714
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	4.000.000	1.760.075.301
Chi phí khác	-	9.697.392
Cộng	54.393.627	2.308.804.407

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	206.045.881.614	203.172.809.288
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	882.666.661	2.758.741.962
+ Chi phí khấu hao	758.666.661	758.666.661
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	120.000.000	240.000.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	4.000.000	1.760.075.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>206.928.548.275</u>	<u>205.931.551.250</u>
Thu nhập tính thuế	206.928.548.275	205.931.551.250
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>41.385.709.655</u>	<u>41.186.310.250</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	164.660.171.959	161.986.499.038
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(8.233.008.598)	(8.099.324.952)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	156.427.163.361	153.887.174.086
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.690.887	36.690.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.263,38</u>	<u>4.194,15</u>

(*) Số trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi này được ước tính 5% Lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 03/2019- NQ- ĐHCĐTN ngày 20 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.690.887	36.690.887

II. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	912.418.733.672	912.240.477.616
Chi phí nhân công	225.703.077.352	108.368.917.033
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.303.999.783	13.113.026.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.664.598.866	110.817.652.621
Chi phí dự phòng	2.320.657.168	206.458.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.606.510.318	113.338.881.034
Chi phí khác bằng tiền	16.383.484.210	12.318.311.524
Cộng	1.310.401.061.369	1.270.403.724.547

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khoản tiền vay cá nhân của Chi nhánh Hà Nội đã bù trừ với khoản phải nợ phải thu khó đòi khi thực hiện thủ tục đóng mã số Chi nhánh Hà Nội		2.463.000.000
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay cá nhân	369.331.600	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

	Năm nay	Năm trước
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	5.071.134.447	6.465.520.614
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền	10.489.610.250	5.083.372.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cổ phiếu		1.016.675

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại và toàn bộ hoạt động của Công ty hầu hết ra trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu xuất khẩu chiếm dưới 5%. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	247.465.608.070	9.830.750.000	-	257.296.358.070
Phải trả người bán	151.399.026.193	-	-	151.399.026.193
Các khoản phải trả khác	85.189.762.908	-	-	85.189.762.908
Cộng	484.054.397.171	9.830.750.000	-	493.885.147.171
Số đầu năm				
Vay và nợ	373.200.930.968	29.187.683.529	-	402.388.614.497
Phải trả người bán	215.899.423.819	-	-	215.899.423.819
Các khoản phải trả khác	61.951.231.777	-	-	61.951.231.777
Cộng	651.051.586.564	29.187.683.529	-	680.239.270.093

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.804.143.927	62.430.398.333	78.804.143.927	62.430.398.333
Phải thu khách hàng	6.088.106.188	71.599.821.628	6.088.106.188	71.599.821.628
Các khoản phải thu khác	611.889.255	1.870.554.347	611.889.255	1.870.554.347
Cộng	85.504.139.370	135.900.774.308	85.504.139.370	135.900.774.308
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	257.296.358.070	402.388.614.497	257.296.358.070	402.388.614.497
Phải trả người bán	151.399.026.193	215.899.423.819	151.399.026.193	215.899.423.819
Các khoản phải trả khác	85.189.762.908	61.951.231.777	85.189.762.908	61.951.231.777
Cộng	493.885.147.171	680.239.270.093	493.885.147.171	680.239.270.093

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp được phân loại lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Phải thu ngắn hạn khác	136	6.993.362.136	(4.509.230.051)	2.484.132.085
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16.558.950.367	4.509.230.051	21.068.180.418
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.553.029.407.368	5.235.025.634	1.558.264.433.002
Thu nhập khác	31	5.954.779.347	(5.235.025.634)	719.753.713
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp				
Chi phí bán hàng				
Chi phí cho nhân viên	VI.6	13.000.000	4.147.222.560	4.160.222.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài		9.547.302.153	(4.147.222.560)	5.400.079.593

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Chi: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

ĐỀ CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đính lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tên đối tượng	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập
Doanh nghiệp tư nhân Công Minh	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	241.665	(120.630)
Công ty TNHH TM và DV Ngọc Hải Quân	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	17.769.226	(8.884.613)
Công ty TNHH MTV ROCKY Nguyễn Đoàn	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	15.842.000	(7.921.000)
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Trường	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	11.122.146	(5.561.073)
Công ty CP dịch vụ vận tải TM Hùng Dũng	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	568.800	(284.400)
Công ty TNHH TM & SX Phong Sơn	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	29.096.110	(14.548.055)
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Bình Phú Thọ	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	90.044.563	(45.022.282)
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Hoàng Dương	Quá hạn trên 3 năm	18.469.335	(18.469.335)	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	18.469.335	(9.234.668)
Công ty Cổ Phần Thương Mại Trang Trí Nội Thất Ta Ra	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	65.534.000	(32.767.000)
Doanh nghiệp tư nhân Nam Long	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	43.752.700	(21.876.350)
Công ty TNHH Gốm Sứ Trung Nguyên	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	137.213.949	(68.606.975)
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đức Thành Vĩnh	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	262.389.491	(131.194.746)
Công ty cổ phần đầu tư TM & DV Thành Đạt	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	(5.000.000)	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	5.000.000	(2.500.000)
Công ty TNHH TM và Vật Liệu Xây Dựng Thành Phát	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	6.724.692	(3.362.346)
Doanh nghiệp tư nhân Quảng Hương	Quá hạn trên 3 năm	12.384.200	(12.384.200)	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	12.384.200	(6.192.100)
Doanh nghiệp tư nhân Đỗ Quang Hiệp	Quá hạn trên 3 năm	84.500	(84.500)	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	84.500	(42.250)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ
 ĐƯỜNG CÁO TAI CHÍNH TÔNG HỢP
 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đối tượng	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập
Công ty Cổ phần Phát Triển Quốc Tế ASIA	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	2.750.000	(1.375.000)
Công ty TNHH MTV Trọng Tín Quảng Ninh	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	24.942.700	(12.471.350)
Thị trường Chứng khoán Việt Nam	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	11.471.869	(11.471.869)
Công ty XD 25- TCT	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	309.043.946	(309.043.946)
Công ty cát sỏi Sông Lô	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	95.635.825	(47.817.913)
Công ty TNHH SX và TM Nhân Hòa	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	106.907.711	(106.907.711)
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Trang Tâm	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	63.781.100	(63.781.100)
Công ty TNHH Ngọc Bích	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	85.083.900	(85.083.900)
Công ty CPXD Hoàng Cường	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	34.965.883	(34.965.883)
Công ty cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	418.982.500	(418.982.500)
Công ty TNHH ĐTTM Ngọc Trường - Bắc Ninh	Đã xóa nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	7.600.900	(7.600.900)
Công ty Công ty Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	563.577.738	(563.577.738)	Quá hạn trên 3 năm	563.577.738	(563.577.738)
Công ty đảo tạo Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)
Công ty luật Hợp danh Hùng Vương	Quá hạn trên 3 năm	20.000.000	(20.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	20.000.000	(20.000.000)
Công ty TNHH Vũ Quốc	Quá hạn trên 3 năm	12.114.000	(12.114.000)	Quá hạn trên 3 năm	12.114.000	(12.114.000)
Công ty TNHH Bao Bị Quang Hưng	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	5.503.980	(2.751.990)			
Tên đối tượng	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số 11/ĐL-ĐT, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

theo quyết định Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.411.720	(1.205.860)	-	-	-	-	-	-
	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	9.454.916	(4.727.459)	-	-	-	-	-	-
	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	19.470.200	(9.735.100)	-	-	-	-	-	-
	Quá hạn trên 3 năm	48.411.210	(48.411.210)	-	Quá hạn trên 3 năm	48.411.210	(48.411.210)	-	-
		766.881.799	(748.461.392)	-		2.571.506.659	(2.151.723.508)	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số: 82 /2020/CBTT - CMC

(V/v: Báo cáo tài chính năm 2019 đã
được kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CMC
2. Mã chứng khoán: CVT
3. Trụ sở chính: Lô B10, B11 – KCN Thụy Vân – Xã Thụy Vân – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ.
4. Điện thoại: 02103 991706 Fax: 02103 991800

5. Người thực hiện công bố thông tin

- Họ và tên : Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: Phường Vân Cờ – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ

Loại thông tin công bố: 24^h 72^h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

6. Nội dung thông tin công bố

Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần CMC đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20 /03/2020 tại đường link: <http://www.cmctile.com.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TCHC

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số: 43 /2021/CBTT - CMC

(V/v: Báo cáo tài chính năm 2020 đã
được kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 03 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CMC
2. Mã chứng khoán: CVT
3. Trụ sở chính: Lô B10, B11 - KCN Thụy Vân - Xã Thụy Vân - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

4. Điện thoại: 02103 991706

Fax: 02103 991800

5. Người thực hiện công bố thông tin

- Họ và tên : Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: Phường Vân Cù - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ

Loại thông tin công bố: 24^h 72^h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

6. Nội dung thông tin công bố

Công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần CMC đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/03/2021 tại đường link: <http://www.cmcjtc.com.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi

- Lưu: TCHC

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-44
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2020</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020</i>	<i>14-42</i>
Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	43 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và thông tin chi nhánh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 366.908.870.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

Điện thoại : 0210.3 991 706

Fax : 0210.3 991 800

Mã số thuế : 2600106523

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh tổng hợp

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Tại ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam và Ông Nguyễn Quang Huy đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần CMC (theo chiếu duyệt minh số V.18).

Các sự kiện quan trọng sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Nguyễn Quang Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (**)
Ông Tạ Quang Vững	Ủy viên	
Ông Kiều Thế Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Chung	Ủy viên	
Ông Không Phan Đức	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Loan	Ủy viên	
Ông Thái Hoàng Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020 (**)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quốc Chính	Phó Tổng Giám đốc kiểm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Ngô Kim Văn	Thành viên	

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Bình Minh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*)

(*) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2020/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2020.

(**) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phụ Tịch, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

Số : 2207.02.02/2020/NVT2-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 25 tháng 2 năm 2021 từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tư Sở Chính:Số 8, phố Cai Linh, Phường Cai Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
(T) (84-24) 3761 3399 (F) (84-24) 3761 5599 (W) www.nvavm (E) vpa@nvavm**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ Bô, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chung rồi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, Ngày 25 tháng 2 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		796.231.705.794	619.828.714.883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154.591.372.374	78.804.143.927
1. Tiền	111		74.591.372.374	53.804.143.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.000.000.000	-
1. Công cụ kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	66.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.656.152.995	39.308.307.614
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.165.489.552	6.190.875.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47.290.185.720	32.640.426.171
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.985.704.046	1.225.466.993
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(785.226.323)	(748.461.392)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	514.674.133.037	496.002.597.616
1. Hàng tồn kho	141		518.231.674.887	499.560.139.466
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.557.541.850)	(3.557.541.850)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.310.047.388	5.713.665.726
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	21.821.015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.310.047.388	5.691.736.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	107.770
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		597.684.188.583	613.187.217.863
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		540.322.937.657	587.900.866.846
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	540.322.937.657	587.900.866.846
Nguyên giá		222		1.423.244.833.047	1.342.580.130.727
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(882.921.895.390)	(754.679.263.881)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227		-	-
Nguyên giá		228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		229		-	-
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
Nguyên giá		231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		44.777.502.487	17.104.436.651
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.10	44.777.502.487	17.104.436.651
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		12.583.740.439	8.181.914.366
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	12.583.740.439	8.181.914.366
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiệt hại, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.393.915.886.377	1.233.915.932.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		630.298.302.005	533.954.430.121
I. Nợ ngắn hạn	310		594.002.754.590	524.123.600.121
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	183.183.161.799	151.399.026.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.846.947.418	29.645.146.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.269.695.843	7.801.378.530
4. Phải trả người lao động	314		36.315.857.404	29.580.235.304
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	309.692.034	7.648.537.663
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	39.493.814.676	47.960.989.941
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	318.309.074.607	247.465.608.070
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.274.510.809	2.622.758.211
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		36.295.547.415	9.830.750.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	36.295.547.415	9.830.750.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763.617.584.372	699.061.502.625
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	750.600.584.372	693.245.502.625
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.876.824.710	14.876.824.710
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.160.919.884	56.927.911.286
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303.653.969.778	254.531.896.629
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		183.029.548.933	89.071.724.670
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.624.420.845	164.660.171.959
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.017.000.000	5.816.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	13.017.000.000	5.816.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.393.915.886.377	1.233.015.932.746

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thủy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.360.411.318.964	1.581.181.750.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	53.053.857.950	113.120.784.163
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.307.357.461.014	1.468.060.966.530
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.083.262.226.039	1.182.579.973.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		224.095.234.975	285.480.992.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.240.233.802	972.783.373
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.403.905.961	29.224.728.348
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.768.480.261	28.343.321.708
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.750.588.431	12.548.260.033
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	47.539.669.921	40.961.937.378
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.641.304.544	203.718.850.327
11. Thu nhập khác	31	VI.7	503.422.887	2.381.424.914
12. Chi phí khác	32	VI.8	94.010.534	54.393.627
13. Lợi nhuận khác	40		414.412.273	2.327.031.287
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151.055.716.817	206.045.881.614
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	30.431.295.972	41.385.709.655
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>120.624.420.845</u>	<u>164.660.171.959</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3.123,21</u>	<u>4.263,38</u>

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	151.055.716.817	206.045.881.614
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	128.242.631.509	123.664.598.866
- Các khoản dự phòng	03	36.764.931	2.154.279.734
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	92.626.264	72.138.877
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.215.863.282)	(2.430.562.917)
- Chi phí lãi vay	06	16.768.480.261	28.343.321.708
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	294.980.356.509	357.849.657.882
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.385.690.335)	47.040.266.413
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.671.535.421)	(22.889.938.745)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	37.655.031.701	(22.512.030.598)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.380.005.058)	4.659.440.160
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.491.882.418)	(28.140.471.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.640.925.128)	(38.931.095.777)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.201.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.581.256.000)	(14.971.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	247.685.093.841	282.113.027.391
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(148.684.722.397)	(31.407.819.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.709.065.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	598.740.628	905.722.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(214.085.981.769)	(28.793.030.454)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền lưu từ đi vay	33	1.029.310.263.688	1.203.656.101.958
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(932.284.859.336)	(1.349.117.689.985)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.838.466.850)	(91.466.137.550)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	42.186.937.502	(236.927.725.577)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	75.786.049.574	16.392.271.360
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	78.804.143.927	62.430.398.333
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.178.873	(18.525.766)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	154.591.372.374	78.804.143.927

Người lập biểu

Vu Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.
3. Ngành nghề kinh doanh
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
 - Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Số lượng lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 853 người lao động

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003

Đến thời điểm liên tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp: Không có.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

I. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc tàng trữ để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời hạn quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCCDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí dự tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh:

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%	8.233.008.598
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	8.233.008.598

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% tương ứng số tiền 55.036.330.500 VND

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B70.B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã kỳ được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR...v....

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.070 VND/USD và 28.007 VND/EUR.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra bình quân của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.190 VND/USD và 29.049 VND/EUR.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang cần có một thời gian dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ tại suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); hao hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

18. Công cụ tài chính

1. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân tích theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN OMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.575.867.764	846.799.445
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.015.504.610	52.957.344.482
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	25.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>80.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>
Cộng	<u>154.591.372.374</u>	<u>78.804.143.927</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì. Toàn bộ số tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì (tham chiếu thuyết minh V.16).

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hương Tài	-	454.344.548
Công ty TNHH TM Tuấn Hồng Phú Thọ	-	261.586.248
Công ty TNHH Thương Mại Cường Đạt	324.955.483	224.112.075
Công ty TNHH TLG Thăng Long	3.893.378.503	675.667.258
Công ty Cổ phần Zetta Việt Nam	435.290.997	1.143.732.928
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Vĩnh Phú	-	745.794.845
Các đối tượng khác	<u>3.511.864.569</u>	<u>2.685.637.940</u>
Cộng	<u>8.165.489.552</u>	<u>6.190.875.842</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tập đoàn Vinatop (chiết bị)	21.388.533.642	22.352.168.483
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	10.159.284.576	6.522.212.316
Lide trading Co., Ltd	9.543.853.715	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Liên Việt Phú Thọ	2.349.467.900	-
Winlong trading co.,LTD	-	1.340.487.150
Các đối tượng khác	<u>3.849.045.887</u>	<u>2.425.558.222</u>
Cộng	<u>47.290.185.720</u>	<u>32.640.426.171</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tam ứng	202.389.488	-	191.389.488	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.000.000	-	38.000.000	-
Tổng công ty cổ phần Sông Hồng	563.577.538	563.577.538	563.577.538	563.577.538
Trường đào tạo Tổng sông Hồng	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Lãi dự thu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	715.375.342	-	98.252.688	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	416.361.678	-	284.247.279	-
Cộng	1.985.704.046	613.577.538	1.225.466.993	613.577.538

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục 3: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	167.388.200.123	(2.233.219.343)	232.817.875.747	(2.233.219.343)
Công cụ, dụng cụ	1.002.071.936	-	1.311.948.054	-
Thành phẩm	348.537.010.517	(1.288.983.263)	264.383.174.410	(1.288.983.263)
Hàng hóa	624.856.664	(35.339.244)	281.607.458	(35.339.244)
Hàng gửi đi bán	679.535.647	-	765.533.797	-
Cộng	518.231.674.887	(3.557.541.850)	499.506.139.466	(3.557.541.850)

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Tăng trong năm	Giá trị	Tăng trong năm
Chi phí hao mòn	21.821.015	-	21.821.015	-
Cộng	21.821.015	-	21.821.015	-

b) Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Tăng trong năm	Giá trị	Tăng trong năm
Chi phí sửa chữa cải tạo CMC1	473.586.919	173.407.273	(482.412.944)	164.581.248
Chi phí sửa chữa cải tạo CMC2	2.033.138.472	3.247.901.520	(2.070.714.766)	3.210.325.226
Phí họ tầng khu công nghiệp	285.898.074	-	(8.674.177)	277.223.897
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.389.290.901	11.795.623.619	(8.253.304.452)	8.931.610.068
Cộng	8.181.914.366	15.216.932.412	(10.815.106.339)	12.583.740.439

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	287.531.893.952	1.013.261.506.842	40.106.302.136	1.680.427.797	1.342.580.130.727
Tăng trong năm do mua sắm mới	4.632.250.909	29.159.902.036	3.892.017.273	88.181.818	37.772.352.036
Tăng trong năm do đầu tư XDCB hoàn thành	5.180.848.619	37.711.501.665	-	-	42.892.350.284
Số cuối năm	297.344.993.480	1.080.132.910.543	43.998.319.409	1.768.609.615	1.423.244.833.047
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>88.087.616.149</i>	<i>281.412.825.570</i>	<i>8.445.020.830</i>	<i>1.572.027.797</i>	<i>379.517.490.346</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	153.412.791.234	578.771.553.401	20.934.814.372	1.560.104.874	754.679.263.881
Khấu hao trong năm	27.288.397.142	95.431.802.800	5.478.637.187	43.794.380	128.242.631.509
Số cuối năm	180.701.188.376	674.203.356.201	26.413.451.559	1.603.899.254	882.921.895.390
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	134.119.102.718	434.489.953.441	19.171.487.764	120.322.923	587.900.866.846
Số cuối năm	116.643.805.104	405.929.554.342	17.584.867.850	164.710.361	540.322.937.637

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.029.943.794.600 VND và 431.707.009.768 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Việt Trì.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình xây dựng dở dang	17.104.436.651	38.795.416.120	(42.892.350.284)	13.007.502.487
Dự án tại Khu Đất Bạch Hạc	-	31.770.000.000	-	31.770.000.000
Cộng	17.104.436.651	70.565.416.120	(42.892.350.284)	44.777.502.487

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Lan	11.216.453.027	23.166.233.049
Công ty TNHH Hương Tài	6.099.651.800	4.554.673.200
Công ty Cổ phần IDC	6.494.316.840	-
Công ty TNHH Hoàn Cường	490.697.118	8.171.920.542
Công ty Cổ phần thương mại và vận chuyển Bình Minh	7.700.926.215	2.764.257.156
Công ty TNHH MTV SX & TM nguyên liệu Ceramic VN	10.297.989.100	6.273.414.600
Công ty TNHH Nam Giang Phú Thọ	8.720.643.480	7.892.530.480
Hãng Panson Ceramics (Hongkong)	14.639.035.450	5.940.816.970
Công ty Cổ phần tập đoàn Vinatop	35.283.525.914	16.727.800.618
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc YCA Limited	4.103.110.108	7.183.948.778
Lade Trading Co., Ltd	4.379.312.150	-
Công ty TNHH MTV vận tải Sơn Tùng BX	-	4.332.859.615
Foshan Winlong Trading Co.,LTD	3.226.383.300	1.128.277.200
Các đối tượng khác	-	2.670.404.650
	70.531.117.297	60.591.889.335
Cộng	183.183.161.799	151.399.026.193

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Hòa Bình Minh	1.759.094.230	9.119.167.189
Công ty Cổ phần ITACA Việt Nam	90.184.756	4.770.973.147
Công ty TNHH Đại Long	4.676.183	2.596.592.801
Công ty Cổ phần phát triển Hòa Bình	144.079.510	2.143.180.650
Công ty Cổ Phần Gạch Men MILAN HOME	-	1.615.829.923
Công ty TNHH Hải Vinh	-	3.133.067.000
Công ty TNHH VINAMEN	794.178.465	564.067.625
Công ty TNHH Trường Thành Bắc Giang	16.128.843	830.061.043
Các đối tượng khác	2.038.605.431	4.872.206.831
Cộng	4.846.947.418	29.645.146.209

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.957.245	-	28.134.104.574	(28.134.103.574)	56.958.245	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	14.515.623.251	(14.515.623.251)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	107.770	327.011.589	(209.987.871)	116.915.948	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.092.010.468	-	30.431.295.972	(31.640.925.128)	5.882.381.312	-
Thuế thu nhập cá nhân	652.410.817	-	2.762.753.099	(3.228.685.373)	186.478.543	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.480.621.489	(6.480.621.489)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	31.961.795	(5.000.000)	26.961.795	-
Cộng	7.801.378.530	107.770	82.683.371.769	(84.214.946.686)	6.269.695.843	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT như sau:

- + Sản phẩm tiêu thụ trong nước : 10%
- + Sản phẩm xuất khẩu : 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	309.692.034	315.953.791
Tiền thuê đất phải nộp bổ sung	-	7.332.583.872
Cộng	<u>309.692.034</u>	<u>7.648.537.663</u>

15. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.538.798.530	1.081.971.565
Bảo hiểm xã hội	-	620.698.183
Cổ tức phải trả	1.150.352.045	952.488.395
Phải trả đại lý tiền chiết khấu, đặt cọc	18.761.263.107	37.392.502.370
Thương kế hoạch 2016	2.541.150.000	2.541.150.000
Thương kế hoạch 2017	3.541.800.000	3.541.800.000
Tiền ủng hộ của CBNV	1.383.960.281	1.083.260.279
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.576.490.713	747.119.149
Cộng	<u>39.493.814.676</u>	<u>47.960.989.941</u>

16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	302.784.498.306	302.784.498.306	213.330.045.790	213.330.045.790
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)	73.546.030.619	73.546.030.619	47.295.537.806	47.295.537.806
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)	5.657.365.906	5.657.365.906	84.855.577.565	84.855.577.565
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)	127.624.504.626	127.624.504.626	81.178.930.419	81.178.930.419
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì (4)	95.956.397.155	95.956.397.155	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác	5.080.535.286	5.080.535.286	9.279.867.034	9.279.867.034
Vay dài hạn đến hạn trả	10.444.041.015	10.444.041.015	24.855.695.246	24.855.695.246
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	4.687.791.015	4.687.791.015	16.599.445.246	16.599.445.246
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	3.256.250.000	3.256.250.000	3.256.250.000	3.256.250.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	2.500.000.000	2.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>318.309.074.607</u>	<u>318.309.074.607</u>	<u>247.465.608.070</u>	<u>247.465.608.070</u>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/399109/HĐTD ngày 02 tháng 11 năm 2020, hạn mức cấp tín dụng là 150.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh và mở L/C từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7190810/HĐTD ngày 14 tháng 8 năm 2019 chuyển sang; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- + Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399/109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399/109/HĐBĐ ngày 12/4/2019

2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 19/DN-DB/NH10M390 ngày 11 tháng 11 năm 2019, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này (*Hợp đồng hạn mức tín dụng này đã được gia hạn đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2021*), thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích sử dụng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thủy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BDS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thủy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTDHTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTDHTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23 tháng 05 năm 2017

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0201/2020-HĐCVHM/NHCT244 - Công ty cổ phần CMC ngày 25 tháng 02 năm 2020, hạn mức cho vay là 180.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay từ hợp đồng tín dụng số 181219/2018-HĐCVHM/NHCT24-CTCPCMC ngày 19 tháng 12 năm 2018; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 25 tháng 02 năm 2021.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Việt Trì theo Hợp đồng tín dụng số 58105.20.351.400854.TD ngày 09 tháng 11 năm 2020, số tiền cấp hạn mức tín dụng không vượt quá 225.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2021, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn tại văn bản nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất gạch, ngói của CMC. Khoản vay được đảm bảo bằng Phương tiện văn tài; máy móc thiết bị; hàng hóa; khoản phải thu hình thành trong tương lai, Bất động sản theo quy định của MB từng thời kỳ; Hợp đồng tiền gửi số 44562.20.351.400854.TG.DN và hợp đồng tiền gửi số 44935.20.351.400854.TG.DN.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 14251005/2014-HDDTDDDA/NHCT244-CTCPCMC ngày 08 tháng 11 năm 2014, số tiền vay không vượt quá 194.000.000.000 VND, mục đích đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 - giai đoạn 2, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là nhà xưởng, các công trình, máy móc thiết bị của nhà máy CMC số 2 - giai đoạn 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (bộ hợp) (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Lãi vay nhập gốc</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	213.330.045.790	990.107.752.940	-	-	(900.653.300.424)	302.784.498.306
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)</i>	<i>47.295.537.806</i>	<i>247.081.239.017</i>	-	-	<i>(220.830.746.204)</i>	<i>73.546.030.619</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)</i>	<i>84.853.577.563</i>	<i>170.491.553.583</i>	-	-	<i>(249.689.565.242)</i>	<i>5.657.565.906</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)</i>	<i>81.178.930.419</i>	<i>476.578.563.185</i>	-	-	<i>(430.132.988.978)</i>	<i>127.624.504.626</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì (4)</i>	-	<i>95.956.397.155</i>	-	-	-	<i>95.956.397.155</i>
Vay ngắn hạn cá nhân	9.279.867.034	3.628.000.000	-	282.859.600	(8.110.191.348)	5.080.535.286
Vay dài hạn đến hạn trả	24.855.695.246	-	5.756.250.000	-	(20.167.904.231)	10.444.041.015
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)</i>	<i>16.599.445.246</i>	-	-	-	<i>(11.911.654.231)</i>	<i>4.687.791.015</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)</i>	<i>3.256.250.000</i>	-	<i>3.256.250.000</i>	-	<i>(3.256.250.000)</i>	<i>3.256.250.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)</i>	<i>5.000.000.000</i>	-	<i>2.500.000.000</i>	-	<i>(5.000.000.000)</i>	<i>2.500.000.000</i>
Cộng	<u>247.465.608.070</u>	<u>993.735.752.940</u>	<u>5.756.250.000</u>	<u>282.859.600</u>	<u>(928.931.396.003)</u>	<u>318.309.074.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	18.604.270.748	18.604.270.748		
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	10.773.176.667	10.773.176.667	9.830.750.000	9.830.750.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	6.918.100.000	6.918.100.000	-	-
Cộng	36.295.547.415	36.295.547.415	9.830.750.000	9.830.750.000

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo các Hợp đồng tín dụng sau

+ Hợp đồng tín dụng số 3023403/2020-HDCVĐAT/NHCT244-CMC ngày 30 tháng 07 năm 2020, số tiền vay không vượt quá 27.300.000.000 VND, mục đích cải tạo xây dựng và lắp đặt thiết bị nâng cao năng lực sản xuất - Nhà máy gạch số 2, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 17/MMTBHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23/05/2017.

+ Hợp đồng tín dụng số 3023413/2020-HDCVĐAT/NHCT244-CMC ngày 30 tháng 09 năm 2020, số tiền vay không vượt quá 2.000.000.000 VND, mục đích dự án sửa chữa cải tạo lò nung dây chuyền sản xuất số 2 và cải tạo mái nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2 tại nhà máy gạch CMC số 2, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 17/MMTBHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23/05/2017.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo các Hợp đồng tín dụng sau

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/399109/HĐTD ngày 03 tháng 12 năm 2018, mục đích vay đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm cho dây chuyền sản xuất - Nhà máy gạch CMC số 1, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 9,8%/năm, tài sản đảm bảo căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/399109/HĐĐ.

+ Hợp đồng tín dụng số 04/2019/399109/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2019, hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND, mục đích vay đầu tư TSCĐ gián tiếp để thanh toán chi phí liên quan phương án đầu tư thay thế trạm sấy phun, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các Hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo Hợp đồng tín dụng này bao gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399109/HĐĐ ngày 28/10/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐĐ ngày 04/7/2016
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐĐ ngày 12/4/2019
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 05/2019/399109/HĐĐ ngày 24/12/2019

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20BB/DN-DB/THTL03 ngày 10/01/2020, số tiền vay là 15.000.000.000 VND, mục đích vay tài trợ nhu cầu đầu tư mới dây chuyền lò nung gạch men ốp lát tại Dây chuyền sản xuất số 1 - Nhà máy gạch CMC số 2, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thủy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BĐS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014.

+ Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thủy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014.

+ Dây chuyền máy mài gạch cạnh đảo chiều kiểu khô + bộ tách bụi và Máy in HOPEJET YH7700/5 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 16/MMTB/435-01 ký ngày 30/11/2016.

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

+ Máy móc thiết bị của nhà máy gạch CMC số 2, giai đoạn 3 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 19/MMTB/390 ký ngày 11/11/2019.

+ Hàng hóa luân chuyển của Công ty cổ phần CMC theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 19/HTK/390 ký ngày 11/11/2019.

+ Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20BB/MMTBTL/03 ký ngày 10/1/2020.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	-	18.604.270.748	-	-	18.604.270.748
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	9.830.750.000	6.052.140.000	(3.256.250.000)	(1.853.463.333)	10.773.176.667
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	-	10.918.100.000	(2.500.000.000)	(1.500.000.000)	6.918.100.000
Cộng	9.830.750.000	35.574.510.748	(5.756.250.000)	(3.353.463.333)	36.295.547.415

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.622.758.211	8.233.008.598	(5.581.256.000)	5.274.510.809
Cộng	2.622.758.211	8.233.008.598	(5.581.256.000)	5.274.510.809

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Tặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	48.828.586.336	197.797.592.070	628.411.873.116
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	164.660.171.959	164.660.171.959
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(91.727.217.500)	(91.727.217.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.099.324.950	(16.198.649.900)	(8.099.324.950)
Số cuối năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	693.245.502.625
Số dư đầu năm nay	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	693.245.502.625
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	120.624.420.845	120.624.420.845
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(55.036.330.500)	(55.036.330.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.233.008.598	(16.466.017.196)	(8.233.008.598)
Số cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	750.600.584.372

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Số tiền
Cổ tức	Trả cổ tức bằng tiền cho Cổ đông	15%	55.036.330.500
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%	8.233.008.598
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	8.233.008.598

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thủy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo (huỷ) minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cấu trúc vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	3.492.360	34.923.600.000	9,52%	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	-	-	-	3.999.088	39.990.880.000	10,90%
Ông Nguyễn Quang Huy	-	-	-	2.468.707	24.687.070.000	6,73%
Các cổ đông khác	33.198.527	331.985.270.000	90,48%	30.223.092	302.230.920.000	82,37%
Cộng	36.690.887	366.908.870.000	100,00%	36.690.887	366.908.870.000	100,00%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.690.887	36.690.887
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Nguồn kinh phí

Là Khoản kinh phí được cấp theo Quyết định số 18/QĐ-NATIF-HĐQL năm 2017 của Quý đối mới công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học Công nghệ về việc phê duyệt cấp kinh phí thực hiện dự án "Nghiên cứu làm chủ, ứng dụng công nghệ sản xuất gạch Granite thấm muối tan công suất 3.000.000 m²/năm". Theo đó tổng số kinh phí được tài trợ từ quỹ là 15.757.000.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quý đã giải ngân về cho Công ty số tiền là 13.017.000.000 đồng.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp**a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	7.032,50	9.265,61
Euro (EUR)	2.578,5	2.755,0

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2017	584.352.672	584.352.672
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2018	539.031.714	539.031.714
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2019	2.434.936.021	2.434.936.021

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bên thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.360.411.318.964	1.581.181.750.693
+ Doanh thu bán hàng hóa	226.610.760	788.852.500
+ Doanh thu bán thành phẩm	1.352.790.377.479	1.572.008.569.087
+ Doanh thu khác	7.394.330.725	8.384.329.106
Các khoản giảm trừ doanh thu	(53.053.857.950)	(113.120.784.163)
+ Chiết khấu thương mại	(53.053.857.950)	(113.120.784.163)
Doanh thu thuần	<u>1.307.357.461.014</u>	<u>1.468.060.966.530</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	195.312.960	560.272.375
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.083.066.913.079	1.179.022.431.967
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	3.557.541.850
Cộng	<u>1.083.262.226.839</u>	<u>1.182.579.973.817</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.215.863.282	905.722.888
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.370.600	67.060.485
Cộng	<u>1.240.233.882</u>	<u>972.783.373</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.768.480.261	28.343.321.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	529.326.709	770.363.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	92.626.264	72.138.877
Chi phí tài chính khác	13.472.727	38.904.545
Cộng	<u>17.403.905.961</u>	<u>29.224.728.348</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.338.961.167	4.554.710.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.049.378.970	518.723.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.265.842.396	5.810.605.992
Chi phí bằng tiền khác	1.096.405.898	1.664.219.697
Cộng	<u>9.750.588.431</u>	<u>12.548.260.033</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.831.183.992	21.267.206.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.266.782.600	2.303.236.517
Thuế, phí và lệ phí	7.340.972	3.643.420
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	36.764.931	1.031.673.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.220.755.782	9.240.565.129
Chi phí bằng tiền khác	11.176.841.644	7.115.611.438
Cộng	47.539.669.921	40.961.937.378

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ không phải thanh toán	301.662.115	158.455.193
Thu bồi thường từ Trung tâm phát triển Quỹ đất	-	1.097.067.000
Thu doanh lý	-	427.773.029
Giảm trừ 10% theo Chính sách thanh toán của Foshan Skyplanet Import and Export	-	437.293.136
Thu nhập khác	206.760.692	260.836.556
Cộng	508.422.807	2.381.424.914

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	88.629.804	4.000.000
Chi phí khác	5.380.730	50.393.627
Cộng	94.010.534	54.393.627

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	151.055.716.817	206.045.881.614
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	947.296.465	882.666.661
- Các khoản điều chỉnh tăng	947.296.465	882.666.661
+ Chi phí khấu hao	758.666.661	758.666.661
+ Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành	100.000.000	120.000.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	88.629.804	4.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	152.003.013.282	206.928.548.275
Thu nhập tính thuế	152.003.013.282	206.928.548.275
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.400.602.656	41.385.709.655
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	30.693.316	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.431.295.972	41.385.709.655

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	120.624.420.845	164.660.171.959
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.031.221.042)	(8.233.008.598)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.593.199.803	156.427.163.361
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.690.887	36.690.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.123,21	4.263,38

(*) Số trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được ước tính 5% Lợi nhuận năm 2020

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.690.887	36.690.887

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	845.184.206.907	912.418.733.672
Chi phí nhân công	129.655.002.655	131.472.414.470
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.356.205.167	11.303.999.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.242.631.509	123.664.598.866
Chi phí dự phòng	36.764.931	2.320.657.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.635.650.191	112.837.173.200
Chi phí khác bằng tiền	18.314.548.028	16.383.484.210
Cộng	1.224.425.009.388	1.310.401.061.369

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay cá nhân	282.859.600	169.331.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Từ nhập thành viên Ban Lãnh đạo

	Năm nay	Năm trước
<i>Ban Lãnh đạo</i>		
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.806.052.152	5.071.134.447
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.922.497.000	10.489.610.250

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại và toàn bộ hoạt động của Công ty hầu hết ra trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu xuất khẩu chiếm dưới 5%. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đốc thúc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Việt, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	318.309.074.607	36.295.547.415	-	354.604.622.022
Phải trả người bán	183.183.161.799	-	-	183.183.161.799
Các khoản phải trả khác	76.119.364.114	-	-	76.119.364.114
Cộng	577.611.600.520	36.295.547.415	-	613.907.147.935
Số đầu năm				
Vay và nợ	247.465.608.070	9.830.750.000	-	257.296.358.070
Phải trả người bán	151.399.026.193	-	-	151.399.026.193
Các khoản phải trả khác	85.189.762.908	-	-	85.189.762.908
Cộng	484.054.397.171	9.830.750.000	-	493.885.147.171

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.591.372.374	78.804.143.927	154.591.372.374	78.804.143.927
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	66.000.000.000	-	66.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	8.025.954.967	6.088.106.188	8.025.954.967	6.088.106.188
Các khoản phải thu khác	1.372.126.308	611.889.255	1.372.126.308	611.889.255
Cộng	229.989.453.649	85.504.139.370	229.989.453.649	85.504.139.370
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	354.604.622.022	257.296.358.070	354.604.622.022	257.296.358.070
Phải trả người bán	183.183.161.799	151.399.026.193	183.183.161.799	151.399.026.193
Các khoản phải trả khác	76.119.364.114	85.189.762.908	76.119.364.114	85.189.762.908
Cộng	613.907.147.935	493.885.147.171	613.907.147.935	493.885.147.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Tuy Văn, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Tại ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam và Ông Nguyễn Quang Huy đã thoái hết vốn tại Công ty Cổ phần CMC (tham chiếu thuyết minh số V.18).

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thủy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thủy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tên đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Hoàng Dương	Quá hạn trên 3 năm	18.469.335	(18.469.335)	Quá hạn trên 3 năm	18.469.335	(18.469.335)
Công ty cổ phần đầu tư TM & DV Thành Đạt	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	(5.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	(5.000.000)
Cửa hàng Quảng Hương	Quá hạn trên 3 năm	12.384.200	(12.384.200)	Quá hạn trên 3 năm	12.384.200	(12.384.200)
Cửa hàng Đỗ Quang Hiệp	Quá hạn trên 3 năm	84.500	(84.500)	Quá hạn trên 3 năm	84.500	(84.500)
Tổng Công ty Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	563.577.738	(563.577.738)	Quá hạn trên 3 năm	563.577.738	(563.577.738)
Trường đào tạo Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)
Công ty luật Hợp danh Hùng Vương	Quá hạn trên 3 năm	20.000.000	(20.000.000)	Quá hạn trên 3 năm	20.000.000	(20.000.000)
Công ty TNHH Vũ Quốc	Quá hạn trên 3 năm	12.114.000	(12.114.000)	Quá hạn trên 3 năm	12.114.000	(12.114.000)
Khách lẻ Chi nhánh HCM cũ	Quá hạn trên 3 năm	48.411.210	(48.411.210)	Quá hạn trên 3 năm	48.411.210	(48.411.210)
Công ty TNHH Bao Bi Quang Hưng	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	5.503.980	(3.852.785)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	5.503.980	(2.751.990)
Công ty TNHH MTV Xây dựng và thương mại Mai Hưng	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	2.411.720	(1.688.205)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.411.720	(1.205.860)
Công ty cổ phần Hoàng Long Yên	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	19.470.200	(13.629.140)	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	19.470.200	(9.735.100)
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Trường Thịnh	-	-	-	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	9.454.916	(4.727.459)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập	Thời gian quá hạn	Số dư	Số đã trích lập
Đàn Xuân Duân	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	16.565.114	(8.282.557)	-	-	-
Công Ty TNHH VINA Tân Sang	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.314.834	(1.157.417)	-	-	-
Công ty TNHH XD TM Công Danh Nội Thất Đẹp	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	1.763.960	(881.980)	-	-	-
Hộ kinh doanh Phương Thủy	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	2.536.600	(1.268.300)	-	-	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng Đại Nam	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	3.004.800	(1.502.400)	-	-	-
Công Ty TNHH TM Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	45.845.109	(22.922.556)	-	-	-
Tổng		829.457.300	(785.226.323)		766.881.799	(748.461.392)



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số: 355 /2021/CBTT-CMC

(V/v báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CMC
2. Mã chứng khoán: CVT
3. Trụ sở chính: Lô B10 - KCN Thụy Vân - Xã Thụy Vân - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
4. Điện thoại: 02103 991706
5. Người thực hiện công bố thông tin
- Họ và tên: Ngô Đức Vũ - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật.
- Địa chỉ: Lô B10-B11 KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường
 Định kỳ

6. Nội dung thông tin công bố

Công bố thông tin Báo cáo Tài chính tổng hợp bán niên năm 2021 ký ngày 14/08/2021 của Công ty cổ phần CMC bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo kết quả công tác soát xét của kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2021.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2021 tại đường link: <http://www.emctile.com.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Ngô Đức Vũ

Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ

Công ty Cổ phần CMC

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần CMC ("Công ty") cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 ("kỳ").

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Kiểm toán viên

Các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) soát xét.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch	1 tháng 3 năm 2020	20 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	5 tháng 5 năm 2016	20 tháng 3 năm 2021
Ông Tạ Quang Vững	Thành viên	5 tháng 5 năm 2016	20 tháng 3 năm 2021
Ông Kiều Thế Vinh	Thành viên	5 tháng 5 năm 2016	20 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	15 tháng 4 năm 2018	20 tháng 3 năm 2021
Bà Vũ Thị Loan	Thành viên	20 tháng 4 năm 2019	20 tháng 3 năm 2021
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên	27 tháng 6 năm 2020	20 tháng 3 năm 2021
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch	20 tháng 3 năm 2021	-
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Chủ tịch	20 tháng 3 năm 2021	-
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-
Ông Hoàng Việt	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-
Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-
Ban Giám đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	6 tháng 5 năm 2016	-
Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 5 năm 2016	-
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 5 năm 2016	-
Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 3 năm 2021	-
Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Trưởng Ban	-	20 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	-	20 tháng 3 năm 2021
Ông Ngô Kim Văn	Thành viên	-	20 tháng 3 năm 2021
Bà Phan Thùy Giang	Trưởng Ban	20 tháng 3 năm 2021	-
Ông Trần Đức Thành	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-
Bà Trần Đức Hiệp	Thành viên	20 tháng 3 năm 2021	-

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và kết đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả.
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giá định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp, và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các yêu cầu trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Nguyễn Quang Huy
Tổng Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 14 tháng 6 năm 2021

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ

về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần CMC
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1688
F +84 24 3850 1688

Số 20-11-279-1

Kính gửi Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMC ("Công ty"), lập vào ngày 14 tháng 8 năm 2021, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự bảo đảm rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần CMC tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, bao gồm cho mục đích so sánh lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi các kiểm toán viên khác và các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 2 năm 2021 và báo cáo soát xét đề ngày 14 tháng 8 năm 2020.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Nguyễn Mạnh Tuấn
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số 0817-2018-068-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Nguyễn Địch Dũng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số 2484-2019-068-1

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ <i>(Phân loại lại)</i>
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	713.105.095.615	795.586.558.039
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	50.502.852.631	154.591.372.374
Tiền		111	20.977.852.631	74.591.372.374
Các khoản tương đương tiền		112	29.525.000.000	80.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	120	147.000.000.000	66.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	147.000.000.000	66.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	73.567.355.906	56.011.005.240
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	7.025.016.406	7.520.341.797
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	64.406.134.353	47.290.185.720
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	2.921.431.470	1.985.704.046
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	(785.226.323)	(785.226.323)
Hàng tồn kho	10	140	440.102.360.095	514.674.133.037
Hàng tồn kho		141	443.659.901.945	518.231.674.887
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(3.557.541.850)	(3.557.541.850)
Tài sản ngắn hạn khác		150	1.932.526.983	4.310.047.388
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	1.932.526.983	4.310.047.388
Tài sản dài hạn		200	661.027.980.461	597.684.180.583
Tài sản cố định		220	501.077.659.536	540.322.937.657
Tài sản cố định hữu hình	11	221	501.077.659.536	540.322.937.657
- Nguyên giá		222	1.429.775.186.621	1.423.244.833.047
- Giá trị khấu hao lũy kế		223	(928.697.527.085)	(882.921.895.390)
Tài sản dở dang dài hạn		240	147.115.898.404	44.777.502.487
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	242	147.115.898.404	44.777.502.487
Tài sản dài hạn khác		260	12.834.422.521	12.583.740.439
Chi phí trả trước dài hạn	13	261	12.834.422.521	12.583.740.439
TỔNG TÀI SẢN		270	1.374.133.076.076	1.393.270.738.622

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ <i>(Phân loại lại)</i>
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	858.680.033.468	629.653.154.260
Nợ ngắn hạn		310	582.942.512.489	593.367.606.835
Phải trả người bán ngắn hạn	14	311	170.880.342.479	183.183.481.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	312	15.012.770.288	22.963.158.060
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	313	9.011.536.309	6.269.895.843
Phải trả người lao động	17	314	12.116.891.850	48.388.977.064
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	-	309.692.034
Phải trả ngắn hạn khác	18	319	12.461.613.491	10.659.336.629
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	320	332.553.247.265	318.309.074.607
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	897.110.808	5.274.510.809
Nợ dài hạn		330	106.737.620.980	38.295.547.415
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	338	106.737.620.980	38.295.547.415
Nguồn vốn chủ sở hữu		400	715.463.042.607	763.617.584.372
Vốn chủ sở hữu	20	410	709.481.867.607	750.600.584.372
Vốn cổ phần	21	411	366.908.870.000	366.908.870.000
Tăng dự vốn cổ phần		412	14.876.824.710	14.876.824.710
Quỹ đầu tư phát triển		418	71.192.140.828	65.160.919.684
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		421	258.603.831.871	303.653.989.778
- LNST chưa phân phối từ kỳ kế đến cuối năm trước		421a	224.240.974.738	183.029.548.933
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	32.262.857.235	120.624.420.845
Nguồn kinh phí và quỹ khác	22	430	5.971.375.000	13.017.000.000
Nguồn kinh phí		431	-	13.017.000.000
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432	5.971.375.000	-
TỔNG NGUỒN VỐN		440	1.374.133.076.076	1.393.270.738.922



Nguyễn Quang Huy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
			Kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	01	607.261.068.893	629.809.007.696
Các khoản giảm trừ doanh thu	25	02	(24.000.715.614)	(23.880.210.330)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	583.260.350.279	505.928.657.366
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26, 31	11	(500.436.348.073)	(429.599.610.585)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	74.814.002.206	76.329.046.771
Doanh thu hoạt động tài chính	27	21	1.806.065.280	30.283.988
Chi phí tài chính	28	22	(8.906.053.105)	(9.765.419.165)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(8.906.053.105)	(9.233.961.762)
Chi phí bán hàng	29, 31	25	(5.986.006.391)	(3.856.146.464)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30, 31	26	(20.474.246.091)	(11.464.527.763)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	42.853.741.909	51.274.237.367
Thu nhập khác		31	148.388.361	2.540.605
Chi phí khác		32	(2.562.937.105)	(5.322.380)
Lợi nhuận khác		40	(2.413.638.824)	(2.781.775)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	40.540.123.085	51.271.455.592
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	51	(8.277.265.050)	(10.340.157.785)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20	60	32.262.857.235	40.931.297.807

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

23

70

730

1.116



Nguyễn Quang Huy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thủy Linh
Người lập

Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (phương pháp gián tiếp)

cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế		01	40.540.123.085	51.271.455.592
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định		02	56.519.752.120	62.393.594.561
Lỗi chính lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục liên hệ có gốc ngoại tệ		04	-	193.068.532
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(1.806.419.288)	(26.043.886)
Chi phí lãi vay		06	9.906.053.105	9.233.561.782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi		08	104.279.509.022	123.065.636.679
Thay đổi các khoản phải thu		09	10.497.468.851	9.352.061.597
Thay đổi hàng tồn kho		10	74.571.772.942	12.715.684.840
Thay đổi các khoản phải trả		11	(82.983.847.305)	(61.835.055.512)
Thay đổi chi phí trả trước		12	(250.682.082)	(4.629.691.342)
Tiền lãi vay đã trả		14	(10.329.302.476)	(8.363.898.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(6.431.298.972)	(6.640.825.128)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16	-	7.201.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(11.423.026.000)	(5.445.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh		20	108.930.797.980	64.420.714.591
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		21	(147.878.550.052)	(60.831.712.371)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22	2.272.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(147.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	66.000.000.000	-
Tiền thu tài, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	2.483.132.833	124.298.576
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư		30	(223.323.889.948)	(60.707.415.795)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay		33	516.616.894.280	430.657.362.861
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	(432.930.546.037)	(468.127.779.242)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(73.381.774.060)	-
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ (sử dụng cho) hoạt động tài chính		40	10.304.372.323	(37.470.416.381)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50	(104.088.519.743)	(33.757.117.585)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5	164.691.372.374	76.804.143.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	-	1.176.873
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		5	50.502.852.631	45.048.205.215



Nguyễn Quang Huy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 14 tháng 6 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần CMC (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ- BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600106523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2006. Sau đó Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô B10, B11, KCN Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Phú Thọ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 366.908.870.000 VNĐ, chia thành 36.690.887 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 25 tháng 9 năm 2017 ban hành bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán CVT.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và các sản phẩm gốm sứ khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạch, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

(*) Tại ngày của báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 918 nhân viên (31 tháng 12 năm 2020: 849 nhân viên).

Sự kiện quan trọng trong kỳ

Trong kỳ, vào ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai trở thành cổ đông công ty mẹ của Công ty với tỷ lệ sở hữu 51,14% vốn cổ phần của Công ty.

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam (“VNĐ”).

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo là VNĐ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản, nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng hợp tác đầu tư, trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản

xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá tài sản cố định hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 15
Máy móc thiết bị	2 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.9 Chi phí trả trước

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu VNĐ và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ một năm đến ba năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Phản ánh các chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

4.10 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay có liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản cố định hữu hình, phát sinh trong quá trình xây dựng và lắp đặt tài sản (ngay cả khi thời gian hình thành dưới 12 tháng), thì được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.12 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.13 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên Việt Nam của Công ty đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% cho nhân viên Việt Nam dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.14 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư nhận được từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được khấu trừ khỏi phần thặng dư, trừ với bất kỳ khoản trợ cấp thuế thu nhập nào.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo tỷ lệ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt căn cứ điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.16 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.17 Doanh thu

Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa

Doanh thu bán sản phẩm và hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Thu nhập tiền lãi

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo tỉ lệ thời gian và sử dụng phương pháp lãi suất hữu dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.18 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn khác mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bằng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.19 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.20 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ và các công ty con và các công ty liên kết của công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.21 Báo cáo theo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác.

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất gạch và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo theo bộ phận.

4.22 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính giữa niên độ nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giữa niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán (“các sự kiện điều chỉnh”) được ghi nhận trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.24 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Tiền		
Tiền mặt	725.066.320	1.575.867.764
Tiền gửi ngân hàng	20.252.786.311	73.015.504.610
	20.977.852.631	74.591.372.374
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	29.525.000.000	80.000.000.000
	50.502.852.631	154.591.372.374

6. Các khoản đầu tư tài chính

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Hợp tác đầu tư (i)	147.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	-	66.000.000.000
	147.000.000.000	66.000.000.000

(i) Bao gồm các khoản hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư với kỳ hạn 3 tháng và lãi suất từ 6%-7,5%/năm. Các khoản hợp tác đầu tư được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, công ty mẹ.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì với lãi suất 4,4%-4,6%/năm. Các khoản tiền gửi này đã đáo hạn trong kỳ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Phải thu tiền bán hàng	7.025.016.406	7.520.341.797

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Trả trước mua tài sản cố định	56.731.767.512	32.078.400.857
Trả trước mua nguyên vật liệu	3.650.886.367	13.764.954.776
Trả trước khác	4.023.480.474	1.446.830.087
	64.406.134.353	47.290.185.720

9. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng	1.446.702.600	202.389.488
Ký quỹ	-	38.000.000
Lãi dự thu	773.849.314	715.375.342
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	700.879.556	1.029.939.216
	2.921.431.470	1.985.704.046

10. Hàng tồn kho

	30 tháng 6 năm 2021		31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Nguyên vật liệu	212.121.126.345	(2.233.219.343)	167.388.200.123	(2.233.219.343)
Công cụ dụng cụ	1.049.591.184	-	1.002.071.936	-
Thành phẩm	230.039.245.345	(1.288.983.263)	348.537.010.517	(1.288.983.263)
Hàng hóa	334.726.592	(35.339.244)	624.856.664	(35.339.244)
Hàng gửi bán	115.212.479	-	679.535.647	-
	443.659.901.945	(3.557.541.850)	518.231.674.887	(3.557.541.850)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá						
1 tháng 1 năm 2021	297.344.993.480	1.080.132.910.543	43.998.319.409	1.768.609.615	-	1.423.244.833.047
Mua trong kỳ	5.564.068.182	603.665.909	6.951.613.183	-	2.083.500.000	15.202.847.274
Chuyển từ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	6.164.000.000	-	-	-	6.164.000.000
Thanh lý	-	(14.836.493.700)	-	-	-	(14.836.493.700)
30 tháng 6 năm 2021	302.909.061.662	1.072.064.082.752	50.949.932.592	1.768.609.615	2.083.500.000	1.429.775.186.621
Giá trị hao mòn lũy kế						
1 tháng 1 năm 2021	(180.701.188.376)	(674.203.356.201)	(26.413.451.559)	(1.603.899.254)	-	(882.921.895.390)
Khấu hao trong kỳ	(10.486.377.363)	(43.084.566.926)	(2.802.554.767)	(111.528.064)	(34.725.000)	(56.519.752.120)
Thanh lý	-	10.744.120.425	-	-	-	10.744.120.425
30 tháng 6 năm 2021	(191.187.565.739)	(706.543.802.702)	(29.216.006.326)	(1.715.427.318)	(34.725.000)	(928.697.527.085)
Giá trị còn lại						
1 tháng 1 năm 2020	116.643.805.104	405.929.554.342	17.584.867.850	164.710.361	-	540.322.937.657
30 tháng 6 năm 2021	111.721.495.923	365.520.280.050	21.733.926.266	53.182.297	2.048.775.000	501.077.659.536

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được dùng để làm tài sản đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng là khoảng 47,3 tỷ VNĐ (31 tháng 12 năm 2020: khoảng 52,4 tỷ VNĐ) (Thuyết minh số 19).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là khoảng 48,8 tỷ VNĐ (31 tháng 12 năm 2020: khoảng 47,9 tỷ VNĐ).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng	
	30 tháng 6 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	44.777.502.487	17.104.436.651
Tăng trong kỳ/năm	108.502.395.917	70.565.416.120
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(6.164.000.000)	(42.892.350.284)
Số dư cuối kỳ/năm	147.115.898.404	44.777.502.487
Trong đó:		
Dự án Cải tạo Dây chuyền 1 - CMC2 nâng công suất từ 5tr - 9tr m2/năm	88.983.897.084	-
Dự án Nhà xưởng mài và Dây chuyền mài đồng bộ	26.114.728.593	6.843.502.487
Dự án Nhà máy muối	-	6.164.000.000
Dự án Nhà máy Bạch Hạc	31.770.000.000	31.770.000.000
Công trình khác	247.272.727	-
	147.115.898.404	44.777.502.487

13. Chi phí trả trước

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	4.046.640.926	3.374.906.474
Phí hạ tầng khu công nghiệp	272.886.809	277.223.897
Công cụ dụng cụ	8.514.894.786	8.931.610.068
	12.834.422.521	12.583.740.439

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Phải trả mua tài sản cố định	35.164.223.080	35.283.525.914
Phải trả mua nguyên vật liệu	135.725.119.399	147.899.635.885
	170.889.342.479	183.183.161.799

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Người mua trả tiền trước	4.412.920.204	4.846.947.418
Chiết khấu khách hàng được hưởng	10.599.850.082	18.116.210.642
	15.012.770.286	22.963.158.060

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30 tháng 6 năm 2021		31 tháng 12 năm 2020	
	Phải nộp VNĐ	Phải nộp VNĐ	Trong kỳ Đã nộp VNĐ	Phải nộp VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.728.351.190	8.277.265.850	(5.431.295.972)	5.882.381.312
Thuế thu nhập cá nhân	253.627.110	1.038.564.544	(971.415.977)	186.478.543
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	59.232.555.062	(59.289.513.307)	56.958.245
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	18.172.266	18.172.266	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	11.385.743	3.574.406.199	(3.679.936.404)	116.915.948
Các loại thuế khác	-	-	(26.961.795)	26.961.795
	9.011.536.309	72.140.963.921	(69.399.123.455)	6.269.695.843

17. Phải trả người lao động

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lương phải trả	7.745.072.200	11.205.937.968
Trích trước tiền thưởng	4.371.819.650	20.969.919.650
Quỹ dự phòng tiền lương	-	14.213.119.436
	12.116.891.850	46.388.977.054

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30 tháng 6 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	984.472.759	1.538.798.530
Bảo hiểm xã hội	1.307.967.437	-
Cổ tức phải trả	2.486.819.745	1.150.352.045
Thưởng kế hoạch từ các năm trước	6.082.950.000	6.082.950.000
Tiền ủng hộ của nhân viên	1.574.013.023	1.383.960.281
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.390.527	503.275.773
	12.461.613.491	10.659.336.629

19. Vay và nợ thuê tài chính

	30 tháng 6 năm 2021				Trong kỳ		31 tháng 12 năm 2020	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng			
	Giá trị VNĐ	trả nợ VNĐ			Giá trị VNĐ	trả nợ VNĐ		
Vay ngắn hạn								
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)	67.397.308.257	67.397.308.257	86.928.509.115	(93.077.231.477)	73.546.030.619	73.546.030.619		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)	69.245.619.499	69.245.619.499	115.485.787.242	(51.897.733.649)	5.657.565.906	5.657.565.906		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)	183.489.769.509	183.489.769.509	234.442.794.776	(178.577.529.893)	127.624.504.626	127.624.504.626		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì (4)	-	-	-	(95.956.397.155)	95.956.397.155	95.956.397.155		
Vay ngắn hạn cá nhân khác	-	-	115.040.914	(5.195.576.200)	5.080.535.286	5.080.535.286		
	320.132.697.265	320.132.697.265	436.972.132.047	(424.704.468.374)	307.865.033.592	307.865.033.592		
Vay dài hạn đến hạn trả								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	5.920.550.000	5.920.550.000	4.970.332.856	(3.737.573.871)	4.687.791.015	4.687.791.015		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	4.500.000.000	4.500.000.000	1.243.750.000	-	3.256.250.000	3.256.250.000		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	(1.500.000.000)	2.500.000.000	2.500.000.000		
	12.420.550.000	12.420.550.000	7.214.082.856	(5.237.573.871)	10.444.041.015	10.444.041.015		
	332.553.247.265	332.553.247.265	444.186.214.903	(429.942.042.245)	318.309.074.607	318.309.074.607		
Vay dài hạn								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (5)	90.289.994.313	90.289.994.313	79.644.562.213	(7.958.838.648)	18.604.270.748	18.604.270.748		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)	9.529.426.667	9.529.426.667	-	(1.243.750.000)	10.773.176.667	10.773.176.667		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (7)	5.918.100.000	5.918.100.000	-	(1.000.000.000)	6.918.100.000	6.918.100.000		
	105.737.520.980	105.737.520.980	79.644.562.213	(10.202.588.648)	36.295.547.415	36.295.547.415		
	438.290.768.245	438.290.768.245	523.830.777.116	(440.144.630.893)	354.604.622.022	354.604.622.022		

Chi tiết các hợp đồng vay như sau:

STT	Khoản vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Vay ngắn hạn						
(1)	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ					
	Hợp đồng số 01/2020/399109/HĐTD ký ngày 2 tháng 11 năm 2020	Đến ngày 31 tháng 10 năm 2021	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 150 tỷ VNĐ	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản cố định là tài sản gắn liền trên đất
(2)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ					
	Hợp đồng số 19/DN -DB/NHHM390 ký ngày 11 tháng 11 năm 2019	Đến ngày 11 tháng 2 năm 2021	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 100 tỷ VNĐ	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2
	Hợp đồng số 21BB/CTD/02 ký ngày 10 tháng 6 năm 2021	Đến ngày 10 tháng 6 năm 2022	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 130 tỷ VNĐ	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai Máy móc thiết bị, dây chuyền máy mài, lò nung Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai Hàng hóa luân chuyển
(3)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ					
	Hợp đồng số 0201/2020 -HĐCVHM/NHCT244 - Công ty Cổ phần CMC ký ngày 25 tháng 01 năm 2020	Đến ngày 25 tháng 2 năm 2021	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 180 tỷ VNĐ	Bổ sung vốn lưu động	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và hàng tồn kho
	Hợp đồng số 21470501/2021- HĐCVHM/NHCT244- Công ty Cổ phần CMC ký ngày 26 tháng 5 năm 2021	Đến ngày 26 tháng 5 năm 2022	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 300 tỷ VNĐ	Bổ sung vốn lưu động	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và hàng tồn kho
(4)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì					
	Hợp đồng số 58105.20.351.400854.TD ký ngày 09 tháng 11 năm 2020	Đến ngày 20 tháng 11 năm 2021	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 225 tỷ VNĐ	Bổ sung vốn lưu động	Phương tiện vận tải; máy móc thiết bị; hàng hóa; khoản phải thu hình thành trong tương lai; Bất động sản theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ; Hợp đồng tiền gửi
Vay dài hạn						
(5)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ					
	Hợp đồng số 3023403/2020- HDDCVDADDT/NHC244-CMC ký ngày 30 tháng 7 năm 2020	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 27,3 tỷ VNĐ	Đầu tư Dự án	Tài sản, máy móc
	Hợp đồng số 3023412/2020- HDDCVDADDT/NHCT244- CMC ký ngày 30 tháng 9 năm 2020	24 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 2 tỷ VNĐ	Đầu tư Dự án	Tài sản, máy móc

STT	Khoản vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
	Hợp đồng số 21470201/2021- HĐCVĐAT/NHCT244 - CMC ngày 29 tháng 4 năm 2021	56 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	Tối đa 130 tỷ VNĐ	Đầu tư Dự án	Tài sản, máy móc
(6)	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ					
	Hợp đồng số 01/2018/399109/HĐTD ký ngày 03 tháng 12 năm 2018	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	7,5 tỷ VNĐ	Mua sắm máy móc thiết bị	Máy móc, thiết bị
	Hợp đồng số 03/2019/399109/HĐTD ký ngày 30 tháng 10 năm 2019	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	6 tỷ VNĐ	Mua sắm máy móc thiết bị	Máy móc, thiết bị
	Hợp đồng số 04/2019/399109/HĐTD ký ngày 24 tháng 11 năm 2019	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	10 tỷ VNĐ	Mua sắm máy móc thiết bị	Máy móc, thiết bị
(7)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ					
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20BB/DN-DB/THTL03 ký ngày 10 tháng 1 năm 2020	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất điều chỉnh	15 tỷ VNĐ	Đầu tư dây chuyền sản xuất	Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 Máy móc thiết bị, dây chuyền máy mài, lò nung Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai Hàng hóa luân chuyển

20. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
1 tháng 1 năm 2020	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	693.245.502.625
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	120.624.420.845	120.624.420.845
Chia cổ tức	-	-	-	(55.036.330.500)	(55.036.330.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.233.008.598	(16.466.017.196)	(8.233.008.598)
31 tháng 12 năm 2020	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	750.600.584.372
1 tháng 1 năm 2020	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	750.600.584.372
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	32.262.857.235	32.262.857.235
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(73.381.774.000)	(73.381.774.000)
Trích lập các quỹ (i)	-	-	6.031.221.042	(6.031.221.042)	-
30 tháng 6 năm 2021	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	256.503.831.971	709.481.667.607

(i) Công ty chia cổ tức và trích lập Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2021.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần liên quan đến việc phát hành cổ phần cho các cổ đông trong các năm trước.

21. Vốn cổ phần

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 366.908.870.000 VNĐ, được chia thành 36.690.887 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền nhận cổ tức và quyền bỏ phiếu như nhau tại cuộc họp hội đồng cổ đông.

Trong kỳ, vào ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai đã mua 51,14% vốn cổ phần của Công ty và trở thành cổ đông công ty mẹ.

Chi tiết góp vốn cổ phần

	Số cổ phần	Giá trị	30 tháng 6 năm 2021 % Sở hữu
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	18.761.964	187.619.640.000	51,14%
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	5.012.561	50.125.610.000	13,66%
Các cổ đông khác	12.916.362	129.163.620.000	35,20%
	36.690.887	366.908.870.000	100,00%

	Số cổ phần	Giá trị	31 tháng 12 năm 2020 % Sở hữu
Công ty Cổ phần gạch ốp lát Hòa Bình Minh	3.492.360	34.923.600.000	9,52%
Các cổ đông khác	33.198.527	331.985.270.000	90,48%
	36.690.887	366.908.870.000	100,00%

Cổ phiếu phát hành

	30 tháng 6 năm 2021 Số lượng cổ phiếu	31 tháng 12 năm 2020 Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.690.887	36.690.887
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
- Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VNĐ và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị tạm dừng cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

22. Nguồn kinh phí và quỹ khác

Phản ánh khoản kinh phí được cấp theo Quyết định số 18/QĐ-NATIF-HĐQL năm 2017 của Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học Công nghệ về việc phê duyệt cấp kinh phí thực hiện dự án Nghiên cứu làm chủ, ứng dụng công nghệ sản xuất gạch Granite thấm muối tan công suất 3.000.000 m²/năm. Trong kỳ, Quỹ Đổi mới công nghệ thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Công ty đã thực hiện nghiệm thu, quyết toán Dự án trong đó 5.971.375.000 VNĐ được kết chuyển sang nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	32.262.857.235	40.931.297.807
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(5.491.194.846)	-
Lãi phân bổ cho cổ đông phổ thông (VNĐ)	26.771.662.389	40.931.297.807
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	36.690.887	36.690.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	730	1.116

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được ước tính theo tỷ lệ dựa theo kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 20 tháng 3 năm 2021.

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán thành phẩm	604.555.255.793	525.373.852.797
Doanh thu bán hàng hóa	2.695.810.100	4.435.014.899
	607.251.065.893	529.808.867.696

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chiết khấu thương mại	23.386.445.144	22.055.290.965
Hàng bán bị trả lại	286.512.000	1.366.456.615
Giảm giá hàng bán	327.758.470	458.462.750
	24.000.715.614	23.880.210.330

26. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn thành phẩm đã bán	507.984.127.004	429.494.469.552
Giá vốn hàng hóa đã bán	452.221.069	105.141.043
	508.436.348.073	429.599.610.595

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập tiền lãi	3.506.065.290	26.043.888
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.240.100
	3.506.065.290	30.283.988

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	8.906.053.105	9.233.561.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	326.516.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	193.068.532
Chi phí tài chính khác	-	12.272.727
	8.906.053.105	9.765.419.165

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	3.615.156.600	1.175.135.840
Chi phí khấu hao TSCĐ	667.873.664	524.689.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.367.038	1.329.271.132
Chi phí bằng tiền khác	510.609.089	826.050.004
	5.986.006.391	3.855.146.464

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	8.468.649.443	5.096.778.224
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.539.519.896	1.161.935.932
Thuế, phí và lệ phí	3.500.702	2.867.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.358.199.479	3.048.281.910
Chi phí bằng tiền khác	5.104.376.571	2.154.664.667
	20.474.246.091	11.464.527.763

31. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Nguyên vật liệu	262.237.952.892	288.316.786.911
Chi phí nhân công	40.270.385.124	30.750.427.273
Công cụ dụng cụ	7.640.584.695	4.118.908.041
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.519.752.120	62.393.594.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.391.014.723	40.603.806.567
Chi phí bằng tiền khác	7.087.622.443	3.143.001.251
	417.147.311.997	429.326.524.604

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế hiện nay là 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.540.123.085	51.271.455.592
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	692.739.584	429.333.331
Thu nhập chịu thuế	41.232.862.669	51.700.788.923
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	8.246.572.534	10.340.157.785
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm 2020	30.693.316	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.277.265.850	10.340.157.785

Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

33. Thuyết minh bổ sung về các giao dịch không bằng tiền cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu không bằng tiền chủ yếu như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	35.164.223.080	35.283.525.914
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang tài sản cố định	6.164.000.000	42.892.350.284

34. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Trong kỳ, thù lao nhận được của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên chủ chốt như sau

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 8 năm 2021 VNĐ	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VNĐ
Ban Giám đốc		
Tiền lương, tiền thưởng	2.684.198.334	605.548.313
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát		
Phụ cấp	157.000.000	211.000.000
	2.841.198.334	816.548.313

35. Số liệu so sánh

Mọi tài số liệu so sánh được trình bày trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm hiện tại như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu phân loại lại VNĐ
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.165.489.552	(645.147.755)	7.520.341.797
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.846.947.418	18.116.210.642	22.963.158.080
Phải trả người lao động	36.315.857.404	10.073.119.650	46.388.977.084
Phải trả ngắn hạn khác	39.493.914.676	(20.834.478.047)	10.659.336.629

36. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐQT để thông qua chủ trương thành lập Công ty con, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT với số vốn điều lệ là 700.100.000.000 VNĐ.

Ngày 3 tháng 8 năm 2021, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐQT để thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021: Trái phiếu Công ty Cổ phần CMC, trái phiếu không chuyển đổi, với số lượng 7 triệu trái phiếu, mệnh giá 100.000 VNĐ và tổng giá trị trái phiếu tối đa là 700 tỷ VNĐ.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày.

37. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành



Nguyễn Quang Huy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy Linh
Người lập

Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 357CV/CMC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

"Viv giải trình chênh lệch kết quả SXKD

T6 /2021 soát xét so với cùng kỳ năm ngoái"

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Căn cứ vào báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 soát xét của kiểm toán, so sánh với cùng kỳ năm ngoái có sự chênh lệch về lợi nhuận sau thuế, vì vậy Công ty cổ phần CMC báo cáo giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng/2020 là: 40.931.297.807,đ

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng/2021 là: 32.262.857.235,đ

Thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020 là: 8.668.440.572, đ

Do các nguyên nhân sau:

Năm 2021 do dịch covid vẫn tiếp tục hoành hành trên toàn thế giới, dẫn đến hàng hóa tiêu thụ chậm, mặt khác do công ty cải tạo và nâng cấp dây chuyền mới nên phải dừng sản xuất 01 dây, trong khi các chi phí cố định vẫn phải tính vào chi phí sản xuất. Các chi phí quản lý, bán hàng đều tăng do công ty thay đổi thương hiệu, đồng thời tăng cường công tác quảng bá thương hiệu.

Tất cả những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2020.

Vậy công ty cổ phần CMC làm báo cáo này để trình lên Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh để công bố ra thị trường.

Viết từ ngày 14 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



Grant Thornton
An instinct for growth™

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2019

Grant Thornton (Vietnam) Limited
Level 18
Hoa Binh International Office Building
108 Hoàng Quốc Việt Street
Cau Giấy Dist., Hanoi
Vietnam

GIẤY ỦY QUYỀN
Số 002/19/UQ/GT

T +84 (24) 3850 1686
F +84 (24) 3850 1688
www.grantthornton.com.vn

Tôi là Nguyễn Chí Trung (CMTND số 011808111), Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) ("GRANT THORNTON"), Đăng ký Kinh doanh số 0101476557, có trụ sở đăng ký tại Tầng 18, Tháp Quốc Tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Theo Giấy ủy quyền này, tôi ủy quyền cho Ông Nguyễn Mạnh Tuấn (Số CMND 011828534), Phó Tổng Giám đốc của GRANT THORNTON, là người chịu trách nhiệm ký kết các hợp đồng kinh tế và các thoả thuận với khách hàng Bộ phận Dịch vụ Kiểm toán và Đảm bảo của GRANT THORNTON.

Giấy ủy quyền này có giá trị từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.



Nguyễn Chí Trung
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY 14-09-2021
SỐ CHỨNG THỰC.....QUYỀN SỐ.....SCT/Đ:

50540 01--



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUY 3 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Đến 30 tháng 9 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	TM	Số đầu năm	Số cuối năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		796,231,705,794	912,181,240,254
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154,591,372,374	29,414,688,032
1.	Tiền	111		74,591,372,374	24,234,688,032
2.	Các khoản tương đương tiền	112		80,000,000,000	5,180,000,000
					-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66,000,000,000	252,400,000,000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	66,000,000,000	252,400,000,000
					-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56,656,152,995	142,214,432,249
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8,165,489,552	43,936,846,638
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47,290,185,720	96,978,979,964
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1,985,704,046	2,083,831,970
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(785,226,323)	(785,226,323)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
					-
IV	Hàng tồn kho	140	V.7	514,674,133,037	488,152,119,973
1.	Hàng tồn kho	141		518,231,674,887	491,709,661,823
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,557,541,850)	(3,557,541,850)
					-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4,310,047,388	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,310,047,388	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
					-
	TÀI SẢN	Mã số			
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		597,684,180,583	1,409,138,477,104
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		540,322,937,657	476,713,797,629
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	540,322,937,657	476,713,797,629
	<i>Nguyên giá</i>	222		1,423,244,833,047	1,431,906,231,166
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(882,921,895,390)	(955,192,433,537)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	228		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		44,777,502,487	218,647,919,248
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	44,777,502,487	218,647,919,248
					-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	700,000,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	700,000,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		12,583,740,439	13,776,760,227
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12,583,740,439	13,776,760,227
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,393,915,886,377	2,321,319,717,358
	NGUỒN VỐN				
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		630,298,302,005	1,566,598,808,118
I.	Nợ ngắn hạn	310		594,002,754,590	878,839,300,138
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	183,183,161,799	215,842,977,048
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4,846,947,418	917,407,172
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6,269,695,843	24,797,828,047
4.	Phải trả người lao động	314		36,315,857,404	17,881,564,741
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	309,692,034	9,931,506,850
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	39,493,814,676	53,961,373,967
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	318,309,074,607	555,278,319,600
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5,274,510,809	228,322,713
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		36,295,547,415	687,759,507,980
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	36,295,547,415	687,759,507,980
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
NGUỒN VỐN		Mã số			
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763,617,584,372	754,720,909,240
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	750,600,584,372	748,749,534,240
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		366,908,870,000	366,908,870,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366,908,870,000	366,908,870,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		14,876,824,710	14,876,824,710
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		65,160,919,884	71,192,140,926
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303,653,969,778	295,771,698,604
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		183,029,548,933	224,240,974,736
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120,624,420,845	71,530,723,868
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13,017,000,000	5,971,375,000
1.	Nguồn kinh phí	431	V.19	13,017,000,000	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	5,971,375,000
					-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1,393,915,886,377	2,321,319,717,358

Việt Trì, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Lập biểu

Kế toán trưởng

[Signature]

[Signature]



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ 3 NĂM 2021

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Kỳ trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	406,907,925,586	1,014,158,991,479	411,314,411,890	935,288,967,862
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		17,549,352,219	41,550,067,833	5,988,242,141	29,447,061,661
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 2)		389,358,573,367	972,608,923,646	405,326,169,749	905,841,906,201
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	313,803,976,463	822,240,324,536	339,788,953,283	767,584,164,679
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		75,554,596,904	150,368,599,110	65,537,216,466	138,257,741,522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	3,282,922,086	6,798,987,376	18,325,600	123,934,906
7. Chi phí tài chính	VI.28	17,230,711,359	26,136,764,464	2,884,283,104	12,670,013,055
- Trong đó: Chi phí lãi vay		15,480,711,359	24,386,764,464	2,884,283,104	12,670,013,055
9. Chi phí bán hàng		5,264,834,611	11,250,841,002	1,708,095,136	4,818,282,066
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,098,582,295	32,573,828,386	10,114,014,111	21,224,890,504
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 2 - 9 - 10))		44,252,390,725	87,206,152,634	50,848,149,715	99,668,490,773
11. Thu nhập khác		5,004,091,025	5,153,389,386	2,610,797,347	6,083,776,026
13. Chi phí khác		240,950,000	2,803,887,185		5,322,380
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		4,763,141,025	2,349,502,201	2,610,797,347	6,078,453,646
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		49,015,531,750	89,555,654,835	53,458,947,062	105,746,944,419
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	9,747,665,117	18,024,930,967	11,044,800,200	21,252,362,500
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		39,267,866,633	71,530,723,868	42,414,146,862	84,494,581,919
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1,070	1,950	1,156	2,303

Việt Trì, ngày 19 tháng 10 năm 2021

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LẬP BIỂU




TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

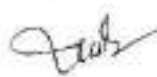
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - QUÝ3/2021

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,001,459,263,000	928,322,964,311
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(741,782,808,478)	(48,060,957,558)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(85,151,988,010)	(71,034,660,520)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(26,136,767,464)	(12,657,740,328)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6,531,576,402)	(6,640,927,128)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22,131,178,478	22,358,648,200
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(65,293,306,139)	(58,299,307,380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98,693,994,985	753,988,019,597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(125,252,967,658)	(35,027,703,848)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2,272,727,273	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(952,400,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,075,380,140,385)	(35,027,703,848)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,622,441,628,231	98,670,765,587
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(704,258,422,673)	(717,971,875,371)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71,853,744,500)	(52,607,191,050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	846,329,461,058	(671,908,300,834)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(130,356,684,342)	47,052,014,915
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154,591,372,374	78,804,143,927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	24,234,688,032	125,856,158,842

Việt Trì, ngày 19 tháng 10 năm 2021

Lập biểu

Kế toán trưởng





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 3 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
 - Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.
4. **Số lượng lao động đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 là:** 1.008 người lao động
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003

Đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp: Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý 3 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
 - Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.
4. **Số lượng lao động đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 là:** 1.008 người lao động
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003

Đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp: Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản trong đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR,..v....

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số đầu Kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tiền mặt	1.575.867.764	446.976.027
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.015.504.610	23.787.712.005
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	5.180.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>80.000.000.000</u>	<u>5.180.000.000</u>
Cộng	<u>154.591.372.374</u>	<u>29.414.688.032</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>8.165.489.552</u>	<u>43.936.846.638</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>47.290.185.720</u>	<u>96.978.979.964</u>

4. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>1.985.704.046</u>	<u>2.083.831.970</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>785.226.323</u>	<u>785.226.323</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	220.166.956.744	(2.233.219.343)	167.388.200.123	(2.233.219.343)
Công cụ, dụng cụ	883.235.092		1.002.071.935	
Thành phẩm	270.416.795.453	(1.288.983.263)	348.537.010.518	(1.288.983.263)
Hàng hóa	127.462.055		624.856.664	
Hàng gửi đi bán	115.212.479	(35.339.244)	679.535.647	(35.339.244)
Cộng	<u>491.709.661.823</u>	<u>3.557.541.850</u>	<u>518.231.674.887</u>	<u>3.557.541.850</u>

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	297.344.993.480	1.080.132.910.543	43.998.319.409	1.768.609.615	1.423.244.833.047
Số đầu năm	1.986.312.727	7.738.402.273	7.609.176.819		17.333.891.819
Tăng trong năm do mua sắm mới	6.164.000.000				6.164.000.000
Tăng trong năm do đầu tư XD/CB hoàn thành		-14.836.493.700			-14.836.493.700
Thanh lý tài sản trong năm					
Số cuối năm	305.495.306.207	1.073.034.819.116	51.607.496.228	1.768.609.615	1.431.906.166
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	180.701.188.376	674.203.356.201	26.413.451.559	1.603.899.254	882.921.895.390
Khấu hao trong năm	16.248.608.753	62.224.852.050	4.509.319.364	31.878.405	83.014.658.572
Thanh lý, nhượng bán		-10.744.120.425			-10.744.120.425
Số cuối năm	196.949.797.129	725.684.087.826	30.922.770.823	1.635.777.659	955.192.433.537
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	116.643.805.104	405.929.554.342	17.584.867.850	164.710.361	540.322.937.657
Số cuối năm	108.545.509.078	347.350.731.290	20.684.725.305	132.831.956	476.713.797.629

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công trình xây dựng dở dang	186.877.919.248	13.007.502.487
Dự án tại Khu Đất Bạch Hạc	<u>31.770.000.000</u>	<u>31.770.000.000</u>
Cộng	<u>218.647.919.248</u>	<u>44.777.502.487</u>

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả nhà cung cấp khác	236.842.977.048	183.183.161.799
Cộng	<u>236.842.977.048</u>	<u>183.183.161.799</u>

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cộng	<u>917.407.172</u>	<u>4.846.947.418</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế GTGT đầu ra	56.958.245	10.127.535.086	5.358.343.131	4.826.150.200
Thuế xuất nhập khẩu	116.915.948	3.582.956.253	3.693.374.322	6.497.879
Thuế TNDN	5.882.381.312	18.024.930.967	6.000.883.086	17.906.429.193
Thuế TNCN	186.478.543	2.573.369.023	2.433.426.241	326.421.325
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		3.558.988.609	1.826.659.159	1.732.329.450
Thuế khác	26.961.795		26.961.795	
Cộng	6.269.695.843	37.867.779.938	19.312.685.939	24.797.828.047

12. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>39.493.814.676</u>	<u>32.961.373.967</u>

13. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Cộng	<u>318.309.074.607</u>	<u>318.309.074.607</u>	<u>559.528.319.600</u>	<u>559.528.319.600</u>

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Cộng	<u>36.295.547.415</u>	<u>36.295.547.415</u>	<u>713.259.507.980</u>	<u>713.259.507.980</u>

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Trích quỹ trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>5.274.510.809</u>		<u>(5.046.188.096)</u>	<u>228.322.713</u>
Cộng	<u>5.274.510.809</u>		<u>(5.046.188.096)</u>	<u>288.322.713</u>

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	693.245.502.625
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	120.624.420.845	120.624.420.845
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(55.036.330.500)	(55.036.330.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.233.008.598	(16.466.017.196)	(8.233.008.598)
Số cuối năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	750.600.584.372
Số dư đầu năm nay	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	750.600.584.372
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	71.530.723.868	71.530.723.868
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(73.381.774.000)	(73.381.774.000)
Trích lập các quỹ	-	-	6.031.221.042	(6.031.211.042)	-
Số cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.240.926	295.771.698.604	748.749.534.240

16. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

a. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Tổng doanh thu	406.907.925.586	411.314.411.890
+ <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>		
+ <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	406.907.925.586	411.314.411.890
+ <i>Doanh thu khác</i>		
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.549.352.219	5.988.242.141
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>	17.020.682.446	4.145.830.200
+ <i>Giảm giá hàng bán</i>	482.793.773	1.511.755.711
+ <i>Hàng bán trả lại</i>	45.876.000	330.656.230
Doanh thu thuần	389.358.573.367	405.326.169.749

b. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	313.803.976.463	339.788.953.283
Cộng	313.803.976.463	339.788.953.283

c. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Lãi tiền gửi	3.292.922.086	18.325.600
Cộng	3.292.922.086	18.325.600

d. Chi phí tài chính

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí lãi vay	15.480.711.359	2.884.283.104
Chi phí khác	1.750.000.000	
Cộng	17.230.711.359	2.884.283.104

e. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí cho nhân viên	2.859.742.555	1.302.004.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.313.675	235.310.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	1.930.778.381	171.779.671
Cộng	5.264.834.611	1.709.095.136

f. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí cho nhân viên	4.367.580.114	3.583.923.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	725.386.894	308.838.587
Chi phí bằng tiền khác	7.006.615.287	6.221.252.498
Cộng	<u>12.099.582.295</u>	<u>10.114.014.111</u>

g. Thu nhập khác

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
	5.004.091.025	2.610.797.347
Cộng	<u>5.004.091.025</u>	<u>2.610.797.347</u>

h. Chi phí khác

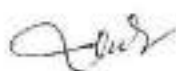
	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
	240.950.000	
Cộng	<u>240.950.000</u>	

i. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.531.866.292	265.348.067.578
Chi phí nhân công	49.568.582.108	23.373.759.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.494.906.452	31.249.088.666
Chi phí khác bằng tiền	49.140.394.233	23.528.996.060
Cộng	<u>369.735.749.085</u>	<u>343.499.911.735</u>

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 3/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đến 30 tháng 9 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	TM	Số đầu năm	Số cuối năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		796,231,705,794	1,612,182,757,254
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154,591,372,374	29,416,205,032
1.	Tiền	111		74,591,372,374	24,236,205,032
2.	Các khoản tương đương tiền	112		80,000,000,000	5,180,000,000
					0
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66,000,000,000	952,400,000,000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	66,000,000,000	952,400,000,000
					0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56,656,152,995	142,214,432,249
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8,165,489,552	43,936,846,638
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47,290,185,720	96,978,979,964
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1,985,704,046	2,083,831,970
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(785,226,323)	(785,226,323)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	0
					0
IV	Hàng tồn kho	140	V.7	514,674,133,037	488,152,119,973
1.	Hàng tồn kho	141		518,231,674,887	491,709,661,823
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,557,541,850)	(3,557,541,850)
					0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4,310,047,388	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	0
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,310,047,388	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	0
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	0
					0
	TÀI SẢN	Mã số			0
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		597,684,180,583	709,138,477,104
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	0
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	0
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	0
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	0
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	0
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	0
II.	Tài sản cố định	220		540,322,937,657	476,713,797,629
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	540,322,937,657	476,713,797,629
	<i>Nguyên giá</i>	222		1,423,244,833,047	1,431,906,231,166
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(882,921,895,390)	(955,192,433,537)



2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	0
	Nguyên giá	225		-	0
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	0
	Nguyên giá	228		-	0
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	0
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	0
	Nguyên giá	231		-	0
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	0
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		44,777,502,487	218,647,919,248
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	44,777,502,487	218,647,919,248
					0
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	0
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	0
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	0
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	0
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		12,583,740,439	13,776,760,227
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12,583,740,439	13,776,760,227
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	0
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	0
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	0
5.	Lợi thế thương mại	269		-	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,393,915,886,377	2,321,321,234,358
	NGUỒN VỐN				
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		630,298,302,005	1,566,598,525,482
L	Nợ ngắn hạn	310		594,002,754,590	878,839,017,502
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	183,183,161,799	215,842,977,048
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4,846,947,418	917,407,172
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6,269,695,843	24,797,545,411
4.	Phải trả người lao động	314		36,315,857,404	17,881,564,741
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	309,692,034	9,931,506,850
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	0
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	39,493,814,676	53,961,373,967
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	318,309,074,607	555,278,319,600
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5,274,510,809	228,322,713
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	0
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	0
II.	Nợ dài hạn	330		36,295,547,415	687,759,507,980
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	0
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	0
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	0
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	0
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	0
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	0
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	0
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	36,295,547,415	687,759,507,980
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	0

1523
 TV
 AN
 PHỤ T

10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	0
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	0
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	0
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	0
NGUỒN VỐN		Mã số			
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763,617,584,372	754,722,708,876
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	750,600,584,372	748,751,333,876
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		366,908,870,000	366,908,870,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366,908,870,000	366,908,870,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		14,876,824,710	14,876,824,710
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	0
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	0
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	0
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	0
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	0
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		65,160,919,884	71,192,140,926
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	0
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	0
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303,653,969,778	295,768,498,240
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		183,029,548,933	224,240,974,736
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120,624,420,845	71,527,523,504
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	0
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	5,000,000
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13,017,000,000	5,971,375,000
1.	Nguồn kinh phí	431	V.19	13,017,000,000	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	5,971,375,000
					0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1,393,915,886,377	2,321,321,234,358

Lập biểu

[Signature]

Kế toán trưởng

[Signature]

Việt Trì, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Tổng giám đốc



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Báo cáo kết quả kinh doanh
Quý 3 năm 2021

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Kỳ trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	406,907,925,586	1,014,158,991,479	411,314,411,890	935,288,967,862
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		17,549,352,219	41,550,067,833	5,988,242,141	29,447,061,661
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 2)		389,358,573,367	972,608,923,646	405,326,169,749	905,841,906,201
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	313,803,976,463	822,240,324,536	339,788,953,283	767,584,164,679
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 4)		75,554,596,904	150,368,599,110	65,537,216,466	138,257,741,522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	3,292,922,086	6,798,987,376	18,325,600	123,934,906
7. Chi phí tài chính	VI.28	17,230,711,359	26,136,764,464	2,884,283,104	12,670,013,055
- Trong đó: Chi phí lãi vay		15,480,711,359	24,386,764,464	2,884,283,104	12,670,013,055
9. Chi phí bán hàng		5,264,834,611	11,250,841,002	1,709,095,136	4,818,282,096
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,102,782,659	32,577,028,750	10,114,014,111	21,224,890,504
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 6 - 7 - 9 - 10)		44,249,190,361	87,202,952,270	50,848,149,715	99,668,490,773
11. Thu nhập khác		5,004,091,025	5,153,389,386	2,610,797,347	6,083,776,026
13. Chi phí khác		240,950,000	2,803,887,185		5,322,380
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		4,763,141,025	2,349,502,201	2,610,797,347	6,078,453,646
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		49,012,331,386	89,552,454,471	53,458,947,062	105,746,944,419
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	9,747,665,117	18,024,930,967	11,044,800,200	21,252,362,500
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 16)		39,264,666,269	71,527,523,504	42,414,146,862	84,494,581,919
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1,070	1,949	1,156	2,303

Lập biểu

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

(Chữ ký)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

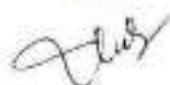
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - QUÝ3/2021

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm tr-ic)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	974,458,094,147	928,322,964,311
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(648,838,519,819)	(48,060,957,558)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(102,093,047,140)	(71,034,660,520)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(14,764,949,648)	(12,657,740,328)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6,000,883,086)	(6,640,927,128)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	22,358,648,200
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12,091,813,096)	(58,299,307,380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	190,668,881,358	753,988,019,597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(251,525,767,324)	(35,027,703,848)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	2,272,727,273	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(952,400,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	66,005,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,779,311,793	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,130,868,728,258)	(35,027,703,848)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,592,691,628,231	98,670,765,587
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(704,258,422,673)	(717,971,875,371)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(73,408,526,000)	(52,607,191,050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	815,024,679,558	(671,908,300,834)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(125,175,167,342)	47,052,014,915
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	154,591,372,374	78,804,143,927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	29,416,205,032	125,856,158,842

Việt Trì, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Lập biểu

Kế toán trưởng




Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
 NGUYỄN QUANG HUY
 TP. VIỆT TRÍ - T. PHÚ THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
 - Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.
4. **Số lượng lao động đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 là:** 1.008 người lao động
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. Cấu trúc công ty

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ)	580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*)	Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003

Đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

Các công ty con sở hữu trực tiếp:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11 KCN Thuy Vân, Xã Thuy Vân, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	Hoạt động dịch vụ tài chính	99,986%	99,986%

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con được lập đến ngày 30 tháng 09 năm 2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR,..v....

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

III. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tiền mặt	1.575.867.764	448.493.027
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.015.504.610	23.787.712.005
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	5.180.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>80.000.000.000</u>	<u>5.180.000.000</u>
Cộng	<u>154.591.372.374</u>	<u>29.416.205.032</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>8.165.489.552</u>	<u>43.936.846.638</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>47.290.185.720</u>	<u>96.978.979.964</u>

4. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>1.985.704.046</u>	<u>2.083.831.970</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>785.226.323</u>	<u>785.226.323</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	167.388.200.123	(2.233.219.343)	220.166.956.744	(2.233.219.343)
Công cụ, dụng cụ	1.002.071.935		883.235.092	
Thành phẩm	348.537.010.518	(1.288.983.263)	270.416.795.453	(1.288.983.263)
Hàng hóa	624.856.664		127.462.055	
Hàng gửi đi bán	679.535.647	(35.339.244)	115.212.479	(35.339.244)
Cộng	<u>518.231.674.887</u>	<u>(3.557.541.850)</u>	<u>491.709.661.823</u>	<u>(3.557.541.850)</u>

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	297.344.993.480	1.080.132.910.543	43.998.319.409	1.768.609.615	1.423.244.833.047
Tăng trong năm do mua sắm mới	1.986.312.727	7.738.402.273	7.609.176.819		17.333.891.819
Tăng trong năm do đầu tư XDCB hoàn thành	6.164.000.000				6.164.000.000
Thanh lý tài sản trong năm		(14.836.493.700)			(14.836.493.700)
Số cuối năm	305.495.306.207	1.073.034.819.116	51.607.496.228	1.768.609.615	1.431.906.231.166
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	180.701.188.376	674.203.356.201	26.413.451.559	1.603.899.254	882.921.895.390
Khấu hao trong năm	16.248.608.753	62.224.852.050	4.509.319.364	31.878.405	83.014.658.572
Thanh lý, nhượng bán		(10.744.120.425)			(10.744.120.425)
Số cuối năm	196.949.797.129	725.684.087.826	30.922.770.923	1.635.777.659	955.192.433.537
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	116.643.805.104	405.929.554.342	17.584.867.850	164.710.361	540.322.937.657
Số cuối năm	108.545.509.078	347.350.731.290	20.684.725.305	132.831.956	476.713.797.629

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công trình xây dựng dở dang	13.007.502.487	186.877.919.248
Dự án tại Khu Đất Bạch Hạc	31.770.000.000	31.770.000.000
Cộng	<u>44.777.502.487</u>	<u>218.647.919.248</u>

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phải trả nhà cung cấp khác	183.183.161.799	215.842.977.048
Cộng	<u>183.183.161.799</u>	<u>215.842.977.048</u>

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>4.846.947.418</u>	<u>917.407.172</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT đầu ra	56.958.245	10.127.252.450	5.358.343.131	4.825.867.564
Thuế xuất nhập khẩu	116.915.948	3.582.956.253	3.693.374.322	6.497.879
Thuế TNDN	5.882.381.312	18.024.930.967	6.000.883.086	17.906.429.193
Thuế TNCN	186.478.543	2.573.369.023	2.433.426.241	326.421.325
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	3.558.988.609	1.826.659.159	1.732.329.450
Thuế khác	26.961.795	-	26.961.795	-
Cộng	<u>6.269.695.843</u>	<u>37.867.497.302</u>	<u>19.339.647.734</u>	<u>24.797.545.411</u>

12. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Cộng	<u>39.493.814.676</u>	<u>53.961.373.967</u>

13. Vay và nợ thuê tài chính
 a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cộng	<u>318.309.074.607</u>	<u>318.309.074.607</u>	<u>555.278.319.600</u>	<u>555.278.319.600</u>

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cộng	<u>36.295.547.415</u>	<u>36.295.547.415</u>	<u>687.759.507.980</u>	<u>687.759.507.980</u>

14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu kỳ	Trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>5.274.510.809</u>		<u>(5.046.188.096)</u>	<u>228.322.713</u>
Cộng	<u>5.274.510.809</u>		<u>(5.046.188.096)</u>	<u>228.322.713</u>

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	56.927.911.286	254.531.896.629	-	693.245.502.625
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	120.624.420.845	-	120.624.420.845
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(55.036.330.500)	-	(55.036.330.500)
Trích lập các quỹ	-	-	8.233.008.598	(16.466.017.196)	-	(8.233.008.598)
Số cuối năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	-	750.600.584.372
Số dư đầu năm nay	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	-	750.600.584.372
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	71.527.523.504	-	71.527.523.504
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(73.381.774.000)	-	(73.381.774.000)
Trích lập các quỹ	-	-	6.031.221.042	(6.031.221.042)	-	-
Số cuối năm	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	295.768.498.240	5.000.000	748.751.333.876

16. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

a. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Tổng doanh thu	406.907.925.586	411.314.411.890
+ Doanh thu bán hàng hóa		
+ Doanh thu bán thành phẩm	406.907.925.586	411.314.411.890
+ Doanh thu khác		
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.549.352.219	5.988.242.141
+ Chiết khấu thương mại	17.020.682.446	4.145.830.200
+ Giảm giá hàng bán	482.793.773	1.511.755.711
+ Hàng bán trả lại	45.876.000	330.656.230
Doanh thu thuần	<u>389.358.573.367</u>	<u>405.326.169.749</u>

b. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Giá vốn của thành phẩm để bán	313.803.976.463	339.788.953.283
Cộng	<u>313.803.976.463</u>	<u>339.788.953.283</u>

c. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Lãi tiền gửi	3.292.922.086	18.325.600
Cộng	<u>3.292.922.086</u>	<u>18.325.600</u>

d. Chi phí tài chính

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí lãi vay	15.480.711.359	2.884.283.104
Chi phí khác	1.750.000.000	
Cộng	<u>17.230.711.359</u>	<u>2.884.283.104</u>

e. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí cho nhân viên	3.209.551.039	1.302.004.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.037.881	235.310.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	1.671.245.691	171.779.671
Cộng	<u>5.264.834.611</u>	<u>1.709.095.136</u>

f. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí cho nhân viên	3.980.178.041	3.583.923.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	822.161.901	308.838.587
Chi phí bằng tiền khác	7.300.442.717	6.221.252.498
Cộng	<u>12.102.782.659</u>	<u>10.114.014.111</u>

g. Thu nhập khác

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Thu nhập khác	5.004.091.025	2.610.797.347
Cộng	<u>5.004.091.025</u>	<u>2.610.797.347</u>

h. Chi phí khác

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
	240.950.000	-
Cộng	<u>240.950.000</u>	<u>-</u>

i. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 3/21</u>	<u>Quý 3/20</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.734.964.409	272.730.347.526
Chi phí nhân công	35.434.211.052	25.442.940.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.494.906.452	32.057.035.554
Chi phí khác bằng tiền	55.074.867.536	50.694.518.339
Cộng	<u>369.738.949.449</u>	<u>380.924.842.098</u>

Lập ngày 26 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CMC
TP. VIỆT MỸ
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

V/v: Thực hiện nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành

Công ty Cổ phần CMC (“**Tổ Chức Phát Hành**”) dự kiến chào bán ra công chúng các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có tổng mệnh giá tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ đồng) (“**Trái Phiếu**”) theo các điều khoản và điều kiện cụ thể được nêu trong Bản Cáo Bạch Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng và các văn kiện trái phiếu khác, phù hợp với Phương án phát hành Trái Phiếu được phê duyệt ngày 10/09/2021 bởi Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành hiện đang nộp hồ sơ lên Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước để xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho đợt chào bán Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành bằng văn bản này cam kết với các nhà đầu tư có dự định đăng ký mua Trái Phiếu, người sở hữu Trái Phiếu và các Đại lý, Tổ Chức liên quan đến đợt phát hành Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) Cam kết tuân thủ điều kiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng, (ii) Cam kết tuân thủ các nghĩa vụ về thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, và (iii) bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu Trái Phiếu theo các văn kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật có liên quan.

Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu hoặc trường hợp thay đổi thông tin cam kết được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGO ĐỨC VŨ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM**

Số: 2910/2021/ĐĐNSHTP-QLTSBD-RCC/VNDS-CVT

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Mã Trái Phiếu: CVTB2123005, CVTB2124006, CVTB2126007

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các bên có tên dưới đây:

(1) CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Mã số doanh nghiệp : 2600106523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 20/04/2006 và các lần thay đổi.
Địa chỉ : Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
Số điện thoại : (84-21) 0399 1706
Người đại diện : Ông Ngô Đức Vũ
Chức vụ : **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
(Sau đây gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”)

(2) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Giấy phép hoạt động : 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 16/11/2006 và (các) giấy phép điều chỉnh.
Địa chỉ : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Số điện thoại : (84-24) 3972 4568
Người đại diện : Ông Nguyễn Vũ Long
Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc**
Theo ủy quyền : Quyết định số 486/2021/VNDIRECT ngày 02/08/2021 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT.

(Sau đây gọi là “**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**”)

CƠ SỞ KẾT LẬP HỢP ĐỒNG

- (A) Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành các Trái Phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam. Tổng mệnh giá phát hành tối đa 500.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng) sẽ được phát hành thành 03 (ba) gói có kỳ hạn từ 24 tháng đến 60 tháng, mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng) theo Nghị quyết số ...35.../NQ-HDQT ngày 29/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần CMC (sau đây gọi chung “**Trái Phiếu**”);
- (B) Trái Phiếu sẽ có Điều Khoản Điều Khoản Trái Phiếu đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này, được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số ...35.../NQ-HDQT ngày 29/10/2021 của Tổ Chức Phát Hành;

- (C) Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT làm Đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2021/NĐ-CP, và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT chấp nhận chỉ định trên đây và thực hiện các công việc/trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo những điều khoản của Hợp Đồng này;
- (D) Trong Hợp Đồng này, các từ “đồng ý” hoặc “chấp thuận” của “Người Sở Hữu Trái Phiếu” sẽ được hiểu và diễn giải là sự “đồng ý” hoặc “chấp thuận” được đưa ra theo một nghị quyết có hiệu lực của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được tổ chức và thông qua phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

NAY, BẢNG VĂN BẢN NÀY, CÁC BÊN ĐỒNG Ý như sau:

Điều 1. Định Nghĩa, Giải Thích Thuật Ngữ

Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa như được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu. Các thuật ngữ viết hoa khác khi được sử dụng trong Hợp Đồng này có nghĩa như sau:

- (a) *Bản Cáo Bạch* có nghĩa là Bản Cáo Bạch Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Tổ Chức Phát Hành công bố nhằm chào bán Trái Phiếu (có thể được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm);
- (b) *Bên Bảo Đám* có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (c) *Điều Khoản Điều Khoản Trái Phiếu* là Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp đồng này và được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 35...../NQ-HĐQT ngày 29/10/2021 của Tổ Chức Phát Hành.
- (d) *Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu* có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT;
- (e) *Ngày Làm Việc* là ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam) mà vào ngày đó hoạt động thanh toán giữa các ngân hàng tại Việt Nam được thực hiện bình thường;
- (f) *Người Sở Hữu Trái Phiếu* có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (g) *Tài Sản Bảo Đám* có nghĩa như được quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- (h) *Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám* có nghĩa là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ chức được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định làm Tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đám.

- (i) Văn Kiện Trái Phiếu có nghĩa là Bản Công Bố Thông Tin, Các Điều Kiện Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Đại Lý, Các Hợp Đồng Bảo Đảm, các tài liệu đặt mua Trái Phiếu, Hợp Đồng này và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu;
- 1.2 Khi ngữ cảnh quy định như vậy, những từ mang nghĩa số ít sẽ bao gồm cả nghĩa số nhiều và ngược lại; các tham chiếu đến người sẽ bao gồm cả cá nhân và/hoặc tổ chức và tham chiếu đến một giới tính thì sẽ bao gồm cả hai giới tính.
- 1.3 Dẫn chiếu đến một bên (hoặc các bên) có nghĩa là dẫn chiếu đến bên (hoặc các bên của Hợp Đồng này).
- 1.4 Dẫn chiếu đến một tổ chức/cá nhân sẽ gồm tổ chức/cá nhân kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng, chuyển giao được phép của tổ chức/cá nhân đó.
- 1.5. Tiêu đề của các điều chỉ dùng cho mục đích tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích những quy định trong Hợp Đồng này.
- 1.6 Bất kỳ dẫn chiếu nào trong Hợp Đồng này tới “Điều” hoặc “Phụ lục” thì đó là dẫn chiếu đến một điều trong Hợp Đồng này và Phụ lục có liên quan đính kèm Hợp Đồng này.
- 1.7 Một số thuật ngữ được định nghĩa riêng phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu.

Điều 2. Chỉ Định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

2.1 Chỉ Định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT đồng ý làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo chỉ định của Tổ Chức Phát Hành tại Hợp Đồng này.
- b) Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, theo các Văn Kiện Trái Phiếu, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), sẽ công nhận và đồng ý không hủy ngang (i) việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định tại Khoản 2.1 Điều này và (ii) các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.
- c) Trong thời gian Hợp Đồng này có hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định đối với Trái Phiếu. Quyền hạn và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực kể từ khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu cho đến khi đáo hạn Trái Phiếu và/hoặc không còn bất kỳ Trái Phiếu nào được lưu hành.
- 2.2 Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản

Lý Tài Sản Bảo Đảm, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Lưu Ký có thể cùng là một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích có thể phát sinh miễn là các quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Quyền Hạn Và Trách Nhiệm Của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có quyền và trách nhiệm sau đây:

- 3.1 Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- 3.2 Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác;
- 3.3 Yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán (nếu có) thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi tổ chức phát hành không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trái phiếu;
- 3.4 Nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc chỉ định Tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này;
- 3.5 Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu;
- 3.6 Ký kết và thực hiện bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- 3.7 Thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi biết, khi phát hiện bất kỳ vi phạm nào của Tổ Chức Phát Hành đối với bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- 3.8 Giám sát việc sử dụng vốn đúng mục đích từ phát hành Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành;
- 3.9 Triệu tập và tổ chức cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu); thay mặt và nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu ký các Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu, các Quyết định/Nghị quyết của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- 3.10 Nhận và thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của các thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- 3.11 Nhận và gửi ngay cho Tổ Chức Phát Hành các thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

- 3.12 Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- 3.13 Hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này và Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- 3.14 Không mâu thuẫn với các quy định tại Hợp đồng này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm trước Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ bên thứ ba nào liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm hoặc không thực hiện các cam kết và nghĩa vụ tại Các Văn Kiện Trái Phiếu.

Điều 4. Quản Lý Tài Sản Bảo Đám

- 4.1 Bằng việc trở thành Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Công Ty CP Chứng khoán VNDIRECT đồng thời là tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đám, thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các biện pháp xử lý Tài Sản Bảo Đám theo quy định của Hợp Đồng này, Các Hợp Đồng Bảo Đám, Các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, trừ trường hợp nêu tại Khoản 4.2 dưới đây;
- 4.2 Đối với tài sản mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận quản lý hoặc không được nhận quản lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, phối hợp cùng Tổ Chức Phát Hành, sẽ chỉ định bên thứ ba nhận và quản lý tài sản bảo đảm đó. Trong trường hợp này, Tổ chức nhận quản lý tài sản bảo đảm có trách nhiệm phối hợp với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để quản lý và thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo điều khoản của Hợp Đồng này, Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đám, Các Hợp Đồng Bảo Đám, Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- 4.3 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Bên được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định làm Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm sẽ thực hiện việc nhận, quản lý và xử lý Tài Sản Bảo Đám theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đám mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (và/hoặc Bên được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định làm Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm) là bên ký kết với vai trò là Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm.
- 4.4 Tổ Chức Phát Hành bảo đảm và cam kết rằng Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đám sẽ giao kết Các Hợp Đồng Bảo Đám với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Bên được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định làm Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm phù hợp với từng loại tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho

Trái Phiếu. Các Hợp Đồng Bảo Đám sẽ quy định cụ thể về tài sản bảo đảm, nhận và quản lý tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của Bên Bảo Đám, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm.

- 4.5 Tài Sản Bảo Đám sẽ được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm quản lý theo các quy định tại Hợp Đồng này và Các Hợp Đồng Bảo Đám có liên quan. Trong trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn nào về quyền hạn của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Hợp Đồng này và Các Hợp Đồng Bảo Đám, Các Hợp Đồng Bảo Đám sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 4.6 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám không có bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý nào đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành hay Bên Bảo Đám, trừ khi được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng này, Các Hợp Đồng Bảo Đám và/hoặc Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh hiểu lầm, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám không có nghĩa vụ phải thực hiện bất kỳ hành động nào hoặc thực thi bất kỳ quyền, biện pháp chế tài, quyền hạn hoặc quyền quyết định nào nằm ngoài phạm vi quy định tại Hợp Đồng này, Các Hợp Đồng Bảo Đám và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

Điều 5. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- 5.1 Có quyền thực hiện các công việc thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của pháp luật;
- 5.2 Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định tại Hợp Đồng này và Các Văn Kiện Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc cung cấp đầy đủ, đúng hạn các thông tin, tài liệu cần thiết nhằm phục vụ cho việc thực hiện các công việc thuộc quyền và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này;
- 5.3 Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành đảm bảo về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của các thông tin, tài liệu liên quan của Tổ Chức Phát Hành và các thông tin khác liên quan đến đợt phát hành Trái Phiếu;
- 5.4 Có quyền, với chi phí liên quan do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tự gánh chịu, tham khảo và thực hiện theo ý kiến tư vấn pháp lý của các bên tư vấn khác về những vấn đề phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp Đồng này;
- 5.5. Có các quyền khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này, Các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- 5.6 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện đúng và đầy đủ các công việc thuộc quyền và trách nhiệm quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này;
- 5.7. Có nghĩa vụ thực hiện các công việc được quy định trong Hợp Đồng này một cách cẩn trọng và phù hợp với quy định của Hợp đồng này, các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định

của pháp luật;

- 5.8 Có các nghĩa vụ khác của Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này, Các Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Tổ Chức Phát Hành

- 6.1 Có quyền yêu cầu Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu thực hiện đầy đủ các công việc như quy định tại Hợp Đồng này;
- 6.2 Có quyền từ chối cung cấp những thông tin thuộc phạm vi bí mật của Tổ Chức Phát Hành không liên quan đến các công việc đã nêu tại Điều 3 Hợp đồng này;
- 6.3 Có các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật;
- 6.4 Có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các cam kết, đảm bảo của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Hợp Đồng này và các cam kết với Người Sờ Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- 6.5 Có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, cập nhật và đúng hạn các thông tin về tình hình hoạt động, báo cáo tài chính và các thông tin, tài liệu cần thiết khác theo yêu cầu hợp lý và có căn cứ của Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu để hoàn tất phạm vi công việc đã nêu tại Điều 3 Hợp đồng này;
- 6.6 Có các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

Điều 7. Khẳng Định, Đảm Bảo, Cam Đoan Và Cam Kết

- 7.1. Tổ Chức Phát Hành khẳng định, đảm bảo, cam đoan và cam kết như sau:
- a) Trái Phiếu được phát hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành sẽ hoàn toàn hợp tác với Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu trong quá trình Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu cung cấp Dịch Vụ cho Tổ Chức Phát Hành theo quy định của Hợp Đồng này;
 - b) Đảm bảo các điều kiện để phát hành Trái Phiếu theo đúng các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và xác thực của các thông tin cung cấp cho Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu;
 - c) Đảm bảo cung cấp đầy đủ, đúng hạn các thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc thực hiện dịch vụ đại diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này;
 - d) Bảo đảm hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép và chấp thuận có liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và quy chế áp dụng, điều lệ và quy tắc nội bộ của mình, và cung cấp cho Đại Diện Người Sờ Hữu Trái Phiếu các chi tiết về những phê duyệt, giấy phép và chấp thuận khi được yêu cầu; và

- e) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ là đối tượng được thực thi theo các khẳng định, đảm bảo, cam đoan và cam kết quy định tại Khoản 7.1 Điều này vì lợi ích của mình và của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
 - f) Tổ Chức Phát Hành chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất hoặc trách nhiệm nào phát sinh do hậu quả của vi phạm do lỗi của mình hay người của mình quản lý gây ra.
- 7.2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản này khẳng định, đảm bảo, cam đoan và cam kết như sau:
- a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là công ty chứng khoán được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam;
 - b) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có đầy đủ chức năng để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này;
 - c) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự động chấm dứt vai trò của mình hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào cho đến khi Tổ Chức Phát Hành lựa chọn xong một pháp nhân kế vị để thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Hợp Đồng này; và
 - d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất hoặc trách nhiệm nào phát sinh do hậu quả của vi phạm do lỗi của mình hay người của mình quản lý gây ra.

Điều 8. Bất Khả Kháng

- 8.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm:
- a) Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, đình công, chiến tranh, cấm vận, trừng phạt;
 - b) Sự thay đổi chính sách, pháp luật của Nhà nước dẫn đến việc các bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng này;
 - c) Các sự kiện khác xảy ra một cách khách quan mà các bên không thể lường trước, không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết.
- 8.2 Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng, bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên còn lại biết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày xảy ra/một trong các bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều 8.1 Hợp đồng này. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra làm các bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng, các bên tiến hành thanh lý và giải quyết mọi vấn đề liên quan Hợp Đồng.

Điều 9. Bảo Mật

- 9.1. Ngoại trừ việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền cung cấp thông tin cho các bên thứ ba (nếu cần và với điều kiện là có sự chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành) để tiến hành phân tích, đánh giá, hỗ trợ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong quá trình thực hiện công việc theo Hợp Đồng này, mỗi Bên phải bảo mật các thông tin nhận được từ các Bên còn lại theo Hợp Đồng này ("**Thông tin bảo mật**"). Các bên không được phép sử dụng thông tin cho bất kỳ mục đích gì ngoài mục đích thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng này.
- 9.2 Các trường hợp loại trừ đối với Thông tin bảo mật: các thông tin bảo mật sẽ không bao gồm bất kỳ thông tin nào dưới đây:
- (i) Thông tin đã trở thành thông tin chung hoặc được công bố ra công chúng trước khi Hợp đồng này có hiệu lực;
 - (ii) Thông tin do bên thứ ba cung cấp hay tiết lộ;
 - (iii) Thông tin mà bên nhận có tài liệu chứng minh rằng thông tin đó đã được phát triển một cách độc lập và trước khi Bên nhận nhận được thông tin bảo mật;
 - (iv) Thông tin được cung cấp cho tổ chức kiểm toán độc lập, luật sư của mỗi bên; cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp theo quy định của pháp luật; trước khi cung cấp thông tin Bên tiết lộ thông tin gửi cho Bên kia thông báo bằng văn bản về yêu cầu tiết lộ thông tin đó, trong đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải nỗ lực một cách hợp lý để duy trì tính bảo mật của các thông tin khác trong phạm vi cho phép hoặc phù hợp với yêu cầu đó.
- 9.3. Nghĩa vụ bảo mật tại Điều 9 Hợp đồng này tiếp tục có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

Điều 10. Chấm Dứt

- 10.1. Hợp Đồng này sẽ bị chấm dứt trong trường hợp:
- (i) Giao dịch phát hành Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ hoặc không có Trái Phiếu nào được Tổ Chức Phát Hành phát hành thành công; hoặc
 - (ii) Theo Thỏa thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; trong trường hợp này, các Bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt Hợp Đồng này; hoặc
 - (iii) Các Bên đã thực hiện xong toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo Hợp Đồng này; hoặc
 - (iv) Một trong các bên bị phá sản hoặc giải thể; hoặc
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
- 10.2. Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên

có được trước thời điểm chấm dứt.

Điều 11. Thông Báo

Bất kỳ thông báo nào theo bất kỳ hình thức nào được đưa ra theo Hợp Đồng này sẽ được coi là gửi hợp lệ bằng cách giao trực tiếp tận tay, gửi qua fax hoặc thư điện tử (nhưng bản gốc thông báo phải được gửi trong thời hạn hai (02) Ngày Làm Việc sau ngày gửi fax hoặc thư điện tử) hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ và số fax, thư điện tử của của bên kia theo quy định sau:

Nếu gửi tới Tổ Chức Phát Hành:

Địa chỉ: Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Người nhận: Ông Ngô Đức Vũ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: (84-21) 0399 1706

Nếu gửi tới Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Người nhận: Ông Vương Hoàng Sơn Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh Trái phiếu – Khối Thị trường vốn

Điện thoại: (84-24) 3972 4568

Fax: (84-24) 3972 4600

Email: Phong.KDTP@vndirect.com.vn

Bất kỳ thông báo nào như vậy sẽ được coi là gửi hợp lệ (i) nếu được chuyển giao trực tiếp tận tay, khi giao, với điều kiện là thông báo được gửi trong khoảng thời gian từ 8h00' đến 17h00' vào Ngày Làm Việc, (ii) nếu được gửi qua fax, khi bên gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận fax đã được chuyển thành công được ghi nhận trên máy fax của bên gửi, hoặc (iii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát, vào Ngày nhận ghi trên bưu phẩm do đơn vị cung cấp dịch vụ gửi cho bên nhận.

Điều 12. Các Quy Định Khác

12.1 Các điều khoản về quản lý Tài Sản Bảo Đảm trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng thời là hợp đồng/thỏa thuận về việc quản lý Tài Sản Bảo Đảm ("Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm") giữa Tổ Chức Phát Hành với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

12.2 Đối với các công việc mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo Hợp Đồng này, Đại Diện sẽ không thu phí dịch vụ đối với Tổ Chức Phát Hành, trừ khi hai bên có thỏa thuận khác. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn trả cho Đại Diện

Người Sở Hữu Trái Phiếu tất cả các chi phí (nếu có) mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải trả thay cho Tổ Chức Phát Hành khi thực hiện Hợp Đồng này.

- 12.3 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng.
- 12.4 Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực nếu việc sửa đổi, bổ sung đó được lập thành văn bản và được người đại diện có thẩm quyền của cả hai Bên ký kết và đóng dấu pháp nhân thành Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng. Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được coi là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này. Ngoại trừ trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này mà Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận sửa đổi Các Điều Kiện Trái Phiếu bằng văn bản ("Thỏa Thuận Sửa Đổi") thì Thỏa Thuận Sửa Đổi đó sẽ mặc nhiên có hiệu lực và Thỏa Thuận Sửa Đổi sẽ được coi là một Văn bản sửa đổi, bổ sung không tách rời của Hợp Đồng này mà hai bên không cần ký kết lại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng. Các Điều Kiện Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này nếu trái với nội dung được điều chỉnh trong Thỏa Thuận Sửa Đổi thì sẽ áp dụng theo quy định tại Thỏa Thuận Sửa Đổi.
- 12.5 Nếu vào bất kỳ thời gian nào mà bất kỳ điều khoản nào quy định trong Hợp Đồng này trở nên bất hợp pháp, vô hiệu hay không thể thực hiện được về bất kỳ phương diện nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hay khả năng thực hiện của các quy định còn lại sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị giảm thiểu bằng bất cứ cách nào.
- 12.6 Việc một Bên không thực hiện hay chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu đó là sự từ bỏ quyền này, hoặc việc thực hiện đơn lẻ hay một phần bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục không ngăn cản việc thực hiện tiếp các quyền và phần quyền còn lại hoặc thực hiện các quyền và biện pháp khắc phục khác và không loại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào mà pháp luật quy định.

Điều 13. Bản Ký Và Ngôn Ngữ

Hợp Đồng này được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên sẽ giữ một (01) bản gốc để thực hiện.

Điều 14. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp

- 14.1 Hợp Đồng này được điều chỉnh và tuân thủ theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- 14.2 Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến Hợp đồng này, sẽ được các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp các Bên không thể giải quyết được thông qua thương lượng trực tiếp, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐỀ LÀM BẢNG CHỨNG, đại diện hợp pháp của các Bên liên quan đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm nêu ở phần đầu của Hợp Đồng.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGÔ ĐỨC VŨ

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM**



NGUYỄN VŨ LONG

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU (TRÁI PHIẾU CVTB2123005, TRÁI PHIẾU CVTB2124006 và TRÁI PHIẾU CVTB2126007)

(Phụ lục đính kèm Hợp đồng Dịch vụ Đại diện Người sở hữu Trái phiếu số
2910/2021/ĐDNSHTP-QLTSBD-RCC/VNDS-CVT ngày 29/10/2021)

1. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN

1.1.	Tổ Chức Phát Hành:	CÔNG TY CỔ PHẦN CMC Mã số doanh nghiệp: 2600106523 Vốn điều lệ: 366.908.870.000 đồng Địa chỉ đăng ký: Lô B10, B11- Khu công nghiệp Thụy Vân - Xã Thụy Vân - Thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.
1.2.	Tên Trái Phiếu (Mã Trái Phiếu):	CVTB2123005 CVTB2124006 CVTB2126007
1.3.	Đồng tiền phát hành và thanh toán:	Đồng Việt Nam (VND).
1.4.	Mệnh giá Trái Phiếu:	100.000 đồng (một trăm nghìn VNĐ) một Trái Phiếu.
1.5.	Giá chào bán:	Bằng mệnh giá.
1.6.	Tổng số Trái phiếu chào bán:	Tổng số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán là 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu, trong đó: + 1.000.000 Trái Phiếu CVTB2123005 + 2.000.000 Trái Phiếu CVTB2124006 + 2.000.000 Trái Phiếu CVTB2126007
1.7.	Tổng giá trị Trái Phiếu theo mệnh giá:	500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ VNĐ), trong đó: + 100 tỷ đồng mệnh giá Trái Phiếu CVTB2123005 + 200 tỷ đồng mệnh giá Trái Phiếu CVTB2124006 + 200 tỷ đồng mệnh giá Trái Phiếu CVTB2126007
1.8.	Lãi Suất:	+ Lãi suất đối với Trái Phiếu CVTB2123005: 10% (mười phần trăm)/năm; + Lãi suất đối với Trái Phiếu CVTB2124006: 10,5% (mười phẩy năm phần trăm)/năm; + Lãi suất đối với Trái Phiếu CVTB2126007: 10,6% (mười phẩy sáu phần trăm)/năm;
1.9.	Kỳ hạn Trái Phiếu:	+ Trái Phiếu CVTB2123005: 24 tháng kể từ Ngày Phát Hành; + Trái Phiếu CVTB2124006: 36 tháng kể từ Ngày Phát

		Hành; + Trái Phiếu CVTB2126007: 60 tháng kể từ Ngày Phát Hành.																		
1.10.	Loại hình Trái Phiếu:	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản.																		
1.11.	Hình thức phát hành:	Phát hành ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác.																		
1.12.	Số lượng đợt chào bán:	Cả 03 Trái Phiếu (CVTB2123005, CVTB2124006, CVTB2126007) đều được chào bán trong cùng một đợt.																		
1.13.	Hình thức Trái Phiếu:	Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử.																		
1.14.	Cam kết về bảo đảm:	Trái Phiếu được bảo đảm thanh toán bằng tài sản theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (DNP) cũng cam kết thanh toán tất cả các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các đối tượng khác (Chi tiết được nêu tại Cam Kết Thanh Toán được ký kết giữa Công ty Cổ phần CMC và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai).																		
1.15.	Tài sản bảo đảm:	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CMC (Mã chứng khoán: CVT-HOSE) của tổ chức, cá nhân sau: <table border="1" data-bbox="710 1137 1417 1594"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Họ và tên Bên bảo đảm</th> <th>Số lượng cổ phần</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>CTCP Nhựa Đồng Nai</td> <td>7.261.964</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Phạm Quốc Khánh</td> <td>1.467.466</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Nguyễn Đức Toàn</td> <td>1.575.476</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Nguyễn Minh Quang</td> <td>1.457.067</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Tổng cộng</td> <td>11.761.973</td> </tr> </tbody> </table> <p>Điều kiện về Tài sản bảo đảm và Bên Bảo Đảm đáp ứng các yêu cầu của Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật.</p>	STT	Họ và tên Bên bảo đảm	Số lượng cổ phần	1	CTCP Nhựa Đồng Nai	7.261.964	2	Phạm Quốc Khánh	1.467.466	3	Nguyễn Đức Toàn	1.575.476	4	Nguyễn Minh Quang	1.457.067		Tổng cộng	11.761.973
STT	Họ và tên Bên bảo đảm	Số lượng cổ phần																		
1	CTCP Nhựa Đồng Nai	7.261.964																		
2	Phạm Quốc Khánh	1.467.466																		
3	Nguyễn Đức Toàn	1.575.476																		
4	Nguyễn Minh Quang	1.457.067																		
	Tổng cộng	11.761.973																		
1.16.	Đối tượng phát hành:	Cho các nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định pháp luật.																		
1.17.	Mục đích phát hành:	Nguồn vốn huy động được từ phát hành Trái phiếu sẽ được sử dụng vào các mục đích sau: Mục đích 1: Bổ sung nguồn vốn hoạt động của Công ty. Nguồn vốn được dùng để đặt cọc mua nguyên vật liệu và hàng hóa cho kỳ kinh doanh tới, giảm thiểu rủi ro tăng giá nguyên vật liệu sản xuất do tác động của biến động tăng giá đang diễn ra trên thế giới.																		

		Mục đích 2: Thanh toán các khoản nợ với các tổ chức tín dụng.
1.18.	Phương án sử dụng vốn:	Tùy vào số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT được chủ động phân phối nguồn vốn cho các mục đích tại khoản 1.1.17, để tạo ra hiệu quả tốt nhất cho việc sử dụng vốn, đảm bảo tính linh hoạt trong công tác điều phối nguồn vốn và phù hợp với bối cảnh kinh doanh tại thời điểm huy động vốn thành công.
1.19.	Đăng ký lưu ký và Niêm yết Trái Phiếu:	Toàn bộ Trái phiếu sẽ được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
1.20.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu:	Tài khoản số 19022785086011 của Công ty cổ phần CMC mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Việt Trì
1.21.	Kỳ tính lãi:	Áp dụng Chung cho các mã Trái Phiếu: Mỗi thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục bắt đầu từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu.
1.22.	Kỳ trả gốc Trái Phiếu:	Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.
1.23.	Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký ban đầu:	Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT. Việc thay thế Tổ Chức Đăng Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp đồng Dịch Vụ Đăng Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu thuộc hồ sơ chào bán Trái Phiếu Ra Công Chúng.
1.24.	Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:	Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT. Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1. **Bản Cáo Bạch** là Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng được Tổ Chức Phát Hành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện các thủ tục chào bán Trái Phiếu ra công chúng.
- 2.2. **Chủ Sở Hữu Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu** được hiểu là Chủ Sở Hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu. Khi Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).
- 2.3. **Bên Bảo Đảm** được hiểu là Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức, cá nhân khác sử

dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để làm tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu. Tại Ngày Phát Hành, Bên Bảo Đảm bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (Giấy CN đăng ký doanh nghiệp số 3600662561 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004, Địa chỉ trụ sở chính Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Văn Hiếu – Tổng Giám Đốc).
- Ông Phạm Quốc Khánh (CCCD số 001091000555, do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 18/11/2013)
- Ông Nguyễn Đức Toàn (CCCD số 001083016378 do Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 23/05/2016)
- Ông Nguyễn Minh Quang (CMND/CCCD số 001092027307 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 29/06/2020)

Thông tin về Bên Bảo Đảm tại Ngày Phát Hành được nêu cụ thể trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

- 2.4. **Bên Cam Kết Thanh Toán** là Công Ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai, Giấy CN đăng ký doanh nghiệp số 3600662561 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004, Địa chỉ trụ sở chính Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Văn Hiếu – Tổng Giám Đốc.
- 2.5. **Các Điều Kiện Trái Phiếu** là Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Trái Phiếu này.
- 2.6. **Các Văn Kiện Trái Phiếu** là tất cả và/hoặc bất kỳ tài liệu nào trong các tài liệu sau: Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này, Bản Cáo Bạch Cháo Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng, Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký, và bất kỳ tài liệu liên quan tới Trái Phiếu nào khác mà Tổ Chức Phát Hành ký kết hoặc ban hành nhằm cam kết với những Người Sở Hữu Trái Phiếu về/liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.7. **Cổ Phiếu CVT** có nghĩa là Cổ phiếu Công ty Cổ phần CMC (mã chứng khoán: CVT, được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh - HOSE).
- 2.8. **Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu** cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, là tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các trách nhiệm của Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, và Các Điều Kiện Trái Phiếu này và theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.9. **Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu** là Đại hội gồm tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết.
- 2.10. **Hợp Đồng Bảo Đảm** hoặc **Các Hợp Đồng Bảo Đảm** có nghĩa là tất cả hoặc bất kỳ hợp đồng, thoả thuận hay cam kết nào dưới đây được giao kết và/hoặc xác lập nhằm mục đích bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu:

AV

- **Các Hợp đồng Cầm Cố Tài Sản** được giao kết giữa Bên Bảo Đảm với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm; và/hoặc
 - **Cam Kết Thanh Toán** là cam kết của Công ty Cổ phần Nhựa DNP về việc cam kết thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu; và/hoặc
 - Các Hợp Đồng bảo đảm khác (nếu có) được giao kết/xác lập để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu; và/hoặc
 - Các thỏa thuận, văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Hợp đồng bảo đảm đã ký trước đó mà được giao kết phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu cho mục đích bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu.
- 2.11. **Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu** có nghĩa là Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu (đối với Trái Phiếu CVTB2123005, Trái Phiếu CVTB2124006 và Trái Phiếu CVTB2126007) được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.12. **Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký Và Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm** có nghĩa là Hợp đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký Trái Phiếu (đối với Trái Phiếu CVTB2123005, Trái Phiếu CVTB2124006 và Trái Phiếu CVTB2126007) được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký.
- 2.13. **Khoản Nợ** có nghĩa là bất kỳ một khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán đến hạn nào dưới bất kỳ hình thức nào có tổng giá trị lớn hơn 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác tính theo tỷ giá giữa đồng Việt Nam và loại tiền tệ đó theo công bố của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tại thời điểm tương ứng).
- 2.14. **Kỳ Tính Lãi** là mỗi giai đoạn kéo dài 6 tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (hoặc đến ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc). Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu thì Kỳ Tính Lãi cuối cùng sẽ được tính từ ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn.
- 2.15. **Ngày Thanh Toán Lãi** là ngày cách (i) Ngày Phát Hành một thời hạn tròn 06 (sáu) tháng hoặc bội số nguyên của 06 (sáu) tháng của mỗi năm dương lịch và (ii) đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng là Ngày Đáo Hạn và (iii) là Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Mua Lại Bắt Buộc khi Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện thanh toán toàn bộ lãi dồn tích trên dư nợ Trái Phiếu mua lại trước hạn.
- 2.16. **Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu** được hiểu là giá trị tối thiểu của tổng giá trị của Tài Sản Bảo Đảm tại một thời điểm để đáp ứng Tỷ Lệ Bảo Đảm Tối Thiểu.
- 2.17. **Mua Lại Bắt Buộc** là việc Tổ Chức Phát Hành mua lại các Trái Phiếu đang lưu hành theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điều Kiện 14.
- 2.18. **Ngày Chốt Danh Sách** là ngày mà Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký Lưu Ký hoặc VSD lập/tổng hợp danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào ngày đó để làm căn cứ thực hiện các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Văn Kiện Trái Phiếu.

- 2.19. **Ngày Đáo Hạn** là ngày đến hạn thanh toán nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với số tiền gốc của Trái Phiếu.
- 2.20. **Ngày Làm Việc** là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc một ngày nghỉ lễ (kể cả nghỉ bù) theo pháp luật Việt Nam.
- 2.21. **Ngày Mua Lại Bắt Buộc** là ngày thực hiện mua lại theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành được quy định tại Điều Khoản 13.3.
- 2.22. **Ngày Phát Hành** là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu và là ngày được ghi trên báo cáo kết quả phát hành mà Tổ Chức Phát Hành nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- 2.23. **Ngày Hoàn Thành Đợt Chào Bán Trái Phiếu** là ngày Tổ Chức Phát Hành hoàn thành việc phân phối Trái Phiếu và thu tiền mua Trái Phiếu từ các Nhà đầu tư.
- 2.24. **Người Sở Hữu Trái Phiếu** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Trái Phiếu.
- 2.25. **Phương Án Phát Hành** có nghĩa là phương án phát hành Trái Phiếu được phê duyệt/thông qua theo Nghị quyết số 25./NQ-HDQT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành (cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm (nếu có)).
- 2.26. **Sổ Đăng Ký** có nghĩa là một sổ đăng ký, danh sách, thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký lập và lưu giữ theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành.
- 2.27. **Sở Giao Dịch Chứng Khoán** có nghĩa là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và/hoặc các Công ty con (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh).
- 2.28. **Tài Sản Bảo Đảm** là tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu, cụ thể là: (i) Tài Sản Bảo Đảm tại Ngày Phát Hành là 11.761.973 Cổ Phiếu CVT (Cổ phiếu Công ty Cổ phần CMC) thuộc sở hữu của (Các) Bên Bảo Đảm, và/hoặc (ii) bất kỳ tài sản nào khác (nếu có) được Tổ Chức Phát Hành/Bên Bảo Đảm dùng để bổ sung, thay thế cho các tài sản nêu trên theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.
- 2.29. **Trái Phiếu** có nghĩa là:
- Trái Phiếu CVTB2123005, hoặc
 - Trái Phiếu CVTB2124006, hoặc
 - Trái Phiếu CVTB2126007

do Tổ Chức Phát Hành thực hiện phát hành và đang lưu hành tại từng thời điểm theo Các Điều Khoản Và Điều Khoản Của Trái Phiếu này.

Các Trái Phiếu có nghĩa là toàn bộ các Trái Phiếu trên.

- 2.30. **Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết** được hiểu là:
- (a) tất cả Các Trái Phiếu (Trái Phiếu CVTB2123005, Trái Phiếu CVTB2124006, Trái Phiếu CVTB2126007) đang lưu hành tại Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc Lấy Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu) nếu vấn đề lấy ý kiến biểu quyết của Hội Nghị Người Sở

Hữu Trái Phiếu là vấn đề chung/liên quan đến quyền lợi của tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó;

- (b) tất cả các Trái Phiếu CVTB2123005 đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách triệu tập họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc Lấy Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu) nếu vấn đề lấy ý kiến biểu quyết của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là vấn đề chỉ liên quan đến quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu CVTB2123005 đang lưu hành tại thời điểm đó (bao gồm Lãi Suất, Kỳ Hạn Trái Phiếu, Mua Lại Trước Hạn);
- (c) tất cả các Trái Phiếu CVTB2124006 đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách triệu tập họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc Lấy Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu) nếu vấn đề lấy ý kiến biểu quyết của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là vấn đề chỉ liên quan đến quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu CVTB2124006 đang lưu hành tại thời điểm đó (bao gồm Lãi Suất, Kỳ Hạn Trái Phiếu, Mua Lại Trước Hạn);
- (d) tất cả các Trái Phiếu CVTB2126007 đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách triệu tập họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc Lấy Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu) nếu vấn đề lấy ý kiến biểu quyết của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là vấn đề chỉ liên quan đến quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu CVTB2126007 đang lưu hành tại thời điểm đó (bao gồm Lãi Suất, Kỳ Hạn Trái Phiếu, Mua Lại Trước Hạn);

2.31. **Tổ Chức Phát Hành** là Công ty Cổ phần CMC.

2.32. **Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký** là tổ chức thực hiện việc (i) đăng ký/ghi nhận thông tin về Tổ Chức Phát Hành, Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu và quản lý chuyển nhượng đối với Trái Phiếu, và (ii) nhận lưu ký/ký gửi, bảo quản, chuyển giao Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, giúp Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền liên quan đến Trái Phiếu lưu ký theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, quy định của pháp luật và theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành.

2.33. **Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám** là tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đám, thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các biện pháp xử lý Tài Sản Bảo Đám theo đúng điều khoản của Các Hợp Đồng Bảo Đám đã ký kết và theo quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

2.34. **Tỷ Lệ Bảo Đám Tối Thiểu** được hiểu là tỷ lệ tối thiểu giữa tổng giá trị Tài Sản Bảo Đám tại một thời điểm (theo định giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đám) so với tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó. Tỷ Lệ Bảo Đám Tối Thiểu là 150%.

2.35. **Vấn Đề Trọng yếu** có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào sau đây: (i) thay đổi Ngày Đáo Hạn, (ii) thay đổi Ngày Thanh Toán Lãi, (iii) thay đổi điều kiện mua lại trước hạn trái phiếu, (iv) thay đổi Lãi Suất, và (v) thay đổi loại tiền tệ thanh toán theo Trái Phiếu, (vi) việc giảm hoặc dừng thanh toán tiền gốc Trái Phiếu, (vii) thay đổi liên quan đến quyền tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, (viii) thay đổi liên quan đến số Người Sở Hữu Trái Phiếu cần thiết để tổ chức họp/lấy ý kiến Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, (ix) thay đổi liên quan đến tỷ lệ chấp thuận/tán thành tối thiểu để thông qua Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, (x) thay đổi về định nghĩa các Vấn Đề

✓

Trọng yếu; (xi) thay đổi về Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm; (xiii) thay đổi về định nghĩa Sự Kiện Vi Phạm hoặc Vấn Đề Trọng Yếu, (xiv) thay đổi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (không bao gồm các trường hợp thay thế đã được quy định rõ ràng tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu).

- 2.36. **VNDIRECT** là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.
- 2.37. **VSD** có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam, tùy từng thời điểm.

3. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 3.1 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Trái Phiếu này điều chỉnh các trái phiếu do Công ty Cổ phần CMC phát hành trên cơ sở Phương Án Phát Hành và Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành. Các Điều Kiện Trái Phiếu này cũng được đính kèm tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Kể từ Ngày Phát Hành và trong suốt thời gian có bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các trách nhiệm của Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Các Điều Kiện Trái Phiếu này và theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Căn cứ Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định VNDIRECT làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận việc chỉ định VNDIRECT là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu như trên. Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này và quy định của pháp luật có liên quan.
- 3.3 Trái Phiếu được bảo đảm bằng Tài Sản Bảo Đảm và do đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm, thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các biện pháp xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo đúng điều khoản của các Hợp Đồng Bảo Đảm đã ký kết và theo quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận việc chỉ định VNDIRECT là Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu đối với Các Tài Sản Bảo Đảm. Việc thay thế Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu này và quy định của pháp luật có liên quan.
- 3.4 Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD thì (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc đăng ký, lưu ký đối với Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, và (ii) Vai trò Tổ chức đăng ký và Tổ chức lưu ký phải được thực hiện bởi cùng một tổ chức và tại một thời điểm, mỗi mã Trái Phiếu chỉ được đăng ký, lưu ký tại một Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký Trái Phiếu. Căn cứ Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định VNDIRECT làm Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký ban đầu. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận việc chỉ định VNDIRECT là Tổ Chức

Đăng Ký Và Lưu Ký ban đầu như trên. Việc thay thế Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- 3.5 Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Khoản Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các bên có liên quan cung cấp một bản sao y bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào cho mục đích lưu giữ nói trên.
- 3.6 Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu (i) đồng ý rằng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai, (ii) xác nhận là đã nghiên cứu kỹ và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iii) được hưởng các quyền và lợi ích quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (iv) chịu sự ràng buộc của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

4. TÍNH CHẤT, LOẠI HÌNH VÀ MỆNH GIÁ TRÁI PHIẾU

- 4.1. Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản.
Đối với số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm thì Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán cao nhất so với các nghĩa vụ chung khác của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan). Các Trái Phiếu có các quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào hơn so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.
- 4.2. Trái Phiếu được chào bán ra công chúng thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức **Cam kết nhận mua số Trái Phiếu còn lại chưa được phân phối hết.**
- 4.3. Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử.
- 4.4. Mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam).

5. KỶ HẠN TRÁI PHIẾU

- 5.1. Trái Phiếu CVTB2123005 có kỳ hạn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ Ngày Phát Hành. Ngày đáo hạn là ngày tròn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- 5.2. Trái Phiếu CVTB2124006 có kỳ hạn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành. Ngày đáo hạn là ngày tròn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- 5.3. Trái Phiếu CVTB2126007 có kỳ hạn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành. Ngày đáo hạn là ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

6. LÃI TRÁI PHIẾU

Ce

6.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất cố định được quy định cụ thể đối với từng mã Trái Phiếu như sau ("Lãi Suất"):

- (a) Lãi suất đối với Trái Phiếu CVTB2123005: 10% (mười phần trăm)/năm;
- (b) Lãi suất đối với Trái Phiếu CVTB2124006: 10,5% (mười phẩy năm phần trăm)/năm;
- (c) Lãi suất đối với Trái Phiếu CVTB2126007: 10,6% (mười phẩy sáu phần trăm)/năm;

Trong trường hợp pháp luật áp dụng đối với Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định trên đây thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

6.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi theo Lãi Suất cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù là tự nguyện hay bắt buộc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này). Lãi phát sinh trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

6.3. Lãi trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi như sau:

- (a) Đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
- (b) Đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

6.4. Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù là tự nguyện hay bắt buộc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này), trừ khi vào ngày đó, gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị Tổ Chức Phát Hành từ chối thanh toán mà việc từ chối đó không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu. Trong trường hợp đó, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 6.5 dưới đây.

6.5. Trừ khi những Người Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác và phù hợp với mức độ pháp luật cho phép, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này) với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất được áp dụng vào ngày liền trước ngày đến hạn thanh toán của khoản tiền đó. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam áp dụng có quy định mức lãi suất chậm thanh toán tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất tối đa đó thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều Khoản 6.5 này, lãi suất được áp dụng sẽ là lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật đó.

Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không gồm cả) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi

lăm) ngày.

- 6.6. Để tránh nhầm lẫn, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan.
- 6.7. Để làm rõ, trong trường hợp tiền lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì tiền lãi sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 3 (ba) sau dấu phẩy và tổng số tiền lãi Trái Phiếu của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.

7. THANH TOÁN LÃI, TRẢ GÓC

- 7.1. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây:
- (a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện thanh toán các khoản tiền lãi, gốc và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký. Chậm nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành phải chuyển cho Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký số tiền đủ để thanh toán các khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải thanh toán.
- (b) Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện bằng cách chuyển khoản vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan vào tài khoản được Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
- (c) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi Trái Phiếu đã phát sinh và đến hạn vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Để làm rõ, tiền lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi là tiền lãi được xác định theo Điều Khoản 6 cho Kỳ Tính Lãi có liên quan.
- (d) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc Trái Phiếu (cùng với tiền lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Để tránh nhầm lẫn, (i) tiền gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và (ii) tiền lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán là tiền lãi được xác định theo các quy định tương ứng tại Điều Khoản 6 (gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và chưa được thanh toán.
- (e) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu không phải là một Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đến hạn đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó. Trừ trường hợp quy định tại mục (f) của Điều Khoản này, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán số tiền đó không phải là một Ngày Làm Việc.
- (f) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành phải trả lãi trên

tiền gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có phát sinh ngày đến hạn đó cho giai đoạn tính từ và gồm cả ngày đến hạn đó đến nhưng không gồm cả Ngày Lâm Việc ngay sau ngày đến hạn đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

- (g) Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSD (nếu áp dụng) lập tại Ngày Chốt Danh Sách cho một lần thanh toán mới được nhận tiền thanh toán trong lần thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Ngày Chốt Danh Sách thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho lần thanh toán có liên quan đó.
- (h) Mọi khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở Tỷ Lệ Sở Hữu Trái Phiếu (tính theo mệnh giá) tương ứng của họ và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):
- Thứ nhất, thanh toán tiền lãi phát sinh trên lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
 - Thứ hai, thanh toán tiền lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
 - Thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
 - Thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.

7.2. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD và các quy định tại Điều kiện 7.1 trên đây (trong phạm vi các quy định trên đây không trái hoặc xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSD).

7.3. Tổ Chức Phát Hành sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh (bao gồm cả phí chuyển tiền của ngân hàng (nếu có)) liên quan đến việc thanh toán tiền gốc, lãi và/hoặc các khoản phải thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

8. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ

8.1. Nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu (“Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm” như được định nghĩa dưới đây) được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba (Bên Bảo Đảm) và/hoặc được cam kết thanh toán của Công ty Cổ phần Nhựa DNP theo Điều Kiện 8 này và theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

8.2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm bao gồm:

(i) Toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán của Tổ Chức Phát Hành đối với tất cả những Nhà đầu tư mua Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu của tất cả các Trái Phiếu; và (ii) Các nghĩa vụ thanh toán khác của Tổ Chức Phát Hành đối với/liên quan đến tất cả Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Trong đó, Nghĩa Vụ Thanh Toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư mua Trái Phiếu/Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi chậm trả, tiền phạt, bồi hoàn và bồi thường thiệt hại (nếu áp dụng) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và Các Đại Lý đối với hoặc liên quan đến tất cả các (mã) Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu; và Nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán, trả tiền phạt vi phạm và bồi

thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu và Các Đại Lý theo quy định của pháp luật hiện hành trong trường hợp bất kỳ Trái Phiếu hoặc tài liệu đăng ký mua Trái Phiếu liên quan hay Các Hợp Đồng Bảo Đảm bị vô hiệu hoặc không có giá trị vì bất kỳ lý do nào.

- 8.3 Tài Sản Bảo Đảm tại Ngày Phát Hành là các tài sản nêu tại Điều Kiện 2.27 thuộc quyền sở hữu của Bên Bảo Đảm. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có quyền sở hữu Cổ phiếu CVT mà đồng ý dùng Cổ phiếu CVT để làm tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu và giao kết Hợp Đồng Bảo Đảm với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đều được xác định là Bên Bảo Đảm theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 8.4 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện vai trò Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm để nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm nhân danh và vì lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu về mọi khía cạnh liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm, bao gồm: (i) ký kết và thực hiện (Các) Hợp Đồng Bảo Đảm; (ii) quản lý hồ sơ, giấy tờ và tài liệu (nếu có) liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm; (iii) nắm giữ/quản lý các Tài Sản Bảo Đảm được giao (nếu có) theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm; (iv) thực hiện và thi hành bất kỳ quyền, quyền lợi, quyền hạn và thẩm quyền nào của Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu đối với Tài Sản Bảo Đảm và các biện pháp bảo đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, kể cả xử lý Tài Sản Bảo Đảm; (v) chiếm giữ, nắm giữ, nhận, sử dụng và định đoạt bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào hoặc bất kỳ khoản tiền nào được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm theo các quy định có liên quan của Các Hợp Đồng Bảo Đảm; và (vi) có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm.
- 8.5 Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ ký kết các hợp đồng bảo đảm có liên quan để quy định cụ thể về Tài Sản Bảo Đảm, quản lý Tài Sản Bảo Đảm và xử lý Tài Sản Bảo Đảm và các vấn đề có liên quan trong phạm vi phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 8.6 Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- Nếu vì bất kỳ lý do gì, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm không thể thực hiện một nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào đó của mình được trao theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích đó có thể được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu [được ủy quyền/chi định bởi Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu].
- 8.7 Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm tại một thời điểm được xác định bằng giá trị định giá của Tài Sản Bảo Đảm tại lần định giá gần nhất theo quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm tại thời điểm Ngày Phát Hành được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Việc xác định Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm nêu trên và Các Hợp Đồng Bảo Đảm không phải là căn cứ được sử dụng khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm.

Trong suốt thời hạn kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn của tất cả các Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải duy trì Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm ở mức không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu.

Trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành phải: (i) mua lại một phần Trái Phiếu trước hạn như quy định tại Điều Khoản 13 để đảm bảo Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, hoặc (ii) bổ sung tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều Khoản 8.8 dưới đây.

- 8.8 Trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu mà Tổ Chức Phát Hành không mua lại Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải bổ sung tài sản làm Tài Sản Bảo Đảm theo nguyên tắc sau:

Tài sản bổ sung làm Tài Sản Bảo Đảm phải là tiền, giấy tờ có giá và/hoặc Cổ Phiếu CVT hoặc loại tài sản khác được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận.

Trường hợp bổ sung tài sản là tiền, giấy tờ có giá và/hoặc Cổ Phiếu CVT thì việc bổ sung Tài Sản Bảo Đảm không cần thông qua ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu với điều kiện Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm sau khi bổ sung không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu. Việc bổ sung Tài Sản Bảo Đảm trong trường hợp này phải được hoàn thành trong thời hạn 3 Ngày Làm Việc kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu.

Trường hợp bổ sung tài sản khác thì Tổ Chức Phát Hành phải gửi đầy đủ thông tin về loại tài sản bảo đảm bổ sung cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 03 Ngày Làm Việc kể từ ngày Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu bị vi phạm và thực hiện hoàn thành thủ tục bổ sung tài sản bảo đảm (nếu được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) trong thời hạn 15 Ngày Làm Việc kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu.

- 8.9 Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm được đề nghị rút bớt và/hoặc giải tỏa một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm (tùy từng trường hợp) trong trường hợp:

(a) (i) Tổng Giá Trị Các Tài Sản Bảo Đảm sau khi rút/thay thế Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn 180% tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành, và (ii) Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện hoàn trả gốc khi đáo hạn/mua lại trước hạn số lượng Trái Phiếu có tổng mệnh giá tối thiểu là 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) đồng,

(b) Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm có văn bản đề nghị rút bớt và/hoặc giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm gửi cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và sau đó đã được sự đồng ý bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các trường hợp nêu trên, Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động theo Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ thỏa thuận phần Tài Sản Bảo Đảm được rút bớt/được giải tỏa; hoặc

(c) Các trường hợp khác theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm.

- 8.10 Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện định giá lại Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành định giá lại trong các tình huống sau:

(a) Theo định kỳ 12 tháng/lần tính từ Ngày Phát Hành;

- (b) Định giá lại để thực hiện xử lý Tài Sản Bảo Đám (nếu cần);
- (c) Các tình huống khác theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đám.
- 8.11 Trường hợp định giá lại theo quy định tại Điều Khoản 8.10 nêu trên, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám và Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện định giá theo các phương thức quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đám. Toàn bộ chi phí định giá lại (định kỳ hoặc bất thường) sẽ do Tổ Chức Phát Hành chi trả.
- 8.12 Việc xử lý Tài Sản Bảo Đám được thực hiện theo quy định trong các Hợp Đồng Bảo Đám. Nếu Trái Phiếu bị tuyên bố đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo quy định tại Điều Khoản 12 mà Tổ Chức Phát Hành không mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành trước hoặc chậm nhất vào ngày đến hạn mua lại có liên quan thì Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám tiến hành xử lý Tài Sản Bảo Đám theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đám.
- Số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đám sẽ được phân chia theo nguyên tắc phân chia theo cùng tỷ lệ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu (đối với số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó) tính theo tỷ lệ tổng mệnh giá Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ tại thời điểm đó tính trên tổng mệnh giá của toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành vào thời điểm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám gửi thông báo xử lý Tài Sản Bảo Đám cho Bên Bảo Đám và Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đám theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đám không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với hoặc liên quan đến Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền còn thiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám (nếu có).
- Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đám vẫn còn dư sau khi đã thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với hoặc liên quan đến Trái Phiếu thì số tiền dư này sẽ được hoàn trả cho Các Bên Bảo Đám.
- Tất cả Tài Sản Bảo Đám chưa bị xử lý theo Các Hợp Đồng Bảo Đám sẽ được rút và giải tỏa sau khi toàn bộ nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với hoặc liên quan đến Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ (kể cả do Tổ Chức Phát Hành đã mua lại và hủy bỏ toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành).
- 8.13 Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đám và quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu về Tài Sản Bảo Đám hoặc các vấn đề liên quan đến Tài Sản Bảo Đám, quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu sẽ được ưu tiên áp dụng. Các vấn đề không được quy định hoặc quy định chưa rõ ràng tại Các Điều Khoản Trái Phiếu thì sẽ được thực hiện theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đám.
- 8.14 Ngoài bảo đảm bằng Tài Sản Bảo Đám, nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu còn được bảo đảm theo Cam Kết Thanh Toán của Công ty Cổ phần Nhựa DNP. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa DNP cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu. Các điều khoản và điều kiện cụ thể của Cam Kết Thanh Toán đối với Trái Phiếu được quy định trong Cam Kết Thanh Toán.
9. **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

- 9.1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu, đối với mỗi Trái Phiếu, sẽ được coi là chủ sở hữu tuyệt đối của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và cho mọi mục đích liên quan đến Trái Phiếu đó. Người không được ghi nhận là Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký không có quyền sở hữu đối với Trái Phiếu.
- 9.2. Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền tiền lãi và gốc Trái Phiếu và các khoản tiền khác có liên quan (nếu có) đến Trái Phiếu.
- 9.3. Có quyền chuyển nhượng/chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu hoặc được sử dụng Trái Phiếu để làm tài sản bảo đảm, tặng, cho, để lại thừa kế, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác hoặc làm đối tượng trong các giao dịch dân sự/thương mại/tín dụng hợp pháp khác phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan của pháp luật.
- 9.4. Có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Các Văn Kiện Trái Phiếu (nếu có).

10. SỔ ĐĂNG KÝ VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- 10.1 Theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký sẽ lập và lưu giữ một Sổ Đăng Ký từ Ngày Phát Hành cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD hoặc khi toàn bộ Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ (tùy trường hợp nào đến trước). Vì mục đích của Điều Kiện 10.1 này, Sổ Đăng Ký phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
 - (ii) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Tên (Mã) Trái Phiếu, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, thời hạn, mệnh giá, Lãi Suất, phương thức thanh toán lãi và gốc tương ứng với mỗi Mã Trái Phiếu;
 - (iii) Họ và tên, địa chỉ thường trú, số, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác) của Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, mã số doanh nghiệp và/hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;
 - (iv) Thông tin về Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu; và
 - (v) Chi tiết về tài khoản nhận gốc, lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thông báo hoặc đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu với Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký và/hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký tại từng thời điểm.
- 10.2 Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc lập Sổ Đăng Ký, nội dung Sổ Đăng Ký, việc duy trì và lưu giữ Sổ Đăng Ký đó sẽ theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).
- 10.3 Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu, đối với mỗi Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của mình trong Sổ Đăng Ký, sẽ được coi là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và cho mọi mục đích liên quan đến Trái Phiếu đó. Khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- 10.4 Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp pháp luật Việt Nam, VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc cơ quan nhà nước khác có yêu cầu. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác được Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký chấp thuận, sẽ được cấp 1 (một) trích lục Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký. Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và VSD, Các Điều Khoản Trái Phiếu này (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD).
- 10.5 Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu hoặc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác (gọi chung là “chuyển nhượng”), hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự và/hoặc thương mại hợp pháp khác phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu, Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký và pháp luật Việt Nam có liên quan.

11. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

11.1 Đăng ký, lưu ký, niêm yết Trái Phiếu:

- (a) Trái Phiếu phải được đăng ký và lưu ký tại Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký theo quy định của pháp luật, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- (b) Trái Phiếu sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Tổ Chức Phát Hành sẽ có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của VSD và pháp luật Việt Nam, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD). Việc chuyển nhượng Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu tại VSD (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSD và các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm đó.

11.2 Giao dịch Trái Phiếu

- (a) Khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng/chuyển quyền sở hữu và đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký Và Lưu Ký. Khi đó, bên nhận chuyển nhượng/bên nhận chuyển quyền sở hữu bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được coi là Người Sở Hữu Trái Phiếu (và bên chuyển nhượng/bên chuyển quyền sở hữu chỉ chấm dứt tư cách Người Sở Hữu Trái Phiếu) đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng/bên nhận chuyển quyền sở hữu và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký.
- (b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc được niêm yết, việc chuyển giao và ghi nhận quyền sở hữu Trái Phiếu sẽ theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

12. CAM ĐOAN, CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- 12.1 Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm rằng các khẳng định sau là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào bất kỳ ngày nào trong khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành:
- (a) Trái Phiếu, khi được phát hành, sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
 - (b) Việc Tổ Chức Phát Hành chào bán và phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu (i) đảm bảo có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp; (ii) vi phạm bất kỳ điều khoản, quy định nào của điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành tại Ngày Phát Hành và trong suốt Thời Hạn Trái Phiếu, (iii) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan đang áp dụng tại Ngày Phát Hành, hoặc (iv) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến bất kỳ sự vi phạm nào đối với bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tính đến Ngày Phát Hành.
 - (c) Tổ Chức Phát Hành đã xin được mọi chấp thuận cần thiết từ (các) cơ quan có thẩm quyền về việc (i) chào bán và phát hành Trái Phiếu, ký kết và ban hành các Văn Kiện Trái Phiếu; và (ii) thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ, thỏa thuận và cam kết của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu.
 - (d) Khi chào bán và phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đầy đủ các điều kiện, yêu cầu và quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán; Nghị Định 155; Thông Tư 118 và các văn bản pháp luật hiện hành nhằm hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các văn bản quy phạm pháp luật này, kể cả các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động đối với các ngành nghề kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.
 - (e) Mục đích phát hành Trái Phiếu nêu tại Bản Cáo Bạch là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 12.2 Tổ Chức Phát Hành cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, đúng hạn cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu) theo như quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 12.3 Tổ Chức Phát Hành phải tuân thủ các cam kết theo thỏa thuận với tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu.
- 12.4 Tổ Chức Phát Hành cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của mình (về mọi khía cạnh quan trọng) và áp dụng đối với Trái Phiếu; xin gia hạn, duy trì hiệu lực và tuân thủ mọi chấp thuận cần thiết và quan trọng cho hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành cũng như cho việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu.
- 12.5 Tổ Chức Phát Hành sẽ không ký kết hoặc là một bên trong bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà mâu thuẫn hoặc dẫn đến bất kỳ sự vi phạm nào đối với việc phát hành Trái Phiếu;

- 12.6 Tổ Chức Phát Hành cam kết sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu cho mục đích đã công bố tại Bản Cáo Bạch.
- 12.7 Tổ Chức Phát Hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- 12.8 Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành nếu được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị thì phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- 12.9 Báo cáo định kỳ hàng quý về số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu cũng như việc sử dụng số tiền phát hành Trái Phiếu cho Mục Đích Phát Hành. Tối đa trong vòng 06 tháng kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ chứng minh việc sử dụng vốn từ phát hành Trái Phiếu phù hợp với Mục Đích Phát Hành;
- 12.10 Tổ Chức Phát Hành sẽ cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính của Tổ Chức Phát Hành, bản sao của báo cáo tài chính năm (bao gồm cả hợp nhất và riêng lẻ nếu có) của Tổ Chức Phát Hành đã kiểm toán bởi công ty kiểm toán được phép theo quy định tại Luật Chứng Khoán;
- 12.11 Ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán bán niên, Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám báo cáo tài chính bán niên (bao gồm cả hợp nhất và riêng lẻ nếu có) đã được soát xét bởi công ty kiểm toán được phép theo quy định tại Luật Chứng Khoán;
- 12.12 Ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý, Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám báo cáo tài chính quý (bao gồm cả hợp nhất và riêng lẻ nếu có) đã được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành; và
- 12.13 Ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được một sự kiện có khả năng hoặc thực tế đã xảy ra mà có thể dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm thì Tổ Chức Phát Hành phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám với các chi tiết cụ thể về sự kiện đó. Tổ Chức Phát Hành cam kết, kể từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn tất cả các Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ không: chấm dứt tồn tại theo phương thức giải thể/hợp nhất/sáp nhập doanh nghiệp hoặc theo phương thức khác; chia, tách doanh nghiệp; phát hành cổ phiếu/ sử dụng tài sản hiện hữu để góp vốn thành lập doanh nghiệp; phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; phân chia lợi nhuận hoặc bằng cách khác phân phối tiền cho các cổ đông của Tổ Chức Phát Hành; giảm vốn điều lệ nếu không được sự chấp thuận của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- 12.14 Tổ Chức Phát Hành cam kết sử dụng toàn bộ Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh để thanh toán đầy đủ gốc, lãi Trái Phiếu, mua lại Trái Phiếu theo đúng thời hạn và thanh toán các loại phí (nếu có) theo các Văn Kiện Trái Phiếu. Trường hợp Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh không đủ trả cho các khoản nêu trên, Tổ Chức Phát Hành cam kết sử dụng các nguồn thu hợp pháp khác để đảm bảo thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu; *u*

- 12.15 Tổ Chức Phát Hành cam kết và đảm bảo rằng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết về phát hành Trái Phiếu, bao gồm cả việc giám sát Tổ Chức Phát Hành sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích nêu tại Bản Cáo Bạch;
- 12.16 Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Nghị Định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- 12.17 Tổ Chức Phát Hành cam kết đáp ứng đầy đủ các quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Nghị Định 155/2020/NĐ-CP về các điều kiện phát hành Trái Phiếu;
- 12.18 Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện các giao dịch với các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành hoặc có lợi ích sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp tại Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện thương mại thông thường và trên cơ sở bình đẳng, tuân thủ quy định của pháp luật;
- 12.19 Tổ Chức Phát Hành cam kết Tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế tài chính, các văn bản nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành trong hoạt động huy động vốn, đầu tư và hoạt động kinh doanh.

13. HOÀN TRẢ, MUA LẠI VÀ HỦY BỎ TRÁI PHIẾU

13.1 Hoàn Trả/Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc (tùy từng trường hợp áp dụng) và hủy bỏ trước hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này, vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn đó.

13.2 Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn Theo Lựa Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

13.2.1 Mua lại trước khi Trái Phiếu được niêm yết/giao dịch tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán

Trong Thời Hạn Hiệu Lực, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn Trái Phiếu theo các quy định sau:

- i. Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành vào các thời điểm sau:
 - a. Đối với Trái Phiếu CVTB2123005: bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành
 - b. Đối với Trái Phiếu CVTB2124006: bất kỳ thời điểm nào sau 24 (hai mươi tư) tháng kể từ Ngày Phát Hành
 - c. Đối với Trái Phiếu CVTB2126007: bất kỳ thời điểm nào sau 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành
- ii. Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký và những Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện NSHTP) về việc yêu cầu mua lại trước hạn Trái Phiếu ít nhất một tháng trước thời điểm thực hiện mua lại trước hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Kiện Trái

Phiếu ("**Thông Báo Mua Lại Trước Hạn**"). Thông Báo Mua Lại Trước Hạn phải bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Mã Trái Phiếu được mua lại;
- Số lượng trái phiếu được mua lại;
- Phương thức mua lại;
- Phương thức thanh toán tiền lãi, gốc của các Trái Phiếu mua lại;
- Ngày thực hiện mua lại Trái Phiếu;
- Giá mua lại mỗi Trái Phiếu theo từng Mã Trái Phiếu;
- Thời hạn để Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**")

- iii. Sau khi nhận được Thông Báo Mua Lại Trước Hạn của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục mua lại trước hạn phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các văn bản pháp luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Mua Lại Trước Hạn cho Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
- iv. Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Mua Lại Trước Hạn, và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ chức/Cá nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào.

13.2.2 Mua Lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết/Giao Dịch Tập Trung

Trong thời gian Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều Kiện 13.2.1 nêu trên (trong phạm vi quy định tại Điều Kiện 13.2.1 không trái với quy định của các quy định pháp luật liên quan và quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

13.3 Mua Lại Khi Xảy Ra Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm phù hợp với quy định tại Điều Kiện 14.

Trong các trường hợp Mua Lại Bắt Buộc, giá mua lại mỗi Trái Phiếu được xác định bằng Mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán tính đến ngày thực hiện Mua Lại Bắt Buộc cộng với 1% Mệnh giá Trái Phiếu.

13.4 Hủy Bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại.

14. SỰ KIỆN VI PHẠM

14.1 Sự Kiện Vi Phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một sự kiện vi phạm (sau đây gọi là "**Sự Kiện Vi Phạm**"):

(a) *Không Thanh Toán: Tổ Chức Phát Hành*

- (i) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc nào liên quan đến Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền gốc đó theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc; hoặc
- (ii) không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền lãi đó theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà việc thanh toán đó không được khắc phục trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày đến hạn.

Để tránh nhầm lẫn, việc không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ gốc/lãi và các khoản thanh toán khác nêu tại Điều Kiện 14.1(a) này gồm cả không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ gốc/lãi và các khoản thanh toán khác nêu trong trường hợp mua lại trước hạn quy định tại Điều Kiện 13.2.

(b) *Vi Phạm Mục Đích Phát Hành: Tổ Chức Phát Hành vi phạm mục đích phát hành Trái Phiếu nêu tại Bản Cáo Bạch;*

(c) *Vi Phạm Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành:*

- (i) Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm vi phạm bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam đối với việc phát hành Trái Phiếu hoặc vi phạm Phương Án Phát Hành Trái Phiếu hoặc Hợp Đồng Bảo Đảm mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) về vi phạm đó;
- (ii) Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ các quy định pháp luật khác trực tiếp dẫn đến tổng tài sản của Tổ Chức Phát Hành sụt giảm với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng tài sản của Tổ Chức Phát Hành trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất.

(d) *Vi Phạm Biện Pháp Bảo Đảm:*

- (i) Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm không hoàn thiện việc xác lập biện pháp bảo đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm cho Trái Phiếu trong thời hạn quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm;

- (ii) Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm thấp hơn mức Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không thực hiện hoàn thành việc bổ sung Tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều Khoản 8;
 - (iii) Bên Bảo Đảm vi phạm, không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ hoặc cam kết nào quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm mà Tổ Chức Phát Hành không thực hiện hoàn thành việc bổ sung Tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều Khoản 8;
 - (iv) Công ty Cổ phần Nhựa DNP vi phạm, không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong Cam Kết Thanh Toán.
- (e) *Cam đoan sai/bảo đảm sai:* Bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc tuyên bố nào do Tổ Chức Phát Hành và/hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành nêu trong (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu này, (ii) bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác, hoặc (iii) các xác nhận bằng văn bản bởi Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác có bất kỳ sai lệch nào kể từ ngày cam đoan, bảo đảm hoặc tuyên bố đó được đưa ra hoặc được xem là đã được đưa ra và hậu quả của cam đoan, bảo đảm hoặc xác nhận sai lệch đó không được sửa chữa trong thời hạn 15 Ngày Làm Việc sau khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm gửi thông báo về sai lệch đó cho Tổ Chức Phát Hành.
- (f) *Vi Phạm Các Nghĩa Vụ Khác:* Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm vi phạm bất kỳ quy định nào khác của bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) về vi phạm đó.
- Để tránh hiểu nhầm, Tổ Chức Phát Hành/Bên Bảo Đảm cũng bị coi là vi phạm bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào nếu có bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc khẳng định nào của Tổ Chức Phát Hành/Bên Bảo Đảm trong Văn Kiện Trái Phiếu là không trung thực, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn (về bất kỳ khía cạnh quan trọng nào) vào ngày cam đoan, bảo đảm hay khẳng định đó được đưa ra) hoặc vào ngày mà các cam đoan, bảo đảm hoặc khẳng định đó (tuỳ trường hợp áp dụng) được yêu cầu là phải trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn).
- (g) *Vi Phạm Chéo:*
- Tại bất kỳ thời điểm nào khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có thông tin hoặc nhận được thông báo và tài liệu chứng minh (nếu có) về bất kỳ sự kiện nào dưới đây:
- (i) Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào của mình khi đến hạn (hoặc khi kết thúc thời gian ân hạn áp dụng đối với Khoản Nợ đó, nếu có);

- (ii) có bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Phát Hành bị tuyên bố đến hạn trước ngày đáo hạn đã định do Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghĩa vụ liên quan đến Khoản Nợ đó;
 - (iii) Tổ Chức Phát Hành không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bất kỳ Khoản Nợ nào của bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác sau khi đã nhận được yêu cầu hợp lệ về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết;
 - (iv) Tài sản bảo đảm của bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý.
- (h) *Mất Khả Năng Thanh Toán*: Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành của chủ nợ nói chung theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xảy ra tình trạng đó;
- (i) *Phá Sản, Giải Thể*: Một tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành lệnh hoặc quyết định về việc tuyên bố Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Bên Bảo Đảm nào phá sản (hoặc tương đương) theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc có quyết định, phán quyết về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Bên Bảo Đảm nào; hoặc Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Bên Bảo Đảm nào tiến hành bất kỳ thủ tục nào để phá sản, thanh lý hay giải thể chính Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Bên Bảo Đảm nào (trừ trường hợp việc thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Phát Hành hay bất kỳ Bên Bảo Đảm nào đã được những Người Sờ Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước);
- (j) *Cưỡng Chế Thực Hiện Nghĩa Vụ*: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác (i) đối với phần lớn (trên 51%) tổng tài sản của Tổ Chức Phát Hành ghi trong Báo Cáo Tài Chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Phát Hành tính đến ngày (các) bản án hoặc quyết định được ban hành, hoặc (ii) đối với Tài Sản Bảo Đảm;
- (k) *Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh*: Tổ Chức Phát Hành ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tất cả hoặc một phần quan trọng hoạt động của mình hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc một phần quan trọng của công việc kinh doanh đang được tiến hành vào Ngày Phát Hành mà tình trạng đó không được khắc phục hoặc chấm dứt trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày từ lúc bắt đầu; Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác tiến hành bất kỳ hành động nào làm cho Tổ Chức Phát Hành ngừng thực hiện công việc kinh doanh của mình hoặc ngừng phần lớn công việc kinh doanh hoặc làm cho giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tài liệu tương đương) của Tổ Chức Phát Hành bị thu hồi hoặc hủy bỏ;
- (l) *Tình trạng pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và Bên Bảo Đảm*:
- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm là tổ chức vì bất kỳ lý do nào ngừng hoạt động, có nguy cơ ngừng hoạt động và không còn tồn tại theo Luật Doanh Nghiệp hoặc bất kỳ văn bản nào hướng dẫn thi hành, hoặc

sửa đổi, bổ sung Luật Doanh Nghiệp.

- (ii) Có bất kỳ quyết định, hành động hoặc thủ tục nào được Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm là tổ chức hoặc bất kỳ người nào khác đưa ra, thực hiện hoặc tuân thủ dẫn tới việc Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm là tổ chức phải ngừng hoặc có nguy cơ ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình hoặc bị giải thể, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi hoặc bị thu hồi hoặc bãi bỏ giấy phép thành lập.
 - (iii) Có lệnh được đưa ra hoặc nghị quyết có hiệu lực được thông qua đối với việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm là tổ chức.
 - (iv) Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm liên quan đến các tranh chấp, khiếu kiện làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.
 - (v) Người đại diện theo pháp luật, chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, cổ đông lớn là cá nhân của Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm là tổ chức bị truy cứu trách nhiệm hình sự (bị bắt, khởi tố, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...).
 - (vi) Bên Bảo Đảm là cá nhân chết, mất tích hoặc bị tuyên bố chết, mất dẫn tới việc Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm không đáp ứng được Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu mà Tổ Chức Phát hành không bổ sung tài sản bảo đảm trong thời hạn theo quy định tại Điều Kiện 8.
- (m) *Bất Hợp Pháp*: Việc Tổ Chức Phát Hành/Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, hoặc bất kỳ tài liệu Trái Phiếu nào mà Tổ Chức Phát Hành/Bên Bảo Đảm là một bên hoặc việc cầm cố, thế chấp hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm được xác lập cho Trái Phiếu trở nên bất hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- (n) *Văn Kiện Trái Phiếu Không Có Hiệu Lực*: Bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào hoặc bất kỳ nội dung nào của Văn Kiện Trái Phiếu đó được Tổ Chức Phát Hành viện dẫn là hoặc bị bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào hoặc bất kỳ tòa án nào tuyên bố một cách hợp pháp là vô giá trị, vô hiệu hoặc bất hợp pháp hoặc mất hiệu lực toàn bộ hay một phần đáng kể.
- (o) *Cho Phép Và Chấp Thuận*: Tổ Chức Phát Hành không tiến hành hay thực hiện bất kỳ hành động, yêu cầu hoặc thủ tục nào (kể cả việc xin các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép hoặc tiến hành việc đăng ký, thông báo) mà cần phải được tiến hành hoặc thực hiện bởi Tổ Chức Phát Hành để: (i) cho phép Tổ Chức Phát Hành phát hành, thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu một cách hợp pháp, và/hoặc (ii) đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu là có tính ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành, và vi phạm này không được khắc phục hoặc không có phương án khắc phục được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trong vòng 15 Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký

hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký về vi phạm đó.

- (p) *Từ chối xác nhận*: Tổ Chức Phát Hành từ chối hoặc không xác nhận các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào.
- (q) *Đơn phương chấm dứt*: Bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào bị Tổ Chức Phát Hành đơn phương chấm dứt trước hạn.
- (r) *Thay đổi quyền kiểm soát*: Công ty Cổ phần Nhựa DNP sở hữu ít hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.

14.2 Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào quy định tại một trong các Điều Khoản 14.1(a) "*Không Thanh Toán*", 14.1(b) "*Vi Phạm Mục Đích Phát Hành*", 14.1(c) "*Vi Phạm Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành*", 14.1(d) "*Vi Phạm Biện Pháp Bảo Đảm*", 14.1(h) "*Mất Khả Năng Thanh Toán*", 14.1(i) "*Phá Sản, Giải Thể*", 14.1(m) "*Bất Hợp Pháp*" hoặc 14.1(o) "*Cho Phép và Chấp Thuận*" diễn ra thì:
 - (i) bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn;
 - (ii) ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được thông báo nêu trên của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo tuyên bố Trái Phiếu đến hạn cho Tổ Chức Phát Hành (và cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký (nếu áp dụng)) và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn nêu tại Thông Báo Trái Phiếu Đến Hạn (phù hợp với quy định tại mục (iii) dưới đây);
 - (iii) trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được Thông Báo Trái Phiếu Đến Hạn trên đây của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (đối với Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá, các khoản lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến ngày mua lại.
 - (iv) Nếu Trái Phiếu đã đăng ký và/hoặc niêm yết/giao dịch tập trung, việc mua lại Trái Phiếu (bao gồm cả giá mua lại) sẽ theo quy định tại đoạn (ii) và (iii) trên đây (trong phạm vi không trái với các quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán) và các quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.
- (b) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào không phải là Sự Kiện Vi Phạm nêu tại Điều Khoản 14.2(a) trên đây diễn ra thì các quy định sau sẽ áp dụng:
 - (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký đều có quyền gửi thông báo về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; và

- (ii) Trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký và sau khi thẩm định thông tin nhận được, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ quyết định:
- Gửi Thông Báo Trái Phiếu Đến Hạn cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký (nếu áp dụng) và Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và khi đó Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó theo quy định tại các mục từ (ii) đến (iv) của đoạn (a) trên đây; hoặc
 - Triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 16 nhằm thông qua một nghị quyết xác định Sự Kiện Vi Phạm có liên quan đã xảy ra và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn.
 - Nếu Nghị Quyết Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn được thông qua hợp lệ theo Điều Khoản 16, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Trái Phiếu Đến Hạn cho Tổ Chức Phát Hành (và cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký (nếu áp dụng) và Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn và khi đó Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó theo quy định tại các mục từ (ii) đến (iv) của đoạn (a) trên đây.
- (c) Thông Báo Trái Phiếu Đến Hạn của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Ngày Chốt Danh Sách và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại Trái Phiếu (Ngày Mua Lại Bắt Buộc). Ngày Mua Lại Bắt Buộc phải là một Ngày Làm Việc trong khoảng thời gian không quá năm Ngày Làm Việc kể từ ngày Thông Báo Trái Phiếu Đến Hạn; và
- (d) Nếu Tổ Chức Phát Hành không mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành trong các trường hợp theo quy định tại Điều Khoản 13, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám sẽ có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đám phù hợp với quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đám.

15. THUẾ

Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Người Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo quy định của pháp luật có liên quan.

Khoản tiền lãi Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận sẽ bị khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật, và do đó khoản tiền lãi mà Người Sở Hữu Trái Phiếu thực tế được thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khoản tiền thuế đó.

16. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

16.1 Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các Nghị quyết/Quyết định đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc theo hình thức Lấy Ý Kiến Biểu Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu (bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử).

16.2 Cuộc Họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- (a) Cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được yêu cầu triệu tập: (i) theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định, chỉ thị cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu); (ii) theo yêu cầu của Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám (khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định, chỉ thị cho Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám); (iii) theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành; hoặc (iv) Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu ít nhất 10% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu ít nhất 10% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu (đang lưu hành tại thời điểm yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu).
- (c) Cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp từ xa hoặc theo các hình thức khác theo lựa chọn của người triệu tập cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như họp qua điện thoại, họp qua video, họp trực tuyến, họp thông qua các phương tiện điện tử khác).
- (d) Điều kiện tiến hành họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu:
 - Cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được tiến hành khi có số Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự họp đại diện trên 50% tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết đối với các vấn đề lấy ý kiến biểu quyết của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu.
 - Cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu từ lần thứ hai (nếu lần triệu tập trước đó không đủ điều kiện tiến hành) sẽ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự họp.
- (e) Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Trường hợp ủy quyền người khác tham dự họp thì phải có ủy quyền hợp lệ. Người Sở Hữu Trái Phiếu được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội

Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp sau đây: (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

16.3 Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu (bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử):

- (a) Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu có thể được thông qua bằng cách Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện điện tử (hình thức bỏ phiếu điện tử, qua email hoặc bằng các phương tiện điện tử khác) phù hợp với quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quy định của pháp luật.
- (b) Người có thẩm quyền yêu cầu họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì có quyền yêu cầu Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (c) Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì có quyền tổ chức Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

16.4 Thông Qua Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu về các vấn đề không phải là Vấn Đề Trọng Yếu được thông qua theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp nếu được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết (tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết) trở lên của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết dự họp tán thành.
- (b) Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu về các vấn đề là Vấn Đề Trọng Yếu được thông qua theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp nếu được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết (tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết) trở lên của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết dự họp tán thành.
- (c) Trường hợp thông qua Nghị quyết/Quyết định dưới hình thức Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu (bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện điện tử) thì Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua nếu được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết (tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết) trở lên của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết tán thành.
- (d) Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có số Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự và chấp thuận/tán thành (dưới hình thức cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ 100% tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết đang lưu hành tại Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu/Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu là hợp

pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp/trình tự và thủ tục lấy ý kiến không đáp ứng quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- (e) Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu được thông qua hợp lệ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu của tất cả Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết tương ứng. Tuy nhiên, một Nghị quyết/Quyết định có hiệu lực làm thay đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu này (trong chừng mực các thay đổi đó ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành) và/hoặc Các Hợp Đồng Bảo Đảm sẽ chỉ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.
- (f) Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc thông qua theo hình thức Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thay mặt Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu ký ban hành..
- (g) Bản sao hợp lệ của Nghị quyết/Quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu phải được gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày được thông qua.
- (h) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu các vấn đề đó chưa được quy định rõ ràng tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và miễn rằng quyền của những Người Sở Hữu Trái Phiếu không bị ảnh hưởng.
- (i) Các thông tin ghi nhận tại Sổ Đăng Ký (hoặc thông tin do VSD cung cấp, tùy vào thời điểm tương ứng) sẽ được sử dụng để xác định thành phần tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc quyền bỏ phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

17. THÔNG BÁO, ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

17.1 Mọi thông báo, thư liên lạc gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng một hoặc các hình thức sau: công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, chuyển tận tay, qua đường thư điện tử, gửi bằng thư thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc thông qua phương tiện điện tử khác.

17.2 Bất kỳ thông báo hoặc thư liên lạc nào như vậy sẽ được coi là đã nhận được:

- nếu được công bố trên website và chỉ đối với các thông tin bắt buộc phải công bố theo quy định của pháp luật, thời điểm tròn 24 giờ từ thời điểm công bố;
- nếu được chuyển giao tận tay, tại thời điểm giao;
- nếu được gửi bằng thư thông qua dịch vụ bưu chính, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính);

- nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
- nếu được gửi bằng phương thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thông tin trên tài khoản giao dịch chứng khoán;
- nếu được gửi bằng phương tiện điện tử khác, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thông tin thông qua phương tiện điện tử đó.

Trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu có đề nghị khác bằng văn bản và được Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký chấp thuận, địa chỉ, số fax, địa chỉ thư điện tử và số điện thoại của Người Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, số fax, địa chỉ thư điện tử và số điện thoại của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó ghi trong Sổ Đăng Ký được quản lý bởi Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc được quản lý bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSD (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo hoặc thư liên lạc. Địa chỉ và số fax của Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký là các địa chỉ tương ứng quy định tại Điều Kiện 17.3.

17.3 Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Kiện 17.1:

(a) của Tổ Chức Phát Hành:

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: (021) 0399 1706

Người nhận: Kế Toán Trưởng

(b) của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu/Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm/Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3972 4568

Email: support@vndirect.com.vn

Trong trường hợp có sự thay đổi địa chỉ được nêu trên thì tổ chức có thay đổi địa chỉ phải thông báo cho các tổ chức còn lại và tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản theo phương thức quy định tại Điều Khoản 18.1. Nếu tổ chức đó không gửi thông báo thì bất kỳ tổ chức còn lại nào hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo, văn bản cho tổ chức đó theo địa chỉ cũ và tổ chức đó coi như đã nhận được thông báo, văn bản hợp lệ và nội dung thông báo, văn bản khi được gửi như vậy có giá trị ràng buộc tổ chức đó.

18. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- 18.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo quy định tại Điều Khoản 16. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy (i) sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi/và được sự đồng thuận của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) đều phải được thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (trừ trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu xét thấy không cần thiết), Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký hoặc Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký ngay khi có thể.

Để làm rõ, trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành tự sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu để xử lý lỗi hoặc sai sót rõ ràng như trên, thời điểm các sửa đổi đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu có hiệu lực sẽ theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành sau khi trao đổi với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này do Tổ Chức Phát Hành thực hiện trái với quy định tại Điều Khoản 18 này đều không có giá trị ràng buộc Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Và Lưu Ký (nếu áp dụng).

- 18.2. Việc sửa đổi, bổ sung bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào sẽ theo phương thức quy định tại chính Văn Kiện Trái Phiếu đó.

19. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

20. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

21. NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

- 21.1. Các cụm từ “của Các Điều Khoản Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và các cụm từ có nội dung tương tự sẽ đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà không phải là đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- 21.2. Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này, đề cập đến “Điều Khoản” hay “đoạn” là đề cập đến

- Điều Khoản hay đoạn của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi cách giải thích khác.
- 21.3. Các tiêu đề của bất kỳ Điều Khoản hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Khoản hay đoạn đó.
- 21.4. Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là Trái Phiếu đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- 21.5. Trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi cách giải thích khác, đề cập đến bất kỳ tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng nào sẽ (i) gồm tất cả phụ lục và các văn bản đính kèm khác của tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng đó, (ii) gồm tất cả tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng được ban hành hoặc được ký kết để thay thế tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng đó, và (iii) có nghĩa là tài liệu, văn kiện, hoặc hợp đồng, hoặc các văn bản thay thế hoặc văn bản bị thay thế của tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng đó, được sửa đổi, chỉnh sửa và bổ sung vào từng thời điểm phù hợp với các điều khoản của tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng đó và có hiệu lực tại thời điểm nhất định.
- 21.6. Trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi cách giải thích khác, nếu có bất kỳ văn bản pháp luật nào được đề cập trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này đã bị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hiệu lực hoặc thay thế thì dẫn chiếu đến văn bản pháp luật đó trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới văn bản pháp luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn như vậy hoặc văn bản thay thế văn bản pháp luật đó.
- 21.7. Đề cập đến một “người” là đề cập đến bất kỳ thể nhân, doanh nghiệp, công ty, tập đoàn, hiệp hội, quỹ, cơ quan nhà nước hoặc tổ chức khác dù có hay không có tư cách pháp nhân.
- 21.8. Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- 21.9. Đề cập đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị”, “phê duyệt” hay “chấp thuận” của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là đề cập đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị, phê duyệt hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua dưới hình thức Nghị quyết/Quyết định tại một Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Biểu Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- 21.10. Trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi cách giải thích khác, việc xác định thời hạn sẽ theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Số: 486 /2021/VNDIRECT

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÂN QUYỀN, ỦY QUYỀN CHO PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Căn cứ vào:

- Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT;
- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT;
- Nghị quyết số 138-3/2019/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đối tượng và nội dung ủy quyền

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty giao và ủy quyền cho:

Ông Nguyễn Vũ Long

Giấy CCCD số :042087000548 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 17/02/2020

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng khoán VNDIRECT

Thực hiện các công việc quản lý, quyết định, ký các văn bản, tài liệu liên quan đến các công việc/hoạt động sau đây của Công ty Cổ Phần Chứng khoán VNDIRECT:

- Ký các văn bản, tài liệu khi thực hiện các công việc được nêu trong Bản phân công công việc của Phó Tổng Giám đốc (đính kèm theo Quyết định bổ nhiệm của Chủ tịch HĐQT Công ty);
- Hoạt động và giao dịch gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, thỏa thuận hỗ trợ lãi suất với tổ chức tín dụng/khách hàng, cầm cố hợp đồng tiền gửi tại tổ chức tín dụng;
- Hoạt động và giao dịch mua bán, đặt cọc, cầm cố/thế chấp giấy tờ có giá (bao gồm nhưng không giới hạn, hợp đồng khung, hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng giao dịch từng lần...) và các công việc liên quan đến giao dịch mua bán, cầm cố giấy tờ có giá với các tổ chức, cá nhân;
- Hoạt động và giao dịch liên quan đến dịch vụ về giấy tờ có giá (bao gồm nhưng không giới hạn: đặt lệnh giao dịch trái phiếu, tổ chức tư vấn phát hành giấy tờ có giá, thu xếp phát hành giấy tờ có giá, đại lý phát hành giấy tờ có giá, đại lý đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng giấy tờ có giá, đại lý thanh toán giấy tờ có giá, tổ chức bảo lãnh phát hành giấy tờ có giá và các dịch vụ khác về giấy tờ có giá...);
- Hoạt động và giao dịch vay vốn với tổ chức tín dụng, các tổ chức khác và các công việc liên quan đến giao dịch vay vốn nêu trên;
- Hoạt động và giao dịch mua bán, mua bán lại, đặt cọc để mua bán cổ phần/cổ phiếu chưa niêm yết, cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết (bao gồm nhưng không giới hạn, hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu với đối tác/khách hàng, giấy đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán, giấy tờ đề nghị khác gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/tổ chức phát hành...);
- Hoạt động và giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và các sản phẩm ngoại tệ khác;
- Hoạt động và giao dịch hoán đổi lãi suất và các sản phẩm cấu trúc khác với các định chế tài chính;
- Hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến giao dịch qua fax/email/scan/hình thức khác, thỏa thuận bảo mật thông tin với đối tác và khách hàng;
- Hợp đồng, thỏa thuận về việc sử dụng các dịch vụ của các tổ chức tín dụng;



GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ
Lê Thị Hương Mai

- Thay mặt Chủ tài khoản chỉ định ghi nợ tài khoản thanh toán của Công ty tại các tổ chức tín dụng để thực hiện các giao dịch gửi tiền, mua bán ngoại tệ, mua bán giấy tờ có giá, cổ phần, cổ phiếu, thanh toán phí dịch vụ.
- Hoạt động và giao dịch của Khối Ngân hàng đầu tư, bao gồm: (i) ký các văn bản, hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh/giao dịch/dịch vụ của Công ty đối với các khách hàng của Khối ngân hàng đầu tư, (ii) ký các văn bản (gồm cả các hồ sơ, tài liệu, báo cáo) để nộp/gửi cho Cơ quan quản lý Nhà nước hoặc Cơ quan có thẩm quyền khác (bao gồm nhưng không giới hạn ở Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán/Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở kế hoạch và đầu tư, các Cơ quan quản lý Nhà nước khác) liên quan đến hoạt động dịch vụ, nghiệp vụ của Khối Ngân hàng đầu tư và/hoặc để thực hiện các công việc/thủ tục theo các hợp đồng ký với khách hàng.

Giá trị của mỗi giao dịch về mua bán, cầm cố giấy tờ có giá, giao dịch vay vốn tại các tổ chức tín dụng, giao dịch về tiền gửi, giao dịch phát hành trái phiếu của công ty mà Phó Tổng Giám đốc được quyết định và ký kết không vượt quá 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty. Giá trị tối đa của mỗi giao dịch hoán đổi lãi suất mà Phó Tổng Giám đốc được quyết định và ký kết không vượt quá 500 tỷ đồng mỗi giao dịch.

Điều 2. Phạm vi và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc

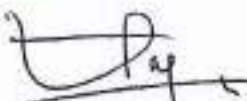

- Phó Tổng Giám đốc được đại diện Công ty và Chi nhánh quyết định về giao dịch, lập và ký kết các thỏa thuận, hợp đồng, văn bản cần thiết hoặc liên quan khi thực hiện các công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.
- Phó Tổng Giám đốc vốn được sử dụng con dấu của Công ty (gồm cả Chi nhánh) để đóng vào văn bản đã ký khi thực hiện công việc được ủy quyền.

Điều 3. Nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc

- Thực hiện đúng nội dung, phạm vi được ủy quyền và trong phạm vi phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty;
- Khi thực hiện công việc được ủy quyền phải tuân thủ, thực hiện đúng các quy chế nội bộ, quy trình của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền, trước Công ty và trước pháp luật về các công việc do mình thực hiện.

Điều 4. Mẫu chữ ký

Mẫu chữ ký của Phó Tổng Giám đốc :

Mẫu chữ ký	Mẫu chữ ký
	

Điều 5. Hiệu lực

- Thời hạn ủy quyền là kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến khi: (i) Người được ủy quyền không còn giữ chức vụ nêu tại văn bản này, (ii) có văn bản thay thế/chấm dứt Quyết định này.
- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 25/2020/VNDIRECT ngày 15/01/2020.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VNDIRECT

ĐẠI MƯA MINH HƯƠNG

